

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN-THÊ LÀM LỜI SỚ-SAO

QUYỀN THỨ TƯ

Đất Cồ-Hàng, chùa Vân-Thê, Sa-môn Chu-Hoàng thuật.

CẢM QUẢ (phân ra làm hai phần)

- 1.- Phật hiện ngã tiền (Phật hiện trước mặt ta)
- 2.- Ngã vãng Phật xứ (Ta sanh qua xứ Phật)

PHẬT HIỆN NGÃ TIỀN

Người kia đến khi mạng chung, Phật A-Di-Đà cùng các vị Thánh chúng, hiện ở trước mặt.

SỚ : Người kia là : Chỉ người tu pháp tri-danh niệm Phật. Nương văn trên nói : Hễ được nhứt-tâm bất loạn, thời đến khi sanh-mạng sắp cuối cùng, Phật ắt hiện trước mặt ; do vì nhờ sức mình với sức Phật lẽ cảm ứng lẫn nhau. Như trong hai bộ kinh và các kinh nói.

SAO : Sức mình là : Phàm người khi mạng-chung, lúc thân tiền-hữu sắp mãn, thân hậu-hữu chưa sanh ; thời cả đời bình sanh làm việc ác hay việc thiện, tự-nhiên bây giờ nó hiện ra trước mặt, như : việc thập-ác, việc ngũ-ngịch, thời tướng địa-ngục hiện ra trước ; xan-tham tật đố thời tướng ngạ-quỉ hiện ra trước. Nhấn đến tu ngũ-giới, thập-thiện thời cảnh nhơn-thiên hiện ra trước.

Nay người chuyên về niệm Phật, nhứt-tâm bất-loạn, thời tịnh-niệm thành-tự ; trong tâm thanh-tịnh, lẽ nào Phật không hiện ra trước mặt ư ? Kinh Lăng-Nghiêm nói : Nhớ Phật niệm Phật, hoặc hiện đời, hoặc đời sau, quyết-định thấy Phật, chắc vậy.

Sức Phật là : Kinh Đại-Bổn, Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Khi Ta làm Phật, trong 10 phương vô-ương số thế-giới các vị chư Thiên, Nhơn dân ai có phát-tâm Bồ-Đề, tu các việc công-đức, nguyện sanh về trong cõi của Ta ; thời đến khi mạng chung. Ta cùng đại-chúng hiện ra trước mặt người đó để dẫn về nước.

Trong bài văn Tam-Bối vãng-sanh, lại nói : Người kia khi mạng sắp chết Phật cùng các vị Thánh-chúng đều đến rước về. Trong Quán-Kinh văn Cửu-Phẩm, hoặc nói Phật A-DI-ĐÀ đến trước người tu kia, hoặc nói đến chỗ người kia, đều là cái ý hiện ra trước mặt vậy.

Nói các kinh là : Kinh Xưng-Dương chư Phật công-đức nói : Nếu có người được nghe danh-hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ Như-Lai, nhứt tâm tin muốn, người đó khi mạng chung, Phật A-DI-ĐÀ cùng các vị Tỳ-kheo hiện ở trước người đó ; mà nó chẳng dám phá hoại cái tâm chánh-giác người kia.

Lại kinh Cồ-Âm-Vương nói : trong tứ-chúng (1), hoặc có người nào hay chơn chánh thọ-tri danh hiệu Phật kia, đến khi mạng chung, Phật A-Di-Đà liền cùng với đại-chúng, hiện ra ở trước mặt người đó, khiến cho người đó được thấy. Lại Kinh Hoa-Nghiêm quyển 46 nói : Đức Như-Lai có 10 món Phật Sự : 1.- Nếu có chúng-sanh nào chuyên tâm nhớ niệm, thời Phật hiện trước mặt người đó v.v.... Chính chỗ gọi rằng : chúng-sanh niệm Phật, Phật rước cả không bỏ sót một ai. Nếu y theo kinh Bát-Nhã ; thời sức mình lại có hai nghĩa : 1.- Sức mình niệm. 2.- Sẵn có sức Phật-tánh của mình, và thêm nhờ sức của Phật nguyện rước, mới thành ba sức. — Sức sẵn có là : Như chiếc thuyền. Sức niệm Phật là : Như buồm chèo. Sức Phật nguyện rước là : Như gió xuôi ; ba việc đủ trọn, ắt chóng lên bờ kia.

SỞ : Phật và các vị Thánh-chúng là : Phật gồm cả Báo-thân và Hóa-thân ; Thánh-chúng gồm luôn các vị Bồ-tát, hàng Thanh-văn v.v...

SAO : Gồm Báo-thân, Hóa-thân là : Trong Quán-kinh nói rõ về Phật hiện : Trước nói thân Phật cao 60 vạn ức ; kế nói thân một trượng sáu ; thừ nữa thì nói người sanh về phẩm hạ, vị Hóa-Phật đến rước. — Thế thời biết người sanh trong chín phẩm, chỗ thấy Phật chẳng đồng. Trong Nhiếp-luận cũng nói : Bực-Đẳng-Địa mới thấy được ông Phật Báo-thân lần hồi mỗi địa càng thấy thân Phật càng nhỏ nhiệm. Kinh đây chỉ nói Phật hiện chớ không phân ông Phật Báo-thân hay ông Phật Hóa-thân, do vì nói một gồm nhiều.

Gồm các vị Bồ-tát, Thanh-văn là : Như trong Quán-kinh văn Thượng-phẩm thượng-sanh, nói : Phật cùng Quan-Âm, Thế-Chí, vô số Hóa Phật trăm nghìn Bi-sô, Thịnh-văn đại-chúng vô-lượng các đức chúa trời hiện ra trước mặt người đó. Nhưng cũng có người niệm Phật, mà Phật không đến rước, đề các vị Bồ-tát đến rước đấy, vẫn đây theo phần nhiều Phật rước.

SỞ : Hỏi : Con làm chung Phật hiện ra trước, cũng có ma hiện chẳng ? Đáp : Người xưa đã nói không ma ; dẫu hoặc có đó quý tại tự mình biện rành biết lấy.

SAO : Không-ma là : Riêng tu một pháp thiền-định ma ngũ-ấm nó nổi lên ; như trong Lăng-Nghiêm, trong Chỉ-Quán và các Kinh Luận, phân-biệt việc ma rất rành. Kinh đây nói người niệm Phật, nhờ sức oai-thần của Phật, sức bản-nguyên của Phật trong hào-quang lớn của Phật che-phủ, quyết không có việc ma nó phá. Song cũng có người nghiệp-chướng đời trước sâu dày ; hoặc không khéo dụng tâm, để cho có ma nổi lên chưa chắc có thể quyết-định được, phải phòng biện rành biết lấy.

Như trong kinh, Luận nói : Người tu thấy Phật muốn biện-bạch biết cho rành, thời có hai phép như đây : 1.- Thấy Phật hiện mà không hiệp với trong Kinh, Luận, thì đó là ma sự ; 2.- Không hiệp với chỗ tu của mình, thì đó là ma sự. Sở

đĩ vì sao ? Do vì với người riêng tu pháp thiền-định thời gốc chỗ tu nhơn, là duy nhận có tự tâm chờ không nhận có nương nơi cảnh, cho nên ngoài tâm có Phật hiện, điều đó thời không cần luận, do vì quả chẳng hiệp nhơn, Kinh này nói người niệm Phật, một đời nhớ Phật, cơn lâm-chung thấy Phật, nhơn-quả phù-hiệp, đầu đặng cho là ma sự ư ?

Nếu mà người chưa đặng rõ quyết Phật hay là ma được, thì phải như hai phép trước kia đề biện-biệt xét biết mà thôi. Hỏi : Đã nói rằng không ma ; thời ắt là thiệt Phật. Mà sao tôi nghe người xưa nói Phật không khứ không lai, nay vì lẽ gì có Phật hiện ở trước mặt người kia ? Đáp : Với cái đạo-lý cảm-ứng nó liên-lạc lẫn nhau, cũng chẳng ngại gì, với lẽ không lai mà lai, không thấy, mà thấy. Cho nên ngài Vĩnh-Minh bảo rằng : Như huyền chẳng thật, thời tâm và Phật đều quên ; nhưng tướng huyền chẳng không, thời không hoại tâm và Phật. — Lại nói : Ông Chơn-thật pháp-thân, vốn không sanh không diệt. Song từ nơi chơn Phật mà phát khởi ra ông Phật Hóa-thân, để dẫn dắt người si-mê. Đây chính là công-đức bản-nguyên của Như-Lai, khiến những chúng-sanh nào có duyên kia, chuyên tâm tưởng niệm, hay ở trong tự tâm mình thấy Phật đến rước ; chẳng phải chờ Phật thiệt có sai vị Hóa-thân đến đề rước. Thế thời với thân Phật vẫn thương vắng-lặng mà chúng-sanh thấy có khứ, có lai như hinh trong gương, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, như việc trong mộng, chẳng có chẳng không.

Lại trong kinh Pháp-Hoa nói : Do chúng-sanh muốn cho được thân Phật hóa độ, thời đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát liền hiện thân Phật ra đề vì thuyết-pháp cho nghe, cũng ý đây vậy. Cho nên hễ có nước trong thời trắng tự đến, Tâm thanh-tịnh thời Phật tự hiện ; chỗ gọi rằng cảm-ứng đạo-giao, khó nghĩ, khó bàn.

SỞ : Nên biết khi lâm-chung, thiết một tượng Phật và trợ-niệm, văn đây chép trong kinh Phật, phép đây truyền ra từ bên nước Tây-vực ; không nên nghi ngại.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 15, lời tụng nói : Hễ thấy có người lâm-chung thì ta khuyên họ niệm Phật. Lại

trương tượng Phật cho họ xem kính ; khiến người đó đối với Phật rất sanh tâm qui-ngưỡng theo Phật. Cho nên dựng thành hào-quang ấy. Lời sớ nói : Phép bên Tây-vực có người khi muốn bỏ sanh-mạng, dạy họ trở mặt về hướng Tây ; ở trước để một tượng Phật đứng, tượng kia cũng trở mặt về hướng Tây ; rồi lấy cái đầu tràng-phan treo nơi ngón tay tượng Phật, bảo người bện tay nắm đuôi phan đẩy tượng vãng-sanh theo Phật và bao nhiêu người cùng đốt hương đánh chuông trợ niệm danh hiệu Phật. Chẳng những vong-giả được sanh về ở trước Phật, cũng trọn thành được thấy hào-quang của Phật nữa. Nếu với người xuất thần đạo đi các cõi, đi ở tự-tại không ngăn-ngại, đó là bậc siêu-phàm đề ngoài lời luận. Còn hoặc người chưa được như vậy, thời phải gắng-gỗ làm theo trên đó. Nghĩa là riêng vì trương tượng Phật để trợ việc vãng-sanh ; huống chi người kia nhứt-tâm bất-loạn, cảm Phật hiện ra trước mặt ; chớ lo là ma-sự mà tự sanh tâm nghi-ngại không nên !!

SỚ : Xứng-lý thời tự-tánh vọng cùng chơn lộ, là nghĩa cơn lâm-chung Phật hiện.

SAO : Vọng-tâm chưa hết thời mờ-mờ mịt-mịt đó là cái nghĩa mạng-căn chưa đoạn ; mê-hoặc dính-chấp trước không, tình-lự tiêu, vọng-kiến hết ; tỷ như người chết nhà hư, khói tắt tro bay là cái nghĩa mạng-chung đấy. Các cái mê-vọng hết rồi, không chơn còn đợi gì nữa ? Bấy-giờ dầu cầu Phật dừng hiện ra trước mặt cũng không thể được vậy. Song mà lòng từ của Phật vô-hạn dầu đợi cơn lâm-chung mới là hiện ra trước. Thế cho nên có câu : *« luôn luôn hiện trước kẻ thời nhơn, mà kẻ thời nhơn tự chẳng biết »* (2).

NGÃ VẮNG PHẬT XỨ

Người ấy khi chết tâm chẳng điên-đảo ; liền dựng vãng-sanh về nước Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà.

SỚ : Văn trên nói chữ « lâm » đấy : Là mạng gần muốn thác, Văn đây nói chữ « chung-thời » : Chính là nói cái lúc hơi ảm (3) trong mình sắp hết, thần-thức

đi ra. Tâm chẳng điên-đảo là do vì nhứt-tâm bất-loạn, nên chẳng điên-đảo, do vì không điên-đảo, nên chẳng sanh về chỗ khác. Liền đặng là : Nói sự vắng-sanh rất mau chóng.

SAO : Điên-đảo là do người kia khi bình-nhứt thuận theo thói vọng-tưởng, không tu chánh-niệm, tâm nhiều tán-loạn. Như văn trước đã nói : Lúc sắp bỏ hơi ấm, thời một đời chỗ làm lành hay dữ ; bấy giờ đều hiện ra trước mặt ; tâm-thần lo sợ trần-trở mò-măn co cụm. Người đáng vào trong địa-ngục, thời tự thấy đối với núi đao, rừng kiếm, lại xem là vườn huê-kiếng (vui thích). Người đáng đọa trong loài súc-sanh, thời với bụng ngựa thai lừa lại nhận là nhà cửa. Dầu cho người làm lành, được sanh cõi người hay cõi trời đi nữa. Nhưng cũng chưa khỏi cái khổ : ghét, thương, cha, mẹ (4) ; nhần đến bực Tiểu-Thánh sơ-tâm (5) còn chưa chính biết được chỗ xuất nhập (6) ; nên chỉ gọi rằng điên-đảo (7) ; Nhơn điên-đảo đấy, nên phải tùy nghiệp thọ-sanh trong 3 cõi, 7 thú (8).

Nay kinh này nói : Đã nhứt-tâm bất-loạn, thời trong sẵn chánh-niệm, ngoài cảm Phật rước, bỏ báo-thân này, liền sanh về nước kia ; Như lời Phật dạy : « *Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh* ». Lại nói tất-cả quốc-độ, duy có tâm tướng kiềm giữ, trọn thành tâm tướng thanh-tịnh, thời ắt đặng vắng-sanh, hẳn không nghi-ngờ gì nữa (không sợ sanh về chỗ khác).

Sanh về chỗ khác là có ba chỗ : 1.- Thế-giới Ta-Bà đây ; 2.- Cõi nước Phật khác ; 3.- Chỗ biên-địa nước kia, nay đều lựa bỏ ra đó. Chữ Tốc nghĩa Mau là : Không trải qua thân trung-ấm, không cách ngày giờ. Nên trong Quán-Kinh nói : Như trong khi đờn chỉ đã sanh về nước Cực-Lạc kia rồi.

Lại Ngài Trí-Giả nói : Con lâm-chung mà tâm vẫn ở trong định, tức là cõi tịnh-độ. Khi tâm nó động niệm, tức là liền sanh về cõi lịnh-độ. Chỗ nói tâm ở trong định là : Kinh này nói tâm chẳng điên-đảo vậy. Chỗ nói tâm nó động-niệm là : sau đó nguyên được sanh về nước kia.

SỐ : Kinh Đại-Bồ-n nói : Thân-thề của người ở bên nước Tịnh-Độ, chẳng phải ; như thân-thề của người ở cõi đời này, và cùng chẳng phải như thân-thề của chúng ở trên cõi trời. Mà là thân-thề ấy đều là những đức chúa các việc lành, nên tự-nhiên cảm động cái thân-thề nhẹ nhàng, bởi hóa-sanh trong hoa sen, cũng không có người nhũ-dưỡng.

SAO : Chứa các việc lành ấy : Tức là các thân thành-tựu bằng đa thiện-căn đa phước-đức ; chẳng phải như do tâm ái-dục làm nhơn, cảm quả thân bằng tứ-dại làm thê ; cho nên chẳng do thai ngục, mà là gá-chất nơi ao sen thất-bảo vậy. Cũng không có người nhũ-dưỡng ấy : Nghĩa là tự-nhiên khôn lớn, không phải như bên đất Bắc-Cu-Lô Châu còn đợi để đầu ngón tay ra sữa, mà làm sự nuôi-nấng.

SỐ : Do chỗ « nhứt-tâm bất-loạn trên », thì với những người được vãng-sanh kia phân ra làm cái nhơn tam-bối cứu-phàm ; Lại chín chắn phân tách ra, cũng là vô-lượng.

SAO : Tam-cửu là kinh Đại-Bồ-n nói : Tam-bối. Kinh Thập-lục-Quán nói : Cửu-phàm, do nhứt-tâm phân ra có sự và lý. Sự lý cũng lại phân mỗi cái có Thắng và Liệt. Sau khi được vãng-sanh đúng như chỗ căn-bồn, là cái nhơn tu đó, mà chia làm phẩm-vị.

Tam-bối là : Như kinh Đại-Bồ-n nói : Bực thượng-bối là do những người phát-tâm Bồ-Đề chuyên niệm Phật A-Di-Đà, tu các việc công-đức, và nguyện-sanh về nước kia ; đến khi mạng gần thác, Phật và các hàng Thánh-chúng hiện trước mặt người đó ; người đó liền ở trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-sanh, trụ bực bất-thối-chuyên, trí-huệ đồng-mãnh, thần-thông tự-tại ; chỗ ở thì là các cung-diện bằng bảy báu ở giữa hư-không ; cách Phật rất gần, thế gọi là : người sanh bực thượng bối ; phối-hợp với văn trước ; thời bực này đặng cả sự và lý nhứt-tâm.

Bực trung-bối là những người không thê tu các công-đức lớn, mà cũng phát-tâm bồ-đề, chuyên niệm hồi-hương ;

khi mạng-chung sanh về cõi kia, công-đức tri-huệ sút hơn bậc thượng-bối, thế gọi là người sanh bậc trung-bối. Phối hợp với văn trước, thời bậc này vừa đặng sự nhứt-tâm có dư, nhưng với lý nhứt-tâm thời chưa đủ.

Sanh bậc Hạ-bối là những người không thể làm các việc công-đức, nhưng cũng phát bồ-đề tâm, một bề chuyên-niệm nhĩn đến mười niệm, được sanh về cõi kia; nhưng cung-điện thì chỉ ở trên đất, lại sút hơn bậc trung-bối; thế gọi là người sanh bậc Hạ-bối. Phối sánh với văn trước, thời bậc này chỉ đặng sự nhứt-tâm, chớ chưa đặng lý nhứt-tâm.

Cửu-phẩm là trong Quán-Kinh có nói : Với trong ba phẩm thượng : Có người sanh về cõi kia liền đặng trăm nghìn pháp Đà-La-Ni; có người sanh về cõi kia phải trải một tiểu-kiếp mới đặng bậc vô-sanh-nhĩn, có người sanh về cõi kia, còn phải trải ba tiểu-kiếp mới đặng bách-pháp minh-môn, trú nơi bậc Hoan hỉ-địa; so sánh với văn trước, thời phẩm này được cả sự và lý nhứt-tâm; nhưng có cao và thấp, cho nên thành ba phẩm, đây đồng như bậc thượng-bối.

Với trong ba phẩm trung : Có người sanh về nước kia, liền đặng quả A-La-Hán; có người sanh về nước kia, đến nửa kiếp mới đặng A-La-Hán; có người sanh về nước kia, trải một kiếp mới đặng quả A-La-Hán; phối với văn trước, thời ba phẩm này với sự nhứt-tâm đầy đủ, Lý nhứt-tâm còn kém thiếu; cũng có cao và thấp, nên thành ra ba phẩm, lệ này đồng như bậc trung-bối.

Với trong ba phẩm hạ trung : Có người sanh về nước kia, phải trải 10 tiểu-kiếp mới đặng vào bậc Sơ-địa; có người sanh về nước kia trải đến sáu kiếp hoa sen mới nở, phát-tâm vô-thượng đạo; có người sanh về nước kia, 12 đại-kiếp mới phát-tâm bồ-đề; phối với văn trước thời 3 phẩm này chỉ có sự mà không có lý; cũng do cao thấp nên thành ra 3 phẩm; lệ như bậc hạ-bối.

Chín chẵn phân ra là như trong văn trước nói : Trong bối phẩm phân ra lại phân ra, thời có trăm nghìn vạn-ức vô cùng

Bối và Phẩm, đều là do sự nhứt-tâm, và lý nhứt-tâm ; chỗ dặng có cao và thấp, mà làm ra có thứ lớp nhiều thế.

SỐ : Như trong Quán-Kinh nói : Bực thượng-phẩm thượng-sanh là bực người đã dặng quả vô-sanh-nhẫn. Ngài Thiên-Thai phân phán ra cho thuộc về bực Sơ-Địa. Mà kinh Hoa-Nghiêm nói : Với quả vô-sanh-nhẫn tự có bực thấp và cao. Thời trong phẩm thượng-thượng, thật có nhiều phẩm ; huống nữa là các Phẩm trung và hạ kia !

SAO : Thấp cao là Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực-Bát-Địa trong phần Tịnh-Nhẫn, lời số nói : Bực Vô-sanh-nhẫn lược có hai nghĩa : 1.- Ước về pháp ; 2.- Ước về hạnh. — Ước pháp thời : Những cái lý vô-khởi tác, đều gọi là Vô-sanh ; Tâm-huệ an trụ trong lý đó, nên gọi là nhẫn. Ước hạnh thời : Báo-thân giới-hạnh thuần-thực, trí hiệp với lý : Không trụ nơi vô-tướng, không chấp nơi vô-công, rộng-rãi như hư-không, lặng trang như biển đứng ; tâm thức vọng hoặc, bắt hết không khởi, mới gọi là Vô-sanh. Thuyết trước còn chung các Địa, thuyết sau chỉ riêng về Bát-Địa ; còn bao nhiêu như trong lời tự, quyền trước đã có biện.

Cho nên biết bực Vô-sanh-nhẫn, tự có thấp và cao. Thời trong phẩm thượng-thượng, từ bực nhứt-địa, nhẫn đến bực bát-địa đã trùm nhiều phẩm. Với các phẩm kia khá biết vậy, nên chín chắn phân ra cũng đến vô-lượng.

SỐ : Lại tam-bối cửu-phẩm. Hai kinh phối nhau, thời mỗi thuyết có chút khác. Như Ngài Phụ-Chánh chỗ giải dung-thông.

SAO : Trong Quán-kinh lời số nói : Kinh đây nói Cửu phẩm, vì khiến cho biết phẩm vị có cao và có thấp. Tức kinh Đại-Bồ-nói tam-bối.

Ngài Cô-Sơn nói : Tam-bối trong Đại-Bồ-n, chỉ ngang với sáu phẩm về trước trong Quán-kinh. Vì Tam-bối thuần nói người hành thiện, không nói đến người ác vậy. Ngài Linh-Chi phân Tam-bối, chỉ đối với ba ngành phẩm thượng ; cho nên nói : Các thuyết có khác nhau chút đỉnh.

Ngài Thảo-Am Phụ-Chánh giải rằng : Ngài Thiên-Thai nói : Chín phẩm đồng với Tam-bối là : So về ngôi thứ đồng nhau, chứ không phải nói bằng cách so về hạnh-nhơn (cái-nhơn-tu). Thời Ngài Cô-Son, Ngài Linh-Chi đều không trái với Ngài Thiên-Thai. Sở dĩ vì sao ? Do Ngài Thiên-Thai chỉ ước về ngôi thứ thời bối phẩm ngang đồng. Còn hai Ngài kia chỉ ước về hạnh-nhơn, thời chỉ bằng ngang với phẩm trung, phẩm thượng. Ngài nào cũng đều có chỗ chứng cứ, nhưng dùng nghĩa chẳng đồng, cho nên chẳng trái vậy. Song chắc thật mà luận : Thời tâm phiền-não chẳng khác tâm bồ-đề, trước ác nào ngại gì sau thiện, người ác đã trở thành người thiện, đâu chẳng phải đồng bậc với Thánh - Hiền ? Tam-bối cửu-phẩm phối hiệp ngang nhau, không chi phải nghi hết.

SỐ : Lại kinh Hoa-Nghiêm nói : Người niệm Phật « số » cùng « tâm » bằng nhau v.v... Tức là nghĩa Tam-bối, cửu-phẩm tùy gốc tu-nhơn chẳng đồng.

SAO : Số, Tâm bằng nhau là : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 23, Ngài Ly-Cầu-Tràng Bồ-Tát nói lời kệ rằng : Như người tu pháp tri-danh, lấy Phật làm cảnh-giới, chuyên niệm mãi không thôi, thời người đó được thấy Phật. Số, cùng Tâm kia bằng nhau v.v... Giải rằng : Số cùng đồng bậc với Tâm, nghĩa là : Tùy-niệm tùy-hiện. Tùy-niệm có hai nghĩa : 1.- Tùy niệm nhiều ít ; Phật hiện cũng in như đó.

Như niệm Phật một tiếng, có một vị hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v... 2.-Tùy-niệm cạn sâu, thời Phật hiện cũng xứng đó. Như cơn lâm-chung thấy Phật, có thắng có liệt v.v... Nhiều ít cạn sâu, tức bối, phẩm phân-biệt. Người ấy được thấy Phật : Tức là Đức Phật A-Di-Đà hiện ở trước mặt người đó. Chuyên niệm là gì ? Tức là nhứt-tâm bất-loạn.

SỐ : Lại ngài Chí - Nhân nói : Hai món tịnh nghiệp, cũng là nghĩa tam-bối cửu-phẩm.

SAO : Ngài Chí-Nhân pháp-sư nói : Một môn vắng-sanh đây, có hai pháp tịnh-nghiệp : 1.- Pháp chánh-quán thâm-soi trong bản tâm của mình. 2.- Pháp trợ-hành, làm đủ muôn việc lành. Hai việc đều đặn thời rõ thấu bốn cõi tịnh-độ.

Như người chỉ làm đặng sự thiện, gần thời sanh về cõi đồng-cư, còn xa thì làm cái nhơn cho ba cõi kia. Cho nên biết cõi Tịnh-Độ, chính là cảnh-giới của Ông Cứu-Lý Bồ-Tát đi lên; mà cũng là gồm chứa chúng-sanh ngơ ngơ nữa. (Cứu-Lý : Đắc pháp niệm Phật bằng lý nhứt-tâm. Ngơ-ngơ : Cái nhơn còn xa).

Lại nói rằng : Bực viên-cơ thể-đạo (rõ đạo) là phép tịnh-nghiệp tối-thượng. Nếu thêm lời nguyện đề dắt đường, thời liền được dự hàng ưu-phẩm (phẩm thượng). Còn những chúng tối dốt, chỉ niệm Phật phát nguyện thì cũng được sanh về. Xem một môn Tịnh-độ, thời vị Thánh-nhơn không bỏ một ai cả.

Xét câu nói : Pháp chánh-quáa, thời thông cả phẩm thượng, phẩm trung. Câu nói : Pháp trợ-hành, thời đồng cả phẩm trung phẩm hạ. Lại Ngài Pháp-sur làm lời luận đây rất đúng ; kẻ xem đến chớ nên khinh thường.

SỞ : Có người hỏi : Với chín phẩm, mà tám phẩm dưới từ trong hoa sen hóa sanh ra : do vì phẩm thứ nhứt nói : Kim-cang-đài. Nay tham hiệp theo các kinh luận, thời kinh luận nào cũng vẫn nói cả chín phẩm, đều thuộc về hoa sen sanh ra.

SAO : Chấp rằng tám phẩm dưới đều từ hoa sen sanh ; là họ căn cứ trong Quán-kinh văn thượng-phẩm thượng-sanh nói : Người kia tự thấy thân mình ngồi trên đài kim-cang ; bởi trong đó không có hai chữ liên-hoa, đó là phẩm thứ nhứt. Cho nên họ nói Tám phẩm sau mới là từ trong hoa sen sanh ra. Song trong kinh luận đã nói đánh rành, đều nói rằng người sanh Tây-phương, cả chín phẩm đều từ hoa sen mà sanh ra kia mà. Kêu bằng « Cửu-phẩm liên hoa vi phụ mẫu... »

Kinh Đại-Bồ-Ngai Pháp-Tạng nguyện rằng : Vô-ương số thể-giới, chư thiên nhơn dân, nhứt đến loài quỳên-phi xuần-động, hễ sanh về trong cõi của Ta, thì đều ở giữa ao thất-bảo, trong hoa sen hóa-sanh. Nói chữ Giai : Đều ; Thời gồm cả chín phẩm nốt.

Lại nói các bực đại Bồ-Tát phương khác, muốn thấy Phật A-Di-Đà thì ở nước kia, trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-

sanh, nói bực Đại Bồ-Tát, thời ắt không phải phẩm trung phẩm hạ.

Lại nói người đặng sanh bực thượng-bồi kia, khi mạng muốn thác, Phật cùng các vị Thánh Chúng, đều đến rước về. Người kia liền ở trong ao thất-bảo, hoa sen hóa-sanh. Nói bực thượng-bồi, tức là đối ngang với bực thượng-phẩm, đều không có cái ý rằng bực Tối-thượng chẳng có hoa sen ?

Lại kinh Pháp-Hoa nói : Người nghe kinh điển này, y như lời nói trên đây mà tu hành, khi mạng chung liền sanh về Cực-Lạc thế-giới. Phật A-Di-Đà có các vị Bồ-Tát vây doanh chỗ ở ; người ấy trong hoa sen sanh ra đặng bực Bồ-Tát có thần-thông, vô-sanh pháp-nhãn.

Xét rằng : Đặng bực vô-sanh-nhãn chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm chứ gì ?

Lại phẩm hạnh-nguyện : Đức Phổ-Hiền Bồ-Tát dùng 10 lời đại nguyện vương, đề dặt về nước Cực-Lạc mà nói rằng : Cõi Phật kia chúng hội đều thanh-tịnh ; Ta bấy giờ ở trong liên-hoa tốt nhất sanh ra. Xét rằng : Đức Phổ-Hiền vãng-sanh, chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm hay sao ?

Lại kinh Bảo-Tích nói : Các vị Bồ-Tát ở bực Thập-tám Hồi hướng, sau đặng vào trong hoa sen hóa-sanh. Xét rằng bực Thập-tám Bồ-Tát chẳng phải bực Thượng-thượng phẩm hay sao ? Lấy đây nghiệm xét ắt có chừng rành.

Hỏi : Quả vậy, thời trong văn Thượng-thượng phẩm, sao lại nói Kim-cang-đài, mà chẳng nói hoa sen ? Đáp : Vì rằng lối hành văn lẫn nhau có và không, chớ nên chấp nhứt. Do đâu biết thế ? Bởi văn Thượng-phẩm trung-sanh, cũng nói ngồi trên cái tử-kim-đài đó rồi, lại cũng cho rằng từ bảy phẩm dưới mới có hoa sen sanh hay sao ? Huống chi phẩm trung sắp xuống cũng chỉ nói rằng : người này khi mạng-chung, ví như anh trắng-sĩ trong lúc co duỗi cánh tay, đã sanh về Tây-phương Cực-Lạc Thế-giới. Trong văn đều thiếu hai chữ hoa sen rồi lại cũng cho rằng : 6 phẩm dưới mới là từ trong hoa sen sanh hay sao ? Xét rằng : Đã nói không hoa sen là hơn,

thời phẩm trung, phẩm hạ, là phẩm thua kém, sao cũng chẳng có hoa sen ?

Lại với cái ngành thượng của trung phẩm sắp lên riêng có nói Liên-hoa-đài, thời cái đài đó nó đồng một loại với Kim-cang-đài và Tử-kim-đài chẳng ? Hay là nó đồng một loại với Liên-hoa ư ? Lộn-xộn không thứ lớp, tấn thối không căn cứ ; Thế rõ biết vẫn thiếu lần mà nghĩa ắt lần đủ vậy.

Theo ý hiểu của Tôi (Ngài Văn-Thê) Phẩm nào cũng đều có hoa sen tất-cả, hoa nào cũng đều có đài tất-cả. Nhưng mỗi đài đều chẳng đồng nhau, vì có tốt có xấu, mà cái đài bằng ngọc Kim-cang thì là cái đài tốt hơn hết đấy thôi.

Như Ông Trần-hoài-Ngọc ngán-đài vừa qua, kim đài nổi đến, khá chứng-nghiệm vậy. Vả chẳng chữ Đài có hai nghĩa : 1.- Chữ đài thuộc nghĩa cơ-đài, là cái đài nó ở phía dưới hoa vì nó làm cái nền ; như ở đời, người ta chạm tượng Phật, dưới có làm cái bửu-đài, trên đài để những cánh hoa, trên hoa để vị Phật, phải vậy. 2.- Chữ đài thuộc nghĩa phòng-đài ; là cái đài nó ở trong hoa, vì hoa bao bọc bốn phía, nên gọi là phòng. Như trong kinh Pháp-Hoa-huyền-nghĩa : lấy hoa sen nêu 10 nghĩa Như. Đến văn Như-thị-Báo nói : Vì như hột-sen đều ở quanh giữa cái phòng-đài. Lại nói : Hột nương ở trong cái đài, thì người đời thường nói tức là cái gương sen phải vậy. (Liên-phòng : buồng sen, vì nhốt chứa hột sen).

Lại kinh Hoa-Nghiêm văn Thập-Địa-Liên-Hoa nói : hoa sen kia dùng ngọc lưu-ly làm cọng, gỗ Chiên-đàn làm đài-gương, ngọc Mã-nã làm nhụy, tua vàng Diêm-phù đàn làm lá cánh. Thế thì đều có nói cọng-sen, gương-sen, nhụy-sen và cánh-sen. Mà kinh Niết-Bàn cũng nói, ví như cọng, cánh, nhụy, gương hiệp làm hoa sen ; đây chỗ gọi rằng : Phòng-đài đều là cái gương sen. Tức là ý-nghĩa rằng : ngọc báu chân-thức-ca làm đài gương sen của kinh Pháp-Hoa. Xem đây, thời biết trong Quán-kinh về pháp quán Hoa-tòa trước dạy : Phải tưởng hoa sen ; kể nói lấy ngọc Thích-Ca Tỳ-Lăng-Già làm cái đài sen. Thế là cái đài này nó ở trong hoa.

Lại nói mỗi mỗi sắc vàng, mỗi mỗi chỗ biến hóa ; hoặc biến làm đài Kim-Cang ; hoặc biến làm lưới báu v.v... Thế thời cái đài này lại ở dưới hoa. Cho nên văn Thượng phẩm trung sanh trước nói tử-kim-đài ; kế nói dưới chơn cũng có hoa sen bằng Thất-bảo. Thế thời cái tử-kim-đài này ở dưới hoa đã rõ-ràng.

Phàm hoa sen thời ắt có đài (gương), đài ắt có hoa. Nói Kim-Cang đài không nói hoa, hay nói hoa, không nói đài, văn trước sau lẫn nhau bày rõ không nên chấp. Nhưng những người đặng sanh lên phẩm thượng-thượng, một phen vừa gá vào hoa sen, tức thời hoa nở tức thời thấy Phật, tức thời chứng-đạo ; còn các phẩm sau đó thời hoa nở lần-lần muộn, thấy Phật lần-lần chậm, chứng-đạo lần-lần cách xa. Lấy đây mà phân-biệt, thời biết chỉ có phẩm Thượng-thượng là đặc-biệt riêng hơn, nhưng chẳng phải là không hoa sen, vì hễ nói đài thì đã có gồm cả hoa sen rồi.

Nếu chấp rằng : Không hoa sen là hơn, có hoa sen là thua thế là khi dễ sen vậy ! Mà với hoa sen đã là khinh dễ, thì sao còn cầu về nước Liên-Bang ? Mà trong pháp quán hoa-tòa, cũng nói Phật ngồi trên hoa sen, thời vị Phật đó cũng là thua hèn ư ? Lý đó sẽ nói làm sao cho thông ?.

Hỏi : Sao Ngài Tứ-Minh có nói rằng : Chín phẩm nước Cực-Lạc tám phẩm từ hoa sen sanh ra ư ? Đáp : Ngài Tứ-Minh chỉ nói rằng : Tám phẩm từ hoa sen sanh, chứ Ngài chưa nói không hoa sen, thiết là phẩm nào ? Do vì với phẩm trung, phẩm hạ, Ngài cũng không nói hoa sen ; nếu quả phẩm Thượng-thượng không hoa sen, thời chắc Ngài cũng ắt có nói rành, chứ lẽ nào Ngài chỉ mở mồi đầu, mà rốt cuộc rồi Ngài không nói gì hết là sao vậy ?

Hay là chữ Bát đó là người ta viết lầm, cũng chưa biết chừng ! Đâu biết chẳng phải Ngài Tứ-Minh nói : Nước Cực-Lạc chín phẩm từ hoa sen sanh ra ư ? Đợi bậc Cao-minh biện lại đó.

SỐ : Hỏi : Ngoài phẩm hạ, lại có thai sanh, là thiết có hay không ? Đáp : Đó là vì nêu lên cho biết rằng :

Người niệm Phật mà sức tin không kiên cố, chớ thiết không có thai sanh.

SAO : Không có thai sanh đó Kinh Đại-bồ-n nói rằng : Đức Phật Thích-Ca bảo đức Di-Lặc : Nếu có chúng-sanh tu các công-đức, nguyện sanh về cõi kia, mà không rõ trí Phật, chí-ý dụ dự, đến khi mạng-chung, mới ăn-năn lỗi mình ; vì vậy sanh về cõi kia, mới vào đến chỗ biên-địa, thấy thành thất-bảo. Liền ở đó, trong hoa sen sanh ra, cũng có tự-nhiên khoái-lạc, như cõi trời đạo-lợi ; nhưng ở trong thành đó trải qua trăm năm không gặp thấy Phật, không nghe kinh-pháp, khổ là vậy đó ! Nên gọi là thai-sanh, chớ không phải thật có thai-sanh như cõi nọn gian này vậy đâu. Lại dụ như nhà vua (Sát-Đế-Lợi) : Thái-tử của Ngài phạm phép bị cầm trong nội-cung, ở nhà bằng hoa ngọc, lầu cao điện ẩm, đồ ngọc báu trang-sức quý tốt rất đẹp, màn báu giường vàng, thức ăn mặc, vật xài, dùng thấy đều dư giả ; mà lấy dây vàng, Diêm-phù, buộc xiềng hai chơn, chẳng được thông-thả, tức dụ như thai-sanh vậy.

Lại nói như người đó biết gốc tội của mình, biết tự hối trách, cầu khỏi chỗ đó, tứcặng về đến chỗ Phật Vô-Lượng-Thọ.

Lại trong Kinh Bồ-tát-xử-thai nói : Bên Tây-Phương cách cõi Diêm-Phù-Đề đây, 12 ức-na-do-tha, có một cõi tên là Giải-nạn. Quốc-Độ đó toàn bằng thất-bảo, sự vui cõi đó không chi bằng, bởi mong ý muốn sanh cõi nước của Phật A-Di-Đà, nhưng còn bị nhiễm-đắm nơi cõi đó, không thể đi tới trước đặng, cũng là đồng-loại với nghi-thành và biên-địa vậy.

Thế là người niệm Phật mà lòng nguyện vãng-sanh không tha-thiết, nên mới ra nông-nổ !

SỞ : Hỏi : — Đã nói rằng niệm Phật trong 7 ngày ; nhưng mà với người khi lâm chung chỉ có 10 tiếng niệm Phật thì trong giây phút ít quá, như thế làm sao được vãng-sanh ?

Đáp : Chính do vì nhứt-tâm bất-loạn, như trong Luận Trí-Độ nói. Lại nhờ sức mình và sức Phật như trong kinh Na-Tiên nói.

SAO : Luận Trí-Độ nói : Chép rằng : Khi người sắp chết, cái tâm trong giờ phút rất ít đồ niệm Phật, sao cho hơn đặng trọn một đời gắng-sức tu-hành ? **Đáp :** Tuy trong thời-gian chốc lát, nhưng tâm-lực nó mạnh-mẽ, tâm rốt sau đó gọi là đại-tâm. Phải biết tâm ấy tức là nhứt-tâm bất-loạn.

Kinh Na-Tiên nói : Có Ông vua hỏi Ngài Na-Tiên rằng : Với người cả đời tạo ác, khi lâm chung mới niệm Phật, đặng sanh về nước Phật ta chẳng tin lời đó ? Ngài Na-Tiên đáp rằng : Như người rình một viên đá lớn, để ở trên chiếc thuyền nhờ thuyền đá dặng khỏi chìm. Người tuy trước ác, sau nhờ niệm Phật, khỏiọa địa-ngục mà đặng vãng-sanh, cũng lại như vậy. Thế là tỏ rằng nhờ tâm-lực của mình, và nguyện lực Đức Phật, cả hai giúp lẫn nhau mới thành được việc.

SỞ : Hỏi : — Đã nói rằng vãng-sanh. Người xưa lại nói, sanh thời quyết-định sanh, đi thời thiết không đi, đó là có sanh không đi qua. Còn nay đây có đi qua đề hóa sanh, thành ra hai nghĩa trái nhau ?

Đáp : Do sanh trong tâm mình, cho nên qua bằng cách không phải như chơn bước đi qua nên gọi là vãng-sanh. Như trong Kinh Hoa-Nghiêm lời của Ngài Giải-Thoát Trưởng-giả đã nói.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm : Cõi pháp-giới trùng-trùng, nhưng cũng không ngoài cái tâm. Kinh Lăng-Nghiêm Phật bảo A-Nan rằng : 10 phương cõi hư-không, đều ở trong cái tâm của người. Thế nên biết sanh về nước Cực-Lạc lúc sanh nơi tự tâm của mình ; vì tâm nó không giới-hạn thì không Đông, không Tây, thế thì đi đến chỗ nào ? Nghĩa là hình dung ra cái lý : Đồi uest, làm tịnh, cõi cũ thành cái mới, bỏ một đặng một, tuồng như có chỗ qua, kêu đó là vãng, đâu phải rằng từ đây đến kia, như cái tướng đi qua của trong thế-gian khỏi thành này qua ấp nọ ư ?

Câu giải-thoát là : Kinh Hoa-Nghiêm phạm nhập pháp-giới, Ông Giải-Thoát trưởng-giả nói : Các đức Như-Lai kia, chẳng đi đến cõi này, ta cũng chẳng đi đến cõi kia, nhưng hễ muốn nguyện thấy thế-giới An-Lạc Phật A-Di-Đà, tùy ý liền thấy.

Đó đã nói rằng. Tùy ý thời không vượt ngoài một niệm, mà đã được sanh sang nước kia. Cho nên biết rằng : Hình-dung cái lý đặng sanh kia, nên gọi đó là vãng-sanh ; mà thiết ra không chỗ dễ qua. Với lẽ không qua mà qua, cũng không ngại gì nói có qua. Xét tốt mà luận : Chẳng những không qua, lại cũng không sanh ; với lẽ không sanh mà sanh, cũng không ngại gì nói có sanh.

SỐ : Hỏi : Với trong nội-viện Đâu-Suất, người xưa cũng nguyện sanh về. Nay sao riêng chỉ nước Cực-Lạc ? **Đáp :** Vì với nhơn-tu có khó có dễ, cảnh chứng có thắng có liệt, và chủ có thầy có trò.

Lại hỏi : Thế-giới Thắng-liên-hoa, rất hơn nước Cực-Lạc, sao lại không nguyện về ? **Đáp :** Vì nước Lạc-Bang ở gần không nên tìm xa.

SAO : Ý người hỏi là cho rằng : Đức Di-Lặc cũng hiện tại thuyết pháp, chốn Nội-Viện cũng thanh-tĩnh trang-nghiêm, mà không cầu vãng-sanh về đó là có làm sao ? **Đáp :** Có ba nghĩa : 1.- Vì cái nhơn tu khó dễ là : Phạm sanh nội-viện phải đủ tri-đức, đoạn-đức (10) có hai công-đức đó mới kham dự hàng Thánh-lưu ấy là khó ; Không bằng nước Cực-Lạc, hễ người cầu vãng-sanh, tịnh-niệm thành-tựu, liền đặng như nguyện, không luận còn hoặc-nghiệp, phải có tri có đoạn gì, vì được đời nghiệp vãng-sanh, ấy là dễ.

Xưa Ngài Huyền-Tráng Pháp-sư nói : Với chốn Nội-Viện dễ sanh, bởi cõi Đâu-Suất cách cõi nhơn-gian số dặm đường có thể tính được ; Cõi Cực-Lạc cách cõi Ta-Bà trải qua nhiều cõi Phật ! Ngài Tráng-sư kia chỉ luận về dặm cõi. Chớ không luận về cái nhơn tu. Nay kinh này luận nhơn tu, không luận dặm cõi, mỗi nghĩa đều có chỗ dùng riêng. Song luận cho tốt lẽ,

thì lời Ngài Tráng-sur là vì căn-cơ một loại đương thời; còn lời của kinh này là cái đạo để muôn đời thường làm.

2.- Cảnh có thẳng và liệt là : Chốn Nội-viện không khỏi ở trong tam-giới. Còn nước Cực-Lạc ra khỏi ngoài tam-giới. Chỗ nghi-thành của nước Cực-Lạc, còn không có nữ-nhơn. Còn sanh về chốn Nội-viện rồi sanh trật ở ngoài, thời bị đắm việc vui ngũ-dục. Cho nên nói sanh nhằm phạm Hạ-hạ là một bức chót của nước Cực-Lạc, còn hơn trăm lần ở chốn thiên-cung.

3.- Chủ, thầy trò là : Phật Di-Đà là bậc quả tròn muôn đức đã chứng Như-Lai ; Đức Di-Lặc là ông Bồ-Tát bồ-xứ còn ở bậc Đẳng-giác. Kinh nói trong nước Cực-Lạc kia có nhiều vị Bồ-Tát nhưt-sanh bồ-xứ. Thời biết rằng Đức Di-Lặc sánh ngang với Đức Quan-Âm, Thế-Chí đồng hầu bên vị Đạo-sur (Di-Đà) cũng như Thầy trò vậy. Cho nên đặng thấy Phật Di-Đà rồi, tức thấy đức Di-Lặc, thấy đức Di-Lặc vị tất là thấy Phật Di-Đà vậy. Lại bậc Cồ-đức có nói : Trước sanh Tây-phương sau sanh Long-Hoa cũng có lý lắm. Riêng cầu về Cực-Lạc, đâu chẳng phải ư ?

Vời thế giới Thăng-Liên-Hoa đã rõ thấy trong văn Thọ-Mạng trước. Nay nói kinh Hoa-Nghiêm so luận các quốc-độ, thời kể sau cõi Ta-Bà, tức gọi là nước Cực-Lạc ; còn xa đó lại càng xa, đến trăm vạn vô số thế-giới, mới nói đến cõi Thăng-Liên.

Thế thời cõi Cực-Lạc là nước ở gần, cõi Thăng-Liên là nước ở xa lắm. Dụ như nước Việt mất mùa, nước Ngô dặng mùa, cất bước là tới ngay nước Ngô. Thế nhưng bỏ nước Ngô không tới, mà đi đến nước quá xa cách như nước Yên nước Tần (II) thì cũng lắm lắm đó.

SỐ : Hỏi : Tôi thấy có người một đời niệm Phật, khi lâm-chung chưa át vãng-sanh, là sao vậy ?

Đáp : Bởi họ chỉ một đời niệm Phật, mà chưa phải là nhưt tâm niệm Phật vậy.

SAO : Những bọn lơ lơ một đời niệm Phật đó, mặc dầu là không dãi-dãi, nhưng cũng không tinh-tấn, nên chưa đặt nhứt-tâm, thành thử không đặt sanh về. Nếu quả chơn-thật dụng tâm, mà chưa được thuần-nhứt. Tuy đời nay chưa đặt vắng-sanh, nhưng cũng đã trồng cái nhơn vắng-sanh, sẽ qua đời sau ắt thành-tự pháp niệm Phật tam-muội, mà đặt vắng-sanh.

Như trong kinh Phạm-Võng nói : Nay tuy chưa đắc-giới, mà cũng đặt thêm phần lợi-ích cho sự thọ-giới đời sau. Trong Tông-môn bảo rằng : Đời sau vừa lộ đầu ra chỉ nghe một phần mà biết được một nghìn phần là nghĩa đây vậy. Dè chớ đồ rằng : Tôi thấy người kia niệm Phật lưỡng nhọc vô-ích, rồi chê lời Phật dạy, cho là không đủ tin !.

SỞ : Xưng-lý, thời tự-tánh vô-hình, là nghĩa : bất điên-đảo ; tự-tánh vô cấu là nghĩa : sanh Cực-Lạc Tịnh-Độ.

SAO : Đức Lục-Tồ nói : Ta có một vật không đầu, không đuôi, không bề lưng, không phía mặt ; thế thì dù tìm cái tướng ngay của nó còn không thể được, toan lấy cái gì là xiên là lộn-ngược, mà hồng kêu là điên-đảo ư ?

Bát-Nhã tâm-kinh nói : Đây là cái tướng chơn - không của các pháp vì nó « bất-cấu, bất-tịnh » thế thì tìm cái tướng tịnh của nó còn không thể được, toan chỉ chỗ nào để gọi là cõi Ta-Bà ư ?

Vậy nay nói chỗ không điên-đảo đó, là toàn thân đã ngồi Liên-đài nước Cực-Lạc. Còn nếu một niệm điên-đảo vừa sanh, tức thời đã ở ngay quốc-độ Ta-Bà ! Rõ là tâm-tịnh độ-tịnh ; vì tức tâm tức độ, tức độ tức tâm, thì Tây - phương cách đây chẳng xa.

KẾT KHUYÊN

Này Xá-Lợi-Phất ! Ta thấy điều lợi ích ấy, nên nói lời khuyên bảo này. Nếu có chúng-sanh nghe lời đây rồi, nên phải phát nguyện sanh về cõi nước kia.

SỐ : Ích-lợi ấy là, chỉ văn trước thấy Phật, đặng vãng-sanh. Lời đây là : Thấy lợi lớn này, nên nói lời nhứt-tâm tri-danh đây vậy. Người không nguyện sanh về, thời riêng phụ lời Phật. Đây là lớp khuyên thứ hai.

SAO : Lời mà không lợi-ích, Phật Ngài không nói. Nay pháp tri-danh liền đặng vãng-sanh đối với chúng-sanh, có lợi-ích lớn, nên Phật Ngài nói vậy. — Bởi vì đã đặng vãng-sanh, đó gọi là Tự-lợi. Sanh về nước kia rồi, nghe pháp đắc-đạo, trở lại cõi Ta-Bà có thể rộng ra độ nhiều chúng-sanh, đó gọi là Lợi-Tha.

Đủ hai việc lợi trên, cho nên nói là lợi lớn. Lớp khuyên thứ hai là : ban đầu nói chúng-sanh nghe ấy, chỉ là đặng nghe nước kia trang-nghiêm tốt-đẹp, nên khởi tâm nguyện muốn, mà chưa biết làm như thế nào để đặng sanh đó (là lớp khuyên thứ nhứt).

Nay Phật mời chỉ ra cái nguyên do rằng nhứt-tâm tri-danh, thời được Phật đến tiếp-dẫn, liền đặng sanh nước kia, thời nguyện lại càng thâm, chí lại càng thiết ; cho nên nói lớp khuyên thứ hai.

SỐ : Lại nữa nói việc lợi là. Rõ lại với việc hại bởi không nguyện vãng-sanh, là chỉ chỗ đề ưa và nhàm vậy.

SAO : Cõi này tu-hành trải nhiều kiếp thăng trầm mà chưa chắc đặng giải-thoát. Nay dùng pháp xưng-đanh niệm Phật chắc được vãng-sanh, liền lên bậc bất-thối ; so chỗ lợi chỗ hại rõ như xem chỉ bàn tay. Lợi tức là các việc vui, hại tức là các việc khổ, nên phải có ưa và nhàm.

SỐ : Lại chữ <ngã-thuyết> (Ta nói) chính là rõ về phần giáo có nói rằng : không ai hỏi Phật, mà Ngài tự nói vậy, nên gọi bằng <vô-vấn tự-thuyết>.

SAO : Phật thấy lợi-ích lớn ấy, kíp vì chỉ bày ; thế mà còn e các chúng-sanh, chậm-chạp mất nhờ chỗ lợi, cho nên Ngài không đợi ai thỉnh vấn vậy.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh cụ-túc là nghĩa lợi-ích.

SAO : Thử xem tự-tánh, thiếu thốn sự gì ? Trên thế Linh-Tri (Phật-tánh) Phật Di-Đà cùng các Thánh-chúng, cả ngày hiện trước ; trong cõi thường Tịch-Quang (pháp-giới-tánh), nước Cực-Lạc, cõi Tịnh-bang không giờ phút nào chẳng vắng-sanh.

Ngặt vì Phật thấy lợi ấy, chúng-sanh như đuổi. Phật nói lợi ấy, chúng-sanh như điếc ; tuy đã nhọc Ngài mỗi miệng cặn lời, nhưng cần phải chính ta một phen tự thấy mới được.



C.- GIAO DẪN PHẬT NGÔN LINH ĐOẠN NGHI HOẶC (phân làm 2 phần)

- 1.— **MINH PHẬT ĐỒNG TÁN :** Dẫn Các đức Phật đồng khen.
- 2.— **THÍCH KINH UNG TÁN :** Giải Kinh này nên khen ngợi.

MINH PHẬT ĐỒNG TÁN (phân ra làm hai phần).

1. — **BỒN PHẬT TÁN :** Phật Thích-Ca khen.
2. — **THA PHẬT TÁN :** Các Phật đồng khen.

BỒN PHẬT TÁN

Này Xá-Lợi-Phất ! Như Ta nay đây tán-thán cái lợi-ích là công-đức bằng số Bất-khả-tư-nghì của Phật A-Di-Đà.

SỞ : Nói vắn trên chẳng những chỉ mình Ta thấy lợi ấy, và nói lời này, mà cả đến 10 phương các đức Phật cũng đồng thấy lợi ấy, và nói lời này nữa.

Chữ TÁN là ngợi khen tốt bậc ; Chữ THÁN là : quá cảm-động phải tán-phục !

Câu Bất-khả-tư-nghì là : Trước kia nói ta thấy lợi ấy, nay đây lại cực-lực nói cái lợi ấy nữa, là không

phải nói cái lợi tầm thường dân. Văn nghĩa gấp ba lần chuyện lên : 1.- Chẳng phải vô ích, nên nói là lợi. 2.- Chẳng những cái lợi về phước về sự, cho nên nói cái lợi công-đức. 3.- Chẳng những cái lợi chỉ là công-đức mà thôi, cho nên nói cái lợi công-đức mà bất-khả-tư-ngi nghĩ nữa.

Do vì thế nên đức Phật Ngài phải cực-lực tán-thán, chứ không phải một sự ngẫu-nhiên.

SAO : Xưng-tán là tỏ bày khen ngợi công-đức quảng-đại của Phật kia, để cho người ta biết mà qui tín ; hầuặng phần tiếp độ.

Cảm-Thán là : Quá cảm-khích phải than-thở, vì nói pháp này cõi Nhơn-Thiên ít có, nên nhiều kiếp khó gặp, là để khiến người vừa thương lẫn mừng. Hỷ là mừng rằng nay mình đặng nghe. Bi là tủi rằng mình nghe đây rất muộn vậy !

Câu Bất-khả-tư-ngi là : Nguyên tên kinh này. Nghĩa nó đã thấy trong lời tựa văn trước. Kinh tên bất-khả-tư-ngi là : Chính rằng đức Phật A-Di-Đà có đại công-đức chẳng khá nghĩ bàn đó vậy.

Văn có ba lần chuyện là : Trong việc lợi gồm nhiều bậc dần-dần sâu rộng : 1.- Cái lợi phước sự là : Tu về phước sự-tướng, là vì cái nhơn trong thế-gian, nên kêu là lợi nhỏ. 2.- Cái lợi công-đức là : Vì cái nhơn xuất-thế-gian, nên kêu là lợi lớn. 3.- Công-đức chẳng nghĩ bàn là : Vì cái nhơn bậc Thượng-thượng xuất-thế-gian, nên kêu là công-đức lớn hơn trong các công-đức lớn.

Số là công-đức tuy hơn phước-đức và sự tướng, nhưng ở trong đây lại còn phân ra có hơn có kém, có thứ công-đức còn khá nghĩ bàn, có thứ công-đức chẳng khá nghĩ bàn. Nay pháp tri-danh đây là công-đức chẳng khá nghĩ bàn vậy. Cho nên trong lợi lớn lại nói là lợi lớn hơn !

SỞ : Với câu Bất-khả-tư-ngi, như trong kinh Thanh-Vương nói : Thế-giới nước An-Dương kia, phạm

những gì của Phật-pháp đều chẳng khá nghĩ bàn, với pháp thần-thông hiện hiện biến-hóa, chẳng khá nghĩ bàn. Nếu ai có thể tin nhận được sự như vậy, thì người ấy chẳng khá nghĩ bàn, với chỗ dựng nghiệp báo tốt, cũng chẳng khá nghĩ bàn.

Lại nữa với tất-cả bốn món y-báo, chánh-báo, nhơn và quả, cũng đều chẳng khá nghĩ bàn : Không thể lấy trí-thức để suy nghĩ, và không thể dùng lời lẽ để bàn nói cho tường tất được !!!

SAO : Với công-đức ấy phân làm bốn món : 1.- Công-đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là đối với thọ-mạng vô-lượng, quang-minh vô-lượng ngôi Tam-bảo vô-lượng, 37 phẩm và các pháp-môn khác nữa đều bất-khả-tư-nghì. 2.- Công-đức thần-thông biến hóa khắp cùng, nghĩa là đối với nước, chim, cây, rừng đều nói pháp nhiệm mầu, món ăn, thức mặc, đến cả việc thọ-dụng đều tự nhiên sẵn có, chúng-sanh đều đủ tướng hảo, đều đủ thần-thông biến hóa, cũng đều bất-khả-tư-nghì. 3.- Công-đức tin thọ do căn lành đời trước, nghĩa là đối với pháp « nan tin » đây, những người mà hay tin thọ được, là người đó đời trước đã có tu căn lành nhân đến vô-lượng, với người ấy cũng bất-khả-tư-nghì. 4.- Công-đức quả báo khó hơn, nghĩa là đối với hể niệm Phật được nhưt-tâm, liền đặng vãng-sanh, liền đặng vào ngay hội Thượng-thiện, chứng liền bậc bất-thối chuyển, rốt ráo thành quả Phật, với điều vượt khỏi thường tình, cho nên đều nói với công-đức chẳng khá nghĩ bàn. Như Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Nghĩa kinh này chẳng khá nghĩ bàn, đặng quả báo cũng chẳng khá nghĩ bàn, thật thế.

Câu : « Y, Chánh, Nhơn, Quả ». Chữ Y : Nghĩa là cõi Đồng-cư tức là cõi Tịch-Quang ; chữ Chánh : Là Ứng-thân tức là Pháp-thân ; chữ Nhơn : Là bảy ngày niệm Phật thành công ; chữ Quả là : Một phen sanh về, đặng bậc bất-thối chuyển, lại cũng vượt khỏi thường tình, cho nên đều nói chẳng khá nghĩ bàn.

Thuở xưa Ngài Anh-Pháp-sư ở đất Đông-Độ, giảng kinh Hoa-Nghiêm đã 40 lượt, nhơn khi vào trong tịnh nghiệp Đạo-

tràng của Ngài Xươt thiền-sư, thâm nhập được pháp-môn Tam-muội ; sư than rằng : Giận mình nhiều năm luống tìm văn sớ nhọc thân tâm vậy, nào dè pháp niệm Phật này nhiệm mầu chẳng khá nghĩ bàn ! !.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó lia hẳn hai cái tướng : Tâm và ngôn, là nghĩa « công-đức chẳng khá nghĩ bàn ».

SAO : Luận Khởi-Tín nói Tâm (tánh) này từ xưa đến nay mãi đến bao giờ cũng vẫn ly tướng tâm duyên, ly-tướng ngôn thuyết. Thế cho nên hễ vừa manh tâm niệm là lầm, móng ý tướng là sai, chấp câu văn là mê, theo lời nói là mất ; thế thì phải như thế nào ? Mà dù cho ngoài ngậm miệng, trong tắt máy suy nghĩ cũng là y-nhiên bị lạc về tánh vô ký : Là không nhớ không quên. Do đây mới biết công-đức kia là chẳng khá nghĩ bàn.

THA PHẬT TÁN (phân ra làm sáu phần)

1.- ĐÔNG-PHƯƠNG

2.- NAM-PHƯƠNG.

3.- TÂY-PHƯƠNG.

4.- BẮC-PHƯƠNG.

5.- HẠ-PHƯƠNG.

6.- THƯỢNG-PHƯƠNG.

ĐÔNG-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1.- Liệt Danh hiền quảng : Kể tên rõ rộng nhiều.

2.- Hiện Tướng Biền Chơn : Bày tướng lười chắc thật.

3.- Phát ngôn Khuyến Tín : Thốt lời đề Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Phương Đông cũng có các đức : A-Sơ-Bệ-Phật, Tu-Di-Tướng Phật, Đại-Tu-Di-Phật, Tu-Di-Quang Phật, Diệu-Âm Phật v.v... như vậy các vị Phật nhiều bằng số hằng-sa.

SỞ : Dẫn lời khen của các đức Phật, thời người ta thấy rằng: Đối với pháp-môn Tịnh-Độ đây. Chính là một thành-pháp rất hiệu lực. Vì được hàng nghìn vị Phật, vô-lượng các vị Phật khác đều riêng miệng, chung lời cùng nhau đề khen ngợi, nên người ta phải tin chắc chớ không còn nghi gì nữa. Bản dịch của nhà Đường có đủ 10 phương. Nay thiếu bốn gốc là bớt vắn.

Trước dẫn Phương-Đông đó là: Theo phương phép thông thường, mà cũng là lấy Phương-Đông đề nêu trí-huệ.

SAO : Mười Phương là: Ngài Tráng-Sư dịch có bốn gốc, thời thành 10 phương. Nay chỉ nói 6 phương là do phương chánh nó gồm phương gốc (phụ) nên nói bớt vắn.

Nói theo phương pháp thông thường là: Trong các kinh phạm chỗ nói 10 phương, thường trước nói phương Đông làm đầu. Vì phương Đông theo bốn mùa thì nó thuộc về mùa xuân, vạn vật sanh trưởng nên có nghĩa như trí-huệ tiến triển. Bởi trí là như đấng Tiên Đạo (Ông dắt đường) sáng suốt phát sanh ra vạn pháp thật dụng, cho nên bắt đầu nói phương Đông, tức như ý nghĩa rằng: Ông Xá-Lợi-Phất, đức Văn-Thù làm bậc dẫn đạo trong chúng (làm đầu trong chúng).

SỞ : Nói lên 6 phương đó là: Vì đức Phật Thích-Ca ở phương giữa (trung-ương).

SAO : Đã nói có 6 phương là: Trên, dưới, và bốn phía mà sao lại không nói đến trung-ương? Sở là đức Thích-Ca ở thế-giới Ta-Bà, lấy chỗ bản-sở Ngài ở làm trung-ương, đối với chính giữa thì phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu, cõi trên, cõi dưới, thành 6 phương.

SỞ : Phật A-Sơ-Bệ, dịch là: Bất-động. Vì pháp thân Phật bất-động; có một thuyết khác nói: Vì chẳng bị hai bên nó làm lay động nên nói bất-động.

SAO : Nghĩa Pháp-thân là: Bất-sanh, Bất-diệt, vô-khư vô-lai, với bậc Diệu-Giác (quả Phật) cũng không thêm; với

kẻ vô-minh (chúng-sanh) cũng chẳng giảm, vì lặng lẽ thường còn, như như bất-động.

Hai bên là : Bên có bên không vậy : Với có nó không thể làm cho ta đắm mắc vào các cái tướng có, với không nó chẳng thể làm cho ta phải dính vướng cái không. Nghĩa là không chấp đoạn, không chấp thường, vì hai bên đều bất-động, bởi lẽ tuyệt-đối.

Hỏi : Phương Đông thuộc mùa Xuân, sanh trưởng muôn vật. Đối với quả, là quả chẵn, mà quả chẵn là động vậy. Chớ sao nói đức Phật kia hiệu là bất-động ?

Đáp : Do lẽ tức động mà tức tịnh đó, mới có được cái diệu-dùng sanh trưởng vạn vật bằng cách biến hóa vô cùng, nhưng mà cái bản-thể vẫn thường vắng lặng. Vì vắng-lặng nên nói là bất động. Kinh Hoa-Nghiêm lấy Phương Đông tiêu biểu cho trí bất-động cũng là chính ý đây vậy.

SỞ : Phật Tu-Di-Tướng là : Vì tướng của Phật tốt đẹp vô-cùng, như núi Tu-Di.

SAO : Tu-Di : Dịch Diệu-Cao. Núi này do các ngọc báu dựng thành, nên gọi là Diệu là tốt qui nhứt ; vượt khỏi các núi nên nói là Cao là trên cả.

Tướng-hảo của Phật do tu được trăm phước kết-thành không phước chẳng cụ-túc, thế gọi đó là Diệu sang đẹp nhất. Tướng-hảo của người, của trời và bậc nhị-thừa, với các vị Bồ-tát cũng đều không bì kịp, thế gọi là Cao.

SỞ : Thế nào gọi là Phật Đại-Tu-Di ? Vì đức của Phật cao rộng, dụ như núi Tu-Di lớn. Có một thuyết khác nói : Danh của Phật lớn hơn núi Tu-Di, vì tinh thần cao cả như trong kinh Duy-Ma đã nói.

SAO : Núi Tu-Di cao rộng vượt khỏi 7 lớp núi vàng (núi thất-kim). Do đối với núi thất-kim gọi đó là lớn. Đức của Phật cao rộng, không chỉ sánh bằng dụ như núi Tu-Di lớn vậy.

Danh Phật là : Kinh Duy-Ma nói : Danh của Phật đồn khắp cao xa, vượt khỏi núi Tu-Di, nghĩa là lớn hơn núi Tu-Di kia vậy, bởi núi kia dù quí báu, nhưng chỉ bằng vật-chất vô-tri vô-giác.

SỐ : Phật Tu-Di-Quang, là hào-quang của Phật rộng phóng ra chiếu khắp hơn hết, cũng như núi Tu-Di, vì ánh sáng phủ hết các núi vậy.

SAO : Hào-quang sáng có hai nghĩa : 1.- Núi Tu-Di do các ngọc báu kết tinh làm thành thể chất của ngọc báu, nó chói ra ánh sáng, cũng như thân Phật tâm rất thanh-tịnh, thời trí giác sáng suốt phóng ra. 2.- Núi Tu-Di thể nó lớn, thì tia sáng nó cũng lớn ; cũng như Phật có trí lớn, thì hào-quang sáng vô-lượng vậy.

SỐ : Phật Diệu-Âm là : Tiếng pháp tròn trịa nhiệm màu vì Ngài thuyết-pháp thích hợp cả các căn-cơ.

SAO : Tiếng pháp tròn màu là : Như kinh Duy-Ma nói : Đức Phật dùng một tiếng diễn-thuyết pháp, chúng-sanh tùy theo mỗi loại, mỗi trình-độ đều nghe hiểu được cả. Lại nói : đối với tiếng của chúng nhơn, tiếng của Phật là nhiệm màu đệ nhất, vì là có cái tương hảo phạm-âm.

SỐ : Như vậy hết thấy là : Nhiều quá không thể nói kê cho hết. Nên chỉ kê nói năm vị Phật, còn thì dùng nghĩa chữ đẳng là tất cả hay v.v... đề bao gồm đó. Với hằng hà, cũng nói Càng-già-hà. Chữ sa : Là hột cát ; đề dụ số nhiều Phật kia.

SAO : Hằng-hà, là một con sông tại bên nước Tây-Vực (Ấn-Độ), bên ao vô nhiệt, trên đánh núi Hương-Sơn, có ao vô-nhiệt nảo, phát nguyên chảy ra bốn con sông. Sông Hằng này ở về phía Nam, rộng bốn mươi dặm, cát trôi theo dòng nước rất là nhỏ, Phật thuyết pháp ở gần con sông kia, nên phàm nói số nhiều, thường lấy số cát kia để ví dụ.

Nay nói bên phương đông có rất nhiều vị Phật như số cát rất nhiều trong sông hằng kia. Nếu cứ theo kinh Pháp-Hoa về lời dụ một mảy bụi làm một kiếp, thì số cát sông hằng ấy

cũng là rất ít. Nay ví số cát sông hằng, để tỏ ý thật là vô-tận, cho nên kinh Đại-Bồn nói : Vô-lượng vô-số, bất-khả-tư-nghĩ ; vô hữu đẳng đẳng, cả vô-biên thế-giới sở hữu chư Phật Như-Lai, đều đồng khâm khen Phật A-Di-Đà sở hữu công-đức, thời số cát sông hằng kia chưa đủ dùng để dụ cho hết đó vậy.

SỐ : Với các danh Phật trên đó. Ngài Linh-Chi nói : Giữa các nhà TỒ xưa nay, có vị truyền nhau không giải ; cũng có Ngài thích nghĩa như thế này ; hoặc vì lấy cái nhơn, hoặc vì lấy cái quả, hoặc, dùng về Tánh, hoặc dùng về Tướng, hoặc thủ theo tâm từ, bi, trí, đức, hạnh, và nguyện v.v... của chư Phật để giải thích ra mỗi danh nghĩa thì cũng không ngại gì.

SAO : Không giải là : Vì bởi Phật đủ muôn đức-tánh, không thể lấy một cái danh đức mà giải nói cho rõ hết, những đức tánh ấy, còn dịch giải thì cái tên Phật quá dài vì nhiều chữ. Cũng có giải là : Vì bởi Phật đức dung-thông vô-tận, nên cũng có thể lấy một đức mà gồm thông muôn đức, thế thì riêng kể một đức, tức đủ các đức rồi.

Cho nên hễ nói nguồn nhơn thì đã gồm biên quả ; nói quả thời suốt thấu đến nhơn ; vì không lẽ có trí mà chẳng có bi ; có bi mà chẳng có trí. Không có hạnh nào chẳng do nguyện khởi ; không có nguyện nào phi hạnh mà thành. Như vua Nghiêu có nhơn, vua Thuấn có hiếu, vua Võ có kiem, vua Thang có khoan ; nghĩa là cũng có lẫn nhau đều đủ hết cả.

SỐ : Xứng lý, thời tự tánh có trí huệ chẳng khác cùng tận, là nghĩa phương Đông có hằng sa Phật.

SAO : Với phương đông nghĩa thấy giải văn trước, vật có hình tướng thời có cùng tận, chứ trí huệ thời không tận hết, vì bản thể nó là vô tướng tìm trí-huệ bên ngoài có thể hết, tìm trí-huệ trong tự-tánh không thể hết được.

Nói cát sông hằng đó, cũng chỉ là dụ được phần ít đấy thôi. Sở dĩ chúng nhơn đem hết cả tâm lực tư duy, cùng nhau đề so lường cũng chẳng xét lường được trí của Phật.

HIỆN TƯỢNG BIỂU CHƠN

Mỗi vị Phật đều ở nước mình hiện ra tướng lười rộng dài khắp trùm cõi Tam-Thiên Đại-Thiên thế-giới.

SỐ : Chữ Kỳ-Quốc, là Nước bản sở của mỗi Phật tử ở. Các kỳ- quốc là : thấy mỗi vị Phật, Phật nào cũng đều vậy cả. Bên tả bên hữu là : Bề rộng. Tiền hậu là : Bề dài. Cõi Tam-thiên đại-thiên rõ như trong luận Cu-Xá nói. Khắp trùm cõi Tam-thiên là : Cực-lực nói bề rộng dài của tướng lười của chư Phật.

Do vì đức Phật đã nhiều kiếp tu khẩu nghiệp được thanh-tịnh, nếu muốn rõ nguyên do đây, thì xem trong kinh Hoa-Nghiêm đã có nói.

Nói đoạn văn đây, là đề rõ rằng với lời Phật, là đáng tin, khiến đoạn hết tâm nghi.

SAO : Luận Cu-Xá bài tụng nói : Kể từ bốn đại châu mặt nhật mặt nguyệt, núi Tô-Mê-Lô, cõi trời lục-dục tột đến cõi trời Phạm-thiên cộng là một thế-giới ; lại đủ một nghìn lần như vậy, gọi là một cõi tiểu-thiên ; lại đủ một nghìn lần cõi tiểu-thiên như vậy, mới gọi là một cõi trung-thiên ; lại một nghìn lần cõi trung-thiên như vậy, mới gọi là một cõi Đại-thiên. Cả cõi đại-thiên ấy đều chung một số kiếp thành trụ, hoại, không.

Nay giải nghĩa bốn châu lớn, hai vùng nhật-luân, nguyệt-luân, một núi Tu-di, từ dưới Địa-ngục, đến cõi trời Lục-dục ; từ cõi trời Lục-dục đến cõi trời Phạm-thiên, ngang từ trời Sắc-giới đây, gọi là một thế-giới. Như thế ; đếm làm một, đếm đến một ngàn gọi là một cõi tiểu-thiên. Lại lấy cõi tiểu-thiên làm con số một cũng như đếm là một, như thế đếm đến số nghìn, kêu là một cõi trung-thiên.

Lại lấy cõi trung-thiên đếm làm con số một, cứ như thế mỗi mỗi đếm chồng chất cho đến số nghìn, kêu là một cõi Đại-thiên. Do gấp ba lần nói số nghìn, cho nên nói Tam-

thiên Đại-thiên ; kỳ thật một Đại-thiên mà thôi. Một thế-giới Đại-thiên, tức trong Kinh nói một cõi của một vị Phật giáo-hóa chúng-sanh,

Phật A-Súc-Bệ, nhần đến hằng sa các đức Phật kia, mỗi vị làm chủ trong một cõi Đại-thiên thế-giới ấy.

Nay nói các vị Phật, mỗi Ngài đều ở trong cõi nước của mình phát ra tướng lưỡi rộng dài phủ trùm trong cõi ấy, không chỗ nào mà chẳng khắp.

Khẩu-nghiệp nhiều kiếp thanh tịnh là : Với điều nói năng thì không dùng lời nói vọng-ngữ, lời nói thêu dệt, lời nói hung dữ, và lời nói hai lưỡi.

Thường dùng lời chơn thật, lời ngay thẳng, lời nhu-nhuễn, và lời hòa hiệp. Mà nói nhiều kiếp đây là : Trong kinh nói lưỡi của phàm-phu có dài quá lắm là chỉ tới chót mũi, là nêu cái tướng ba đời không nói vọng ; còn Phật là vô-lượng kiếp lại đây từng không nói vọng, đã từ lâu đời chứa nhiều công-đức của lời chơn thật nên mới cảm được cái tướng lưỡi dài tốt như vậy.

Muốn rõ nguyên do đây thì : Kinh Hoa-Nghiêm phẩm Ly thế-gian nói : Vị Bồ-Tát có 10 thứ lưỡi chỗ gọi rằng : Lưỡi mở bày diễn nói cả hạnh-nghiệp của vô-tận chúng-sanh ; lưỡi mở bày diễn nói cả pháp môn nhiều đến vô cùng tận ; lưỡi khen ngợi các đức Phật đều có công-đức nhiều đến số vô-tận ; nhần đến lưỡi nói pháp đề ngăn dẹp tất cả các loại ma, chúng ngoại-đạo, dứt hết sanh-tử, phiền-não khiến chúng-sanh đến cõi Niết-Bàn, ấy là 10 thứ lưỡi. Vị Bồ-Tát thành-tựu 10 pháp này, mới được tướng lưỡi vô-thượng của Như-Lai, phủ khắp các cõi nước ; cho nên nói rõ nguyên do Phật được tướng lưỡi như thế, thì chẳng những chỉ một nhơn.

Câu ắtặng tin ấy là : tướng lưỡi của phàm-phu không hơn ba tấc. Người xưa nói : Khua ba tấc lưỡi thời chê khen, yểm khoe theo ý riêng của mình, chưa đáng tin nổi. Còn Phật đủ tướng lưỡi rộng dài như thế đâu có dối ư ? Nay đây với lời của 6 phương Phật khen ngợi Phật A-Di-Đà, còn nghị

không tin, thời không có lẽ đó, nếu là người không có duyên với Phật!

SỐ : Lại nữa Bồ-Tát trong ngôi Thập-hạnh còn có tướng lưới rộng dài đã hơn với lượng trùm đại-thiên thế giới đây ; nay cũng sơ lược mà nói thế thôi.

SAO : Tướng lưới của Bồ-Tát là : Kinh Hoa-Nghiêm nói bực Thập-Hạnh Bồ-Tát, thành-tựu 10 món vô-tận-tạng. Nên khi Bồ-Tát thuyết-pháp, dùng tướng lưới rộng dài nói ra tiếng tám nhiệm màu, khắp đầy 10 phương tất cả thế-giới.

Nói 10 phương tất cả, thời chẳng những một thế-giới đại-thiên mà thôi ; Bồ-Tát còn thế hướng chỉ đức Như-Lai !

Vấn đây chỉ nói đều ở trong bốn quốc của mỗi đức Phật, cho nên nói rằng là sơ lược. Thật ra thì Phật khen cõi Tịnh-độ, mà khắp cả 10 phương tất cả thế-giới không vị nào mà chẳng khen.

SỐ : Ngài Từ-Ân nói : Tướng lưới của Phật chứng việc nhỏ, thời lưới nó phủ cả cái mặt cho đến mé tóc ; nay nói phủ cả Đại-thiên thế-giới là chứng sự lớn, tức là « đại sự nhơn duyên ».

Lại nói Bồ-Tát dựng tướng lưới phủ cả mặt, cho nên Bồ-Tát chỉ nói một lời không hai, vì đều là lời chơn thật. Thời biết tướng lưới phủ mặt đã không nói vọng, hướng lưới phủ khắp cõi Đại-Thiên ư ?

SAO : Tướng lưới lớn nhỏ là : Do Phật chứng dựng cái pháp sắc thân tam-muội, sáu căn đều được tự-tại, giải-thoát giữa cảnh sắc 6 trần, nên chứng việc nhỏ, chứng việc lớn, đều theo ý Ngài biểu hiện ra. Nói việc lớn ấy là kinh Pháp-Hoa nói : Phật vì một việc nhơn duyên lớn, nên mới xuất hiện ra đời, dạy bảo chúng-sanh đều được vào bực Phật.

Nay 6 phương chư Phật khen cõi Tịnh-Độ bằng cách hiện tướng lưới như thế đây, thời biết pháp-môn Tịnh-Độ việc lớn đồng với kinh Pháp-Hoa. Nếu không phải việc lớn, thì theo lối

thường người ta nói : Cắt cổ gà đầu phải dùng đến con dao giết trâu (12).

Lại câu Bồ-Tát lưỡi phủ cả mặt đất, là nói bực thua, sánh đó để biết bực hơn, là một biện chứng pháp triệt để, để khuyên người tin chắc.

SỞ : Lại với 10 phương đất, là nói theo bề ngang ; bằng luận theo bề dọc thì thông đồng đến 3 đời, không vị Phật nào mà chẳng khen ngợi.

SAO : Lấy 10 phương để so 3 đời, thời trước từ Phật Ca-Điếp, nhần đến đời quá-khứ không lường các vị Phật. Vời sau từ Phật Di-Lặc, nhần đến đời vị-lai không lường các vị Phật, ắt cũng vẫn hiện ra tướng lưỡi rộng dài phủ khắp 3 đời vậy. Các vị Phật tướng đã đồng, thời tâm cũng đồng, trí cũng đồng và nguyện cũng đồng. Đã sáu phương Phật đều khen ngợi Kinh này, thời biết ba đời các vị Phật, cũng ắt khen ngợi Kinh này như sáu phương Phật kia vậy.

Chính chỗ gọi rằng nói và khen không hờ dứt đối với kinh này phải vậy.

SỞ : Xứng lý, thời tự tánh khắp pháp-giới, là nghĩa tướng lưỡi rộng dài.

SAO : Bực Cồ-Đức nói : Tiếng nước suối tức là tướng lưỡi rộng dài. Thế thời với tướng lưỡi rộng dài ấy, chẳng những chỉ các vị Phật có thôi, mà tất cả chúng-sanh cũng đều có, tức là muôn hình vạn tượng, cũng đều có cả ; cho nên nói loài hữu-tính cùng vô-tính, cũng chung thành một cái lưỡi. Lưỡi tức là cả pháp-giới ; cả pháp-giới tức là một cái lưỡi : nếu nói phủ khắp đã thành hai cái !

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : các ông và chúng-sanh, phải tin kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tự-Nghì công-đức, Nhứt thể chư Phật sở hộ niệm này.

SỞ : Nói lời thành thật là cái lời đáng tin, do nơi đầu của tướng lưỡi rộng dài ấy, nói ra lời thành thật. Nghĩa là đối với kinh Xưng-tán Bất-khả Tư-nghi công-đức nhưt-thiết chư Phật sở hộ niệm này. Các ông nên tin chắc, chớ đem lòng nghi-ngờ. Nghĩa chữ Tin giải rõ ở văn sau.

SAO : Lời đáng nên tin là : Do lời thành thời chắc thiết không dối thiết thời chín xét không sai ; chỗ gọi rằng như con sư-tử hầu, lời nói vô-úy, nghìn vị Thánh ra đời không thể dời muôn đời giữ đó làm khuôn mẫu.

Câu xưng-tán Bất-Khả Tư-Nghi Công-Đức, luôn sau 16 chữ là nguyên tên kinh này vậy. Bản dịch nhà Đường chỉ nói : Xưng-tán Tịnh-Độ Phật Nhiếp-thọ kinh là muốn bớt văn cho dễ. Do vì câu Bất-khả Tư-nghi Công-đức nó bị gồm trong hai chữ Tịnh-Độ. Bốn chữ « Bất-khả Tư-nghi » đây, với văn trên kia là nghĩa khen Phật, với văn đây lại là nghĩa khen kinh, nghĩa kia với đây như một nên không giải lại nữa.

Thế nào là hộ niệm ? Vì những người niệm Phật, nhờ sức Phật bảo hộ, khiến kia được an ổn, không các việc chướng-nạn. Tâm Phật nhớ tưởng, khiến người kia tinh-tấn mãi, không hề lui sụt vậy.

Trong Quán-Kinh nói với chúng-sanh niệm Phật, Ngài thâu rước không bỏ. Kinh lại nói : Những người niệm Phật được Phật A-Di-Đà thường ở trước đầu người kia. Lại trong 10 món lợi ích nói : Những người niệm Phật, Phật A-Di-Đà thường phóng hào quang sáng, để tiếp rước người đó.

Đây thì đức Bồn-sur Hộ-niệm, mà 10 phương các đức Phật kia cũng đồng hộ-niệm người đấy ; phải biết người xưa niệm Phật, thời được Phật hộ-niệm cho ; cảm ứng tự-nhiên chẳng khá dối vậy.

SỞ : Lại bực Bất-Địa Bồ-tát mới nhờ Phật hộ-niệm cho nên biết người vãng sanh, địa vị chẳng phải thấp hèn,

SAO : Bực Bát-địa được Phật hộ là : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Bát-Địa Bồ-Tát, thường được đức Như-Lai, Ngài hộ-niệm. Nay kinh này nói : Người niệm Phật được Phật hộ-niệm, thế là chóng lên bực Bát-Địa, cho nên nói chẳng phải hèn thấp.

SỞ : Các đức Phật dạy bảo chúng-sanh, xưa có hai thuyết : 1.- Chuyển-dẫn ; 2.- Đồng thời ; nay gồm dùng cả hai thuyết.

SAO : Chuyển-dẫn là : Ông Từ-Ân nói : Với lời nói của chư Phật ở 6 phương rao bảo trong các nước của các Phật, Đức Thích-Ca lại đem lời ấy về thuật lại, để chứng lời nói của Ngài.

Ông Linh-Chi nói : Khi đức Thích-Ca nói Kinh này, sáu phương các đức Phật cũng đồng thời khen ngợi.

Nay gồm dùng đó là : Do pháp môn quảng-đại rất thiết-yếu này các đức Phật khi bình thời ắt đã thường khen, mà chính khi đức Phật Thích-Ca đang nói kinh này, thì đồng thời 10 phương các đức Phật đều khen, cũng không ngại gì ?

Càng rõ kinh này chính là pháp môn Phổ-Nhân (khắp soi) ! cùng cả pháp giới ; một đức Phật nói, tức tất cả các đức Phật đồng nói.

SỞ : Xứng lý, thời tự tánh không biến đổi, là nghĩa : thành-thật ; tự tánh không lý là nghĩa : hộ-niệm.

SAO : Lời nói thuần là chơn, tuyệt hẳn vọng, dù muôn kiếp vẫn như vậy.

Nói rằng thành thật chi nữa cũng chẳng hơn nơi đây ; tức nay đây một phen ngó, một phen nghe, một khi nói, một khi làm, không một cái nào mà không thành thật, suốt xưa, suốt nay thường hộ, thường niệm, đi đứng, ngồi, nằm chẳng lìa cái ấy (tự-tánh) đâu đáng với lời thành thật của Phật mà không tin. Với Phật hộ ta mà ta riêng bỏ ? Ôi ! Tại sao mình gạt mình, mình dối mình, mình tự trốn, mình tự đi ! ?

NAM-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt danh hiền-quảng.**
- 2.- Hiện tướng biểu-chơn.**
- 3.- Phát ngôn khuyến-tín.**

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Nầy Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới phương Nam, có các đức Nhựt-Nguyệt-Đăng Phật, Danh-Văn-Quang Phật, Đại-Diệm-Kiên Phật, Tu-Di-Đăng Phật, Vô-Lượng Tinh-Tấn Phật. Như vậy cả thấy các vị Phật nhiều bằng số hằng hà sa.

SỞ : Phật Nhựt-Nguyệt-Đăng là : Vì trí lớn vô cùng tận.

SAO : Trí lớn vô cùng tận là, kia như ánh của mặt nhựt chiếu ban ngày, mặt nguyệt chiếu ban đêm, ánh của đèn chiếu vào những chỗ mà nhựt nguyệt chiếu không tới, kể truyền sáng khắp, đều vô cùng tận. Trí lớn của Phật : Ngang thời suốt 10 phương, dọc thấu ba đời, cũng như ánh sáng của nhựt nguyệt thể đấy.

Lại ánh sáng mặt nhựt, phá chỗ tối tăm, có nghĩa Bát-nhã, gọi là nhứt-thế-trí ; mặt nguyệt do ánh mát mẻ chiếu ban đêm có nghĩa giải-thoát, gọi là Đạo-chủng-trí ; ánh đèn tiếp nối để bỏ-khuyết cho nhựt-nguyệt, chiếu suốt cả ngày đêm không mắc hai bên như ngày và đêm chẳng hạn. Đây là nghĩa đế-trung đạo-đệ-nhứt, có nghĩa Pháp-thân gọi là Nhứt-Thế chủng-trí. Vì ánh-huệ sáng suốt.

SỞ : Phật Danh-Văn-Quang là : Được tiếng khen khắp đồn, như ánh sáng chiếu xa.

SAO : Đức Phật lớn, tiếng rất to, cho nên có danh khen đồn khắp cả 10 phương vô-lượng thế-giới. Như ánh sáng mặt nhựt chiếu không chỗ nào chẳng khắp.

SỞ : Phật Đại-Diệm-Kiên là : Chữ Kiên nghĩa hai vai, tiêu biểu hai trí ; chữ Diệm là hực-hở ; dụ hai trí chiếu sáng.

SAO : Hai trí là : Quyền-trí đề chiếu về sự-tướng ; thật trí chiếu tâm lý, sự lý rõ ràng, đều chiếu phá không mê muội, dụ như hai cái vai phát ra ánh sáng. Lại hai trí này, gánh vác tất cả Phật-pháp, cho nên có nghĩa là hai vai.

SỞ : Phật Tu-Di-Đăng là : Dừng núi Tu-di làm đèn, đề chiếu cả 4 châu thiên-hạ, hào-quang của Phật rộng lớn cao chiếu cũng như thế.

SAO : Núi Tu-di làm đèn là : Như nói : Dừng núi Tu-di làm bút, dừng núi Tu-di làm dùi v.v... là để nói cái lượng của đèn, rất rộng và rất lớn.

Núi Tu-di ở giữa, hào-quang chiếu khắp bốn châu ; Phật dùng trí lớn trung-đạo, mà chiếu các chúng-sanh như ánh đèn không lờ là đèn Tu-di núi chúa vì lớn như thế-giới vậy. Song kinh Duy-Ma nói : Có đức Tu-Di-Đăng Vương Phật, thân cao tám vạn bốn nghìn do-tuần, nhưng xét cõi nước của Ngài, là ở về phương Đông cách đây ngoài 36 hằng hà sa thế-giới. Mà nay Phật Tu-Di-Đăng này ở về phương Nam là do vì các Phật trùng tên với nhau rất nhiều vậy.

SỞ : Phật Vô-Lượng Tinh-Tấn là : Chữ Tinh-tấn giải thấy trong khoa tự-phân trước. Nhưng khoa kia nói : Thường-tinh-tấn, còn văn đây nói : Vô-lượng Tinh-tấn.

SAO : Vô-lượng có hai nghĩa : 1.- Thời-vô-lượng : tức là nghĩa thường ; 2.- Sự-vô-lượng là : Tự-lợi lợi-tha ; vì trí và hạnh vô biên cố vậy.

SỞ : Xứng-Lý, thời tự-tánh, sáng-suốt bất-khả-tận, là nghĩa Nam phương có hằng sa Phật.

SAO : Nam phương thuộc cung ly mà ly là Bính đình hỏa, hỏa thời trong tối ngoài sáng, ấy là Tịch mà thường chiếu. Tánh chơn tri bất muội, sự sáng-suốt nào cùng. Kinh Hoa -

Nghiêm phạm Quang-Minh-Giác nói : Hào-quang đức Như-Lai soi sáng vượt khỏi một thế-giới, 10 phương thế-giới nhần đến bất-khả thuyết thế-giới. Đây là hào-quang trong tâm của mình giác chiếu tất cả, chẳng do tự ngoài màặng. Cho nên nói : Ta thấy đức Đấng-Minh Phật, hào-quang tốt của Ngài xưa cũng như thế.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, vị nào ở nước nấy đều phóng ra tướng lười rộng dài phủ khắp cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật rằng : các ông và chúng-sanh, phải tin kinh Xưng tán bất-khả-tư-nghì công-đức nhưt thiết chư Phật sở hộ niệm này.

TÂY-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt Danh Hiện Quảng.
- 2.- Hiện Tướng Biểu Chơn.
- 3.- Phát Ngôn Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỆN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế giới phương Tây có các đức : Vô-Lượng-Thọ Phật, Vô-Lượng-Tướng Phật, Vô-Lượng-Tràng Phật, Đại-Quang Phật, Đại-Minh Phật, Bảo-Tướng Phật, Tịnh-Quang Phật, như vậy cả thầy hằng hà sa số các vị Phật.

SỞ : Phật Vô-Lượng-Thọ đây ; nhưn đồng một danh hiệu với đức Bồn-Phật (Di-Đà) xưa có hai thuyết cũng đều có lý.

SAO : Hai thuyết là : Ông Linh-Chi nói : Các vị Phật đồng danh nhiều lắm, quyết chẳng phải một vị Phật do Ngài Pháp-tạng tu thành. Bởi vì đức Bồn Phật đây không lẽ tự khen

minh. Ông Từ-Ân nói : Dù cho tự khen mình, lý cũng không hại, là do vì dẫn-dắt chúng-sanh, khiến cho nó sanh tâm thích đẹp. Nay dùng cả hai thuyết nghĩa là : Cứ trong kinh Đại-bồ-đề qua khỏi vô-biên cõi Phật, có nhiều vị Phật đồng một danh với đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, không thể kể xiết.

Lại Thầy đức Quan-Thế-Âm, cũng là Quan-Âm Như-Lai v.v...

Thế thời biết danh hiệu Phật Vô-Lượng-Thọ đầu những một vị Phật A-Di-Đà mà thôi. Mà còn có cả trăm cả nghìn hằng vạn hằng ức không thể cùng tột các vị Phật đồng danh hiệu nữa kia kia.

Nếu cứ bên phần sự của Phật ; đầu dặng lấy việc phạm thượng so sánh đó, thì chỉ cho khỏi khen mình chê người, phạm 10 tội trọng trong Bồ-tát giới ư ? Kinh Pháp-Hoa Phật nói : Ta là vị Pháp-vương... đối trong các pháp, đều được rảnh rang, dọc ngang, cho lấy, quyền, thiết đều bày. Nếu có lợi ích cho chúng-sanh thì làm sao lại chẳng được ! Như câu « trên trời dưới trời, duy một mình Ta độc tôn » ; khá dặng nói rằng : Ngài tự khen mình chẳng ? !

Một thuyết trước, vì e người không biết các vị Phật số nhiều như bụi trần, mà câu chấp một bên, như lối thành kiến !

Một thuyết sau, vì sợ người chấp chỗ không nên khen mình, mà mờ ám pháp thần thông diệu dụng của Phật nên hai thuyết đều phải lý, vốn không ngại.

SỞ : Phật Vô-Lượng-Tướng là : Vì tướng-hảo vô cùng tận.

SAO : Tướng-hảo là : Hoặc 32 tướng hoặc tám vạn bốn ngàn tướng (84.000), hoặc vi trần tướng, phước đức vô-lượng, thời tướng-hảo cũng vô-lượng vậy. Xưa Ngài Chí-Công hiện tướng Quan-Âm có 11 mặt, Ông Tăng-Do là một nhà họa-sĩ khéo nhưt đương thời còn không thể dỡ ngòi bút vẽ dặng, huống là tướng-hảo của Phật ư ?

SỞ : Phật Vô-Lượng-Tràng là : Vì công-đức cao vọi, dục đó như cây tràng-phan tột chỗ cao vọi kia, nên gọi là vô-lượng. Lại nghĩa vô-lượng là rộng nhiều,

SAO : Chữ tràng là cây phướn thuộc về cái phan, lại nói : thuộc về cây cờ. Sách San-định-ký nói : Tràng có bảy nghĩa, tóm lại còn năm : 1.- Nghĩa cao vọi : Ví dụ vị Phật là ngôi rất tôn trọng. 2.- Nghĩa kiến-lập : Ví dụ đức Phật dùng lòng bi, trí, kiến lập cho chúng-sanh với quả Bồ-đề. 3.- Nghĩa Qui-hướng : Ví dụ đức Phật là chỗ tôn ngưỡng của tất cả chúng-sanh. 4.- Nghĩa bẻ dẹp : Vì hàng phục tất cả ma quân. 5.- Nghĩa hết sợ : Như trời Đế-thích bảo các vị Thiên-chúng rằng : Các người cùng thần Tu-la khi giao chiến với nhau, dầu có e sợ, phải nhớ cây tràng thất-bảo của ta, thời cái điều sợ kia liền diệt ; dụ đức Phật được pháp vô sở úy nếu chúng sanh niệm Phật, liền khỏi sự sợ-sệt. Với trong năm nghĩa nay chỉ lấy một nghĩa cao vọi, tức gồm hết các nghĩa kia vậy.

Rộng nhiều là : Cái tràng kia, nhiều đến vô-lượng. Như kinh nói tràng phan, bảo cái khắp đầy chốn hư không. Phật lập vô-lượng nghĩa màu, chỉ bày cho chúng-sanh, cũng lại như vậy.

SỞ : Phật Đại-Quang là : Vì hào-quang sáng chói rộng khắp.

SAO : Hào-quang là chỗ diệu-dùng của đức Phật biến hóa dạy người, các người trời thần cũng có hào-quang, không cần ánh sáng của mặt nhật, mặt nguyệt ; Nhị-thừa là bọc quả nhỏ, và nhơn địa của Bồ-tát cũng đều có hào-quang sáng, nhưng sánh với hào-quang của Phật thì nhỏ hơn, vì hào-quang của Phật, ánh sáng che-phủ tất cả, nên nói là đại-quang vậy.

SỞ : Phật Đại-Minh là : Vì nói đức Phật dùng Đại trí phá hết những phiền-não mê hoặc.

SAO : Phá hết những phiền-não mê hoặc là : Phật dùng nhưt thể trí phá hết kiến hoặc tư hoặc. Dùng đạo-chủng-trí phá hết trần sa hoặc ; dùng nhưt-thể-chủng-trí phá hết vô-minh hoặc, cũng như mặt trời sáng giữa hư-không, không chỗ nào chẳng chiếu, rủa là đại-minh vậy,

Tuy Phật trước tựa hồ như giác-tha ; còn đức Phật đây in tưởng chỉ tự giác, nhưng với mỗi Ngài chỉ nói một đức, chứ nói nghĩa thật lẫn đủ, như trong lời Tồng-thuyết văn trước đã biện rành.

SỐ : Phật Bảo-Tướng là : Vì tướng tốt lạ lùng như ngọc báu quý trọng.

SAO : Tướng tốt như ngọc báu là : Vì Phật có vô-lượng tướng tốt. Nay chỉ nói một hai tướng mà thôi. Với tướng con mắt như trong kinh nói : Phật có tám vạn bốn nghìn con mắt báu thanh tịnh. Với tướng bạch hào : Như trong kinh nói : Long tướng bạch hào như ống Lưu-ly. Với tướng trước ngực : Như trong kinh nói : sắc vàng tử - kim. Tướng nhục - kế : Như trong kinh nói : Ngọc Chân-thức-Ca ; đó là chỗ gọi rằng : Bảo tướng vậy.

SỐ : Phật Tịnh-Quang là : Vì đức Phật thanh-tịnh phát ra hào-quang sáng, lại vì hào-quang kia thanh-tịnh nên gọi là Tịnh-Quang.

SAO : Thanh-tịnh phát ra hào-quang là : Nếu trí có nhiễm, thì không thể phát ra hào-quang nhiệm mầu.

Nay nói đức của Phật thanh-tịnh, nên mới phóng ra hào-quang sáng lớn. Vì như cái thể gương thanh-tịnh nó hay soi các hình tượng.

Hào-quang thanh-tịnh kia. Vì như lửa đốt ngoài đồng nội, cũng có hào-quang sáng, nhưng sánh với mặt trời, mặt trăng chẳng gọi là tịnh vậy.

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh thanh-tịnh bất-khả-tận, là nghĩa Tây-phương có hằng sa Phật.

SAO : Nghĩa Tây-phương đã thấy giải văn trước. Bởi do tự-thể của chơn-như, nó lặng như hư-không, tuyệt điểm thuần thanh đầu tầng có bờ mé ! Nhưng mây niệm trần thoát khỏi ; Phật diệt-độ đã nhiều đời ; tâm trần vừa dứt, cớ Phật liền hiện (Phật tánh bày ra).

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật vị nào ở trước ấy, đồng hiện ra tướng lưới rộng dài, phủ khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh, phải tin kinh : Xưng-tán-bất-khả-tư-nghì-công-đức-nhứt-thế-chư -Phật -sở-hộ-niệm này.

BẮC-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

- 1.- Liệt Danh Hiền Quảng
- 2.- Hiện Tướng Biểu Chơn
- 3.- Phát Ngôn Khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới Bắc-phương có các đức : Diệm-Kiên Phật, Tối-Thắng-Âm Phật, Nan-Trở Phật, Nhứt-Sanh Phật, Vãng-Minh Phật, như vậy hết thấy hằng-hà sa số các vị Phật.

SỞ : Phật Diệm-Kiên đã thấy giải ở văn trước.

SAO : Văn trước có chữ Đại, nhưng nghĩa không hơn kém.

SỞ : Phật Tối-Thắng-Âm là : Vì tiếng đức Phật rất lớn tất-cả các tiếng-tâm, không tiếng nào bì kịp.

SAO : Phật có tám thứ tiếng : 1.- Tiếng cực-hảo. 2.- Tiếng nhu-nhuỷn ; nhân đến tiếng thứ 8.- Tiếng không dứt. Nay cứ theo tiếng cực-hảo để giải cái nghĩa tối-thắng, cũng có thể gồm đủ 8 thứ tiếng, cho nên kêu là Tối-Thắng-Âm. Thế là tất-cả tiếng cõi nhơn thiên, tiếng Thanh-Văn, tiếng Bồ-Tát, không tiếng nào có thể bì kịp vậy.

SỞ : Phật Nan-Trở là : Vì Đức của Phật bền chắc không thể phá hoại.

SAO : Chữ Trở là tên con sông. Và một nghĩa nữa là hoại, vì Phật chứng pháp-thân, đãặng thể kim-cang bất-hoại, không còn các cái dư hoặc : là trần-sa hoặc ; vô-minh hoặc. Nên dù phiền-não nhầy tràn, cũng không thể phá hoại ; cho nên gọi Nan-Trở. Người xưa nói : Nước Ngô thành ao kia ư ? Cũng như nói không thể thành ao vậy. Lại nghĩa chữ Trở thông dụng với chữ Trở là ngăn dứt.

SỞ : Phật Nhứt-Sanh là : Hào-quang khi hiện ra, cũng như mặt trời mới vừa mọc, là nói gồm hai việc lợi.

SAO : Hai việc lợi là : 1.- Tự-lợi : Nghĩa là tánh bản giác Phật của chúng-sanh, vui lấp trong tánh vô-minh, cũng như giữa đêm khuya, ánh sáng mặt trời không hiện ; chừng phá vọng-hoặc bày trí chơn, thời tánh Thi-giác Phật mới tỏ chiếu, ví như mặt trời mọc phương Đông vậy.

2.- Lợi tha : Kinh Hoa-Nghiêm quyển 23 nói : Ví như Ông Nhứt-Thiên-Tử (cũng là mặt trời mà nói bằng tên khác) chẳng vì có thẳng Mù không thấy mà ẩn không hiện (mọc) ; chẳng vì có thành Càn-thác-Bà ánh, tuy thần A-Tu-La che cây Diêm-Phù để khuất, cùng là gộp cao, hang thâm, bụi mù, khói mây v.v... Các vật phủ che ẩn mà không hiện ; chẳng vì có thời tiết đời ẩn mà không hiện.

Dụ như Phật mới thành ngôi chánh-giác thuyết-pháp lợi đời, hào-quang tri-tuệ khắp soi, cũng như mặt trời mọc phương Đông vậy.

SỞ : Phật Vãng-Minh là : Vì trí như lưới báu khắp soi tất-cả chúng-sanh.

SAO : Chữ Vãng : tức là cái lưới nghìn hột châu của trời Phạm-Thiên, ánh tia của ngàn hột châu đều chiếu nhau, sáng lạng rỗng suốt ; như trí của Phật phủ khắp cả chúng-sanh, không chỗ nào mà chẳng chiếu. Lại mỗi pháp môn lẫn nhau dung suốt, vì giác-ngộ cho kẻ quần mê.

SỞ : Xứng-Lý, thời tự-tánh hàm-nhiếp bất-khả-tận, là nghĩa : Bắc phương có hằng sa các vị Phật.

SAO : Bắc phương (nhâm qui thủy) thuộc về mùa đông ; Đông là chủ về việc thu chứa, Đông là mùa rớt sau của vạn-vật trưởng-thành mà cũng là đầu tiên của vạn-vật sanh thành vậy. Thế nay trăm nghìn pháp-môn, cũng đồng về trong vòng tắc (tự-tánh) không ngăn đức dụng, đều ở trong nguồn tâm.

Tìm đó thời không tướng không hình, buông đó cũng vô cùng vô tận. Xưa nay sẵn đủ, chẳng cần tìm cầu. Thế cho nên trong Tâm của chúng-sanh, tức là Như-Lai tạng tánh.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào tự ở nước này, hiện ra tướng lười rộng dài, khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh, phải tin kính : Xưng - tán - bất-khả-tư-nghì-công-đức-nhứt-thế chư Phật sở hộ niệm này.

HẠ-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. — Liệt Danh Hiền Quảng
2. — Hiện Tướng Biểu Chơn
3. — Phát Ngôn Khuyến Tín.

LIỆT DANH HIỀN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế-giới Hạ-phương có các đức : Sư-Tử Phật, Danh-Văn Phật, Danh-Quang Phật, Đạt-Ma Phật, Pháp-Tràng Phật, Trì-Pháp Phật, như vậy hết thấy hằng hà sa số các vị Phật

SỞ : Sư-Tử Phật là : Dụ như con Sư-tử đẹp các thú vậy.

SAO : Sư-tử có hai nghĩa : 1.- Sư-tử là chúa trong các loài thú đạo đi không sợ ; dụ như đức Phật là bậc Độc-tôn trong 6 cõi phàm 4 cõi Thánh, ra vào trong ba cõi tự-tại không

ngăn ngại. 2.- Sư-tử rống lên một tiếng, thời trăm thú đều ghê sợ; dụ như Phật thuyết pháp, thời chúng Thiên-ma, bọn ngoại-đạo thấy đều tin phục.

Lại Phật không có năm món sợ và đủ bốn món vô-úy, đều là nghĩa Sư-tử.

SỞ : Danh-Văn Phật giải nghĩa đồng như trước.

SAO : Văn trước Danh-Văn-Quang. Văn đầy thiếu chữ Quang. Bởi do Danh-văn là Đức. Quang là dụ. Tuy Phật đây không dụ như kia. Nhưng mà không khác với đức của Phật kia.

SỞ : Danh-Văn Phật là : Cái danh của Phật như mặt nhật sáng, không chỗ nào mà chẳng khắp, cũng có thể xưng luôn; do vì cái danh tỏ-rạng, thời ánh-sáng chói xa.

SAO : Nghĩa chữ Quang đồng như văn trước. Danh tỏ rạng là : Như Phật A-Di-Đà cái danh khen đồn khắp 10 phương 3 đời, không đời nào chẳng chiêm-bái và tưởng-niệm.

Ánh sáng chói xa là : Như Phật A-Di-Đà hào-quang khắp soi 10 phương 3 đời, không chỗ nào ngăn che được.

SỞ : Đạt-Ma dịch là Pháp, cũng gồm hai loại.

SAO : Chữ Pháp là nghĩa phép-tắc, giữ-gìn : Dùng phép tắc giữ-gìn đức của mình; dùng phép tắc giữ-gìn thân chúng-sanh. Điều chúng đặt pháp thân.

SỞ : Pháp-Tràng là : Vì chữ pháp là phép-tắc, dụ như cái tràng (cây cò nêu cao),

SAO : Phép-tắc như Tràng là : Phật pháp cao vọi, người trời kính đó, là tôn trọng và ngoại. Trông đó, thời rõ như văn trước nghĩa vô-lượng tràng.

SỞ : Trì pháp là : Có hai nghĩa 1.- Giữ nghĩa trung-đạo gọi là trì. 2.- Giữ gìn pháp-niệm cũng gọi là trì.

SAO : Giữ trung-đạo là : Không sa về bên có, chẳng mắc về bên không, vì khéo giữ pháp mầu của trung-đạo.

Giữ gìn là : Vì giữ phép màu đây, khắp truyền ba đời không cho dứt mất.

SỐ : Xứng-lý, thời tự-tánh, lượng đó càng sâu không thể tốt, ấy là nghĩa Hạ-phương có hằng hà sa các vị Phật.

SAO : Với việc lấy binh bát đức Văn-Thù thông cánh tay bên hữu đưa xa xuống khỏi cõi Hạ-phương 72 hằng hà sa thế-giới. Nay kinh này lại nói : Khỏi cõi Hạ-phương bất-khả thuyết hằng hà sa thế-giới, mà tìm trong tự-tánh. Ví như cầm sào thọc biển, muốn tốt đáy kia, rốt cuộc không thể được.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào ở nước nấy, hiện ra tướng lưới rộng dài, khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh phải tin « kinh xưng-tán-bất-khả-tư-nghì công-đức nhưt thể chư Phật sở-hộ niệm » này.

THƯỢNG-PHƯƠNG (phân ra làm ba phần)

1. — Liệt Danh Hiện Quảng.
2. — Hiện Tướng Biểu Chơn.
3. — Phát Ngôn Khuyến tín.

LIỆT DANH HIỆN QUẢNG

Này Xá-Lợi-Phất ! Thế giới Thượng-phương có đức Phạm-Âm Phật, Tú-Vương Phật, Hương-Thượng Phật, Hương-Quang Phật, Đại-Diêm-Kiên Phật, Tập-Sắc-Bảo Hoa-Nghiêm-Thân Phật, Ta-La-Thọ-Vương Phật, Bảo-Hoa-Đức Phật ; Kiến-Nhứt-Thế-Nghĩa Phật, Như-Tu-Di-Sơn Phật, như vậy hết thấy hằng hà sa số chư Phật.

SỞ : Phạm-Âm Phật là : Vì tiếng của Phật thanh-tịnh không tạp nhiễm ?

SAO : Không tạp-nhiễm là : Như Phật Ngài thuyết-pháp cho các thừa kia (tam thừa) đều còn là tạp-nhiễm. Vì pháp chưa được cứu-cánh thanh-tịnh. Nay Phật chỉ dùng một pháp nhưt thừa dạy bảo các chúng-sanh, gọi bằng thuần nhưt bất-tạp, hoàn-toàn cái thể thật-tướng thanh bạch phạm hạnh ; cho nên nói là Phạm-Âm Phật (Phạm-âm : tiếng trong sạch).

SỞ : Tú-Vương Phật là : Một nghĩa rằng : Mặt trăng là Tú-vương (sao chúa), một nghĩa nữa chính là ngôi sao lớn nhất giữa các ngôi sao. Ví như Ngôi sao Bắc-thần ; hai nghĩa đều đặng.

SAO : Mặt trăng là ngôi sao chúa, chỗ gọi rằng : Muốn ngôi sao chung sáng, chẳng bằng một ánh chiếu của mặt trăng. Mà trăng thời phi đồng loại với sao. Dù rằng Phật là bậc đại-giác ; mà giác thời chẳng phải đồng loại với mê. Vì hơn tất-cả các loài, bởi mọi loài còn mê, cho đến các Thánh, Bồ-Tát cũng chưa cứu-cánh giác !

Chính là ngôi sao chúa giữa các ngôi sao là : Sách Luận-ngữ nói : Ví như ngôi sao Bắc-Thần ở tại chỗ nào, thời các ngôi sao kia đến châu theo đó. Rằng dù Bắc-Thần cũng loài sao, nhưng siêu hơn đồng loại, đề dụ rằng : Phật tức cũng chúng-sanh, mà sáng-suốt cao thâm hơn chúng-sanh, lại làm chỗ đề cho chúng-sanh qui-y, vì lẽ được giác-ngộ giải-thoát.

Hai nghĩa đều đặng là : 1.- Do ngôi sao với mặt trăng đối nhau vì ánh sáng hơn, nên xưng là vương (chúa). 2.- Chính trong các ngôi sao, riêng một ngôi sao này (Bắc-Thần) là hơn hết, nên xưng là vương (sao chúa).

Nay nói : Phật ở trong dị-loại, thì tự-tại hơn cũng như làm chúa trong dị-loại ; vì đã giác-ngộ, hơn một loài ; Phật ở trong đồng loại và các Thánh đã Giác-ngộ, cũng làm pháp-vương như chúa trong đồng loại ; vì vô-thượng cứu-cánh-giác ; cho nên hai nghĩa đều dùng đặng là như thế.

SỞ : Hương-Thượng Phật : Vì Phật là bậc Thánh sư giữa các hàng Thánh như thứ hương thơm nhứt giữa các loại hương thơm ; Vì trên hết cả không bậc nào sánh kịp.

SAO : Hương bậc nhứt trong các loại hương là : Như Hương chiên-đàn, hương này nặng chừng sáu thù (14) giá đáng bằng ba nghìn đại-thiên thế-giới.

Lại nói : Hương này một phen đốt lên, ngoài 40 dặm không người nào chẳng nghe mùi thơm của nó ; ấy là hương rất trên hết vậy.

Đức Phật chứng đẳng hương ngũ phần Pháp-thân. Hương này khắp xông tới vô-lượng thế-giới, tất cả hương của trời người, thần A-Tu-La, kẻ ngoại đạo, bậc nhị thừa không thể bì kịp, nên nói là Hương-Thượng Phật.

SỞ : Hương-Quang Phật là : Hương kia phát ánh sáng, như đoạn và trí hai đức vậy.

SAO : Đoạn-Đức là : Mùi hương thơm có thể trừ được mùi hôi hám, có nghĩa diệt uế ; các mùi hôi sạch hết, gọi đó là hương. Trí-Đức là : Ánh-sáng hay phá được các tối, có nghĩa trí-huệ ; tỏ sáng rộng soi, gọi đó là quang.

Lại mùi hương thường chỉ thơm nội lỗ mũi thôi : trong hương phát ra ánh sáng, thơm tới con mắt nữa. Dụ như hàng Thanh-Văn chỉ hay, diệt được điều ác ; có thể mà không dụng. Phật diệt được tất cả ác, nên hay đủ tất cả việc lành. Đoạn và Trí đều cụ-túc ; như hương đã thơm mà lại phát ra ánh sáng nữa vậy.

SỞ : Đại-Diệm-Kiên Phật là giải nghĩa đồng như văn trước.

SAO : Tên Diệm-Kiên Phật thường có nêu ra ; chính do vì đức Phật này, đồng danh trùng hiệu tới vô lượng vô biên.

SỞ : Tạng Sắc-Bảo-Hoa-Nghiêm-Thân Phật là : Vì như tu đủ nhiều hạnh tốt như hoa đẹp, đề kết quả làm trang nghiêm Pháp thân thanh tịnh.

SAO : Muốn hạnh trang nghiêm là : Bực nhị-thừa tuy chứng đẳng pháp-thân, nhưng nếu không tu muốn hạnh, gọi là pháp thân suông (15) ; còn Phật xưng là bực nhứt-thể chủng trí, là đã cần tu pháp Tứ-đẳng, pháp Lục-độ món món hạnh môn, không môn nào chẳng nhóm đủ ; chứa công dồn đức, để giúp rõ pháp thân như muốn môn qui báu để trang nghiêm sắc thân. Do vì pháp thân sẵn đủ hằng sa tánh lành đức tốt.

SỚ : **Ta-La-Thọ-Vương Phật** là : **Ta-La** dịch là **Kiên-Cổ**, cũng dịch **Tối-thắng**. Vì đức của Phật không đời đời, là bực Độc tôn giữa ba cõi dụ như cây thọ-vương (16) vậy.

SAO : **Kiên-cổ** là : Cây này gấp năm lần không úa tàn, búa rìu không hại nổi, có nghĩa kiên-cổ. Như Phật chứng Pháp-thân ; Vì tâm mê hoặc không thể lay gió, hoàn cảnh không thể động.

Tối-Thắng là : cây này cao lớn ; tất cả rừng cây không thể sánh kịp. Như Phật vượt khỏi ngoài 3 cõi ; là bực độc-tôn giữa các Thánh ; đủ hai đức này (tối-thắng và kiên-cổ) gọi là cây thọ-vương vậy.

SỚ : **Bảo-Hoa-Đức Phật** là : Vì Đức của Phật như Hoa báu.

SAO : Văn trước nói **Nghiêm-Thân Phật** : Vì chữ **Nghiêm** có nghĩa của Nhon hoa. Văn đây nói **Bảo-Hoa Phật** : ý lấy hoa đẹp dụ đức tốt. Nghĩa là : Phật đủ muôn đức, quý trọng xinh tốt, cũng như hoa đẹp rất quý báu vậy.

Một thuyết khác nói : Phật có bốn đức : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức Chơn-Thường như : Hoa bằng chất báu, vì không tàn rụng.

Đức Chơn-Lạc như : Hoa rất quý báu, vì đẹp ý người.

Đức Chơn-Ngã như : Hoa báu vì không đổi dời với hoa ngoài.

Đức Chơn-Tịnh như : Hoa báu vì thể nó ngời sạch, giàu có muôn đức, quý trọng xinh tốt, khá so độ để biết vậy.

SỞ : Kiến-Nhứt-Thế-Nghĩa Phật là : Vì đối tất cả nghĩa của các pháp, không nghĩa nào mà Phật chẳng biết.

SAO : Tất-cả là : Pháp thế-gian và pháp xuất-thế-gian, các pháp vô lượng thời nghĩa cũng vô lượng. Có người biết nghĩa gần, mà không biết nghĩa xa ; có người biết nghĩa lệch, mà không biết nghĩa tròn ; có người biết nghĩa chung, mà không biết nghĩa riêng ; có người biết nghĩa thiết, mà không biết nghĩa quyền. Còn Phật thì không có nghĩa nào mà Ngài chẳng thấy, chẳng biết.

Như Ông Thái-tử Tất-Đạt-Đa tên là Nhứt-Thế-Nghĩa-Thành (17) tức là ý đây vậy.

SỞ : Như-Tu-Di-Sơn Phật là : Vì núi Tu-Di là chúa các núi. Đức của Phật vượt hẳn lên trên các thánh tam-thừa, như núi Tu-Di kia.

SAO : Văn trước nói : Phật Tu-Di-Tướng, quyết chỉ về tướng hảo văn đây không chỉ tướng, là vì chuyên theo đức mà nói ; hiệp lại cả muôn đức đề tồ thành, như núi Tu-Di, kết tinh bằng các thứ báu hiệp thành nên gọi là « Diệu ». Phật ở trong thiên hạ mà tự-tại độc lập, như núi Tu-Di cao lên trên hết, gọi là « Cao ». Núi Tu-Di là chúa trong các núi, cũng như đức Như-Lai là pháp-vương trong ba cõi, nghĩa ấy cũng đồng như một.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh ngược đó càng cao, chẳng khá tốt, là nghĩa Thượng-phương có hắng sa các vị Phật.

SAO : Đối với cái đạo của Không-Phu-Tử, thầy Nhan-Uyên tán thán rằng : Ngược đó càng cao. Nay muốn dùng đề dụ : Cái tâm linh vượt khỏi, thể bất vương-vin, ngược đó càng gần, cao đó càng lắm.

Ngày xưa ông Tịnh-Danh qua khỏi thế-giới Thượng-phương cách với Ta-Bà 42 hắng hà sa thế-giới, đề lấy cơm thơm (đem về làm Phật-sự). Nay kinh này nói : lại còn qua khỏi thế-giới Thượng-phương bất-khả-thuyết hắng hà sa thế-giới mà tìm

nơi tự-tánh. Ví như nổi tre thọc trời, muốn tột trên đánh kia rồi cuộc chẳng thể được.

HIỆN TƯỚNG BIỂU CHƠN

Các vị Phật, Ngài nào ở nước này hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả cõi Tam-thiên Đại-thiên thế-giới.

PHÁT NGÔN KHUYẾN TÍN

Nói lời thành thật : Các ông và chúng-sanh phải tin « kinh Xưng - tán - bát - khả - tư - nghi - công - đức - nhưt - thể chư Phật sở hộ niệm » này.

SỞ : Nhấn trên 6 phương Phật mà sở dĩ tán-thán và hộ niệm đó, cũng là do vì sức bản-nguyên Phật A-Di-Đà.

SAO : Bản-nguyên là : Kinh Đại-Bồn, Ngài Pháp-Tạng nguyên rằng : Khi Ta thành Phật, danh đồn khắp cả mười phương vô ương số thế-giới, các Phật mỗi ngày đều ở trong Đại-chúng, khen công-dec Ta, với cùng cõi nước v.v...

Nên nay Ngài thành Phật được y như lời sở nguyện kia.

SỞ : Có người chấp kinh Lăng-Nghiêm nói : Pháp Nhĩ-Căn của Đức Quán-Âm hợp với giáo thể phương này. Còn pháp niệm Phật của Đức Thế-Chí chẳng dự vào bậc viên-thông, vì sao ngày nay khắp xa gần đều dạy pháp niệm Phật ?

Do đây mà nghi, chính bởi không hiểu 6 phương Phật đồng khen pháp-môn niệm Phật.

SAO : Người nghi cho rằng : Pháp-môn niệm Phật, đã chẳng hợp với cơ người phương này, lại chẳng dự vào hội chọn lựa viên thông, đã ở cõi này hà tất niệm Phật làm chi ? Nay xem 6 phương các Đức Phật đều khen kinh này, thời biết pháp Nhĩ-Căn ấy, riêng hợp với căn cơ phương này ; còn pháp niệm Phật thời hợp cả các căn cơ trong 10 phương thế-giới vậy. Kinh Đại-Bồn nói : Mười phương chúng-sanh, hễ xưng danh hiệu Ta, ắt sanh về nước Ta phải vậy.

Pháp Nhĩ-Căn là : Riêng hợp với trình độ nhơn-loại mà thôi, còn pháp niệm Phật thời đều hợp cơ cả 6 đường chúng-sanh.

Kinh Đại-Bổn nói : Địa-ngục, quỷ, súc-sinh, cũng sanh về trong cõi của Ta, thật thế. Thế thời pháp Nhĩ - Căn chẳng gồm pháp niệm Phật, mà pháp niệm Phật hay gồm pháp Nhĩ-Căn. Cho nên pháp Nhĩ-Căn đây chỉ phương này một Đức Thích-Ca Như-Lai khen mà thôi ; còn pháp niệm Phật kia cả 10 phương hằng sa các Đức Như-Lai đều khen ngợi ; nay theo lời khen phần nhiều cơ vậy.

Và nay khắp cả trong thiên-hạ kẻ tăng người tục, kẻ nam người nữ, tự-nhiên niệm Phật, như văn trước đã nói. — Thế thời pháp niệm Phật hợp-cơ rất nhiều, lại còn nghi chi nữa ?

Thử lập lời dụ : Như trong nước ta đây có trăm nghìn ấp mà kẻ sĩ-tử ở trong đó, phân nhau đề tập học ngũ-kinh. Hoặc có một ấp kẻ sĩ phần nhiều tập học kinh-thi, hoặc có một ấp kẻ sĩ phần nhiều tập học kinh-lễ, mà chỗ nói tập học phần nhiều đó. Vì cứ trong bốn ấp mà thôi ; nhưng mà hiệp hội các kinh (ngũ-kinh) so chung cả nước, thời sự tập học nhiều hơn hết là không chi hơn kinh Dịch.

Nay Pháp Nhĩ-Căn đây, ví như kinh Thi, kinh Lễ, còn pháp niệm Phật đây, ví như Châu-Dịch vậy.

SỐ : Hỏi — Đã sáu phương các Đức Phật đồng khâm khen cõi Tây-phương.

Vì lẽ gì Đức Lục - Tồ chẳng tùy theo các đức Phật đề khâm khen ; trái lại tưởng như chê rằng không có ; các cơ ấy tại đâu ?

Đáp : — Đây có 4 ý : 1.- Vì chỗ lập môn chẳng đồng. 2. Ví tưởng như chê, nhưng thiết ra là khen. 3.- Chẳng vì kẻ sơ-cơ. 4.- Vì người biên chép có sai lầm.

SAO : Trong Lục-Tồ Đàn kinh nói : Người Phương-Đông tạo tội niệm Phật, cầu sanh Phương-Tây ; Người Phương-Tây tạo tội niệm Phật cầu sanh về nước nào ? Lại nói : Người ngu

nguyên Đông nguyên Tây. Người đời sau chấp theo đây rồi sanh nghi-ngờ ! Lục-Tổ nói : Không có cội Tây-Phương, cho nên làm lời biện đây :

1.- Câu ban đầu vì chỗ lập môn chẳng đồng, lại có hai nghĩa : Một là : Vả cứ sự, lý hai môn. Lời đức Lục-Tổ nói : Là môn dùng lý đoạt sự nghĩa là chỉ dùng lý tánh ; còn về môn dùng sự đoạt lý, thì thời trong các pháp môn Phật sự không bỏ một pháp nào, vì chỉ dùng sự là hơn lý, thì đâu đáng bác bỏ đi mà cho rằng không có cội Tịnh-Độ.

Hai là Đời Tấn, đời Tống sắp về sau, người tu Phật đều đua nhau lấy việc Thiền-dịnh quán tưởng làm cao thượng hơn, là cho ý Trục chỉ đơn truyền, gần đến mờ lấp. Bấy giờ tổ Đạt-Ma mới xướng ra cái lý đoạt sự ấy, các tổ kế tiếp chấn-hưng thêm, chỉ muốn đạo lý ấy (trục chỉ thiền) phóng đại quang-minh ra, mà đạo-lý ấy không phân-biệt có Phật có chúng-sanh gì cả, nghĩa là chỉ một lý-tánh mà thôi. Nay pháp môn Tây-phương đây, chính là vì mở bày cho chúng-sanh thú hưởng về Phật. Với đạo-lý ấy hễ móng tâm thời sai, động niệm thời trái. Nay pháp môn Tây-phương đây, chính vì dạy người móng tâm niệm Phật. Đạo lý ấy Tâm và Cảnh đều tịch tịnh. Nay pháp môn Tây-phương đây chính là vì lấy nước Phật làm cảnh, phát tâm cầu sanh. Thế tuy lý không hai nẻo nhưng các môn-dịnh thi-thiết chẳng đồng. Vì theo thời, theo cơ phép nó sẽ phải vậy.

Giả-sử mới vừa mở pháp Trục-chỉ, lại tiếp khen pháp Tây Phương, thời ý Trục-chỉ rốt cuộc không do đâu tổ dựng. Cho nên, biết rằng : Đức Lục-Tổ bên Thiền-Tông cùng với các Tổ bên pháp môn Tịnh-độ dù rằng lập môn có khác chớ nếu đổi lại thì cũng đồng nhau, gọi bằng dịch địa giai-nhiên (18).

2. Tuồng như chè, thiết ra khen : Đức Lục-Tổ Ngài nói cái thuyết Đông, Tây chỉ là để khuyên người cốt yếu phải thiết tâm làm lành là hơn, đừng nguyên suông vô ích, chớ nào Ngài nói không Tây-phương ?

Dụ như : Đức Khổng-Tử sanh ở nước Đông-Lỗ, người nước Tề làm ác, trong đó có kẻ ngưỡng mộ đức Khổng-Tử, nên kẻ ấy cầu tẩn-cư qua nước Lỗ, còn như người nước Lỗ làm ác trong đó có kẻ mộ đức Khổng-Tử thì cầu tẩn-cư qua nước nào ?

Số là nói hễ làm lành là thiết học với Đức Khổng-Tử chớ nào tăng nói không nước Đông Lỗ ?

Lời Đức Lục-Tổ nói đó, lý đó chính như trong kinh này nói : Ất dùng đa thiện-căn mới đặng sanh về nước kia, thế thời đâu đặng nói rằng Ngài chê !

3.- Chẳng vì kẻ sơ-cơ là : Đức Lục-Tổ Ngài nói : Giới, Định, Huệ của Ta chỉ tiếp người bậc tối thượng thừa, mà nay kẻ sơ tâm hạ phẩm chỉ tự-hào có chút mảy thế trí (trí thế-gian) đã coi rẻ pháp Tây-phương quấy bần lý Bát-Nhã, chẳng những vô-ích mà lại hại thêm.

Cho nên quyền Pháp Bửu-đàn kinh, dè chớ đưa cho kẻ sơ-cơ xem đọc. Nếu trao cho người không phải căn trí Đại-thừa, thời họ liền lạc vào loài cuồng ma, thiệt đáng thương tiếc.

4.- Biên chép có sai lầm là : Trong Đàn-kinh lại nói Tây-phương cách đây 10 muôn 8 nghìn dặm, thiệt là nhận lầm lấy cõi Ngũ-Thiên-Trúc đồng cho là nước Cực-Lạc vậy.

Ngũ-Thiên Trúc với nước Chấn-Đán (Tàu) đồng là cõi Ta Bà uế-độ nào cần phân biệt nguyên Đông nguyên Tây. Mà nước Cực-Lạc tự cách xa Ta-Bà đây đến 10 muôn ức cõi Phật.

Số là với bốn Đàn-kinh đều là người hậu học biên chép, đâu giữ khỏi sai lầm. Chẳng thế thời Tổ Ngài mượn cõi Tây-Vực để dụ cõi Tây-phương kia vậy thôi. Người xưa nói : Tận tín thơ, bất như vô thơ, là ý đây vậy. (Mỗi việc gì cũng đều tin theo sách cả, thì đừng có sách còn hơn, là cái bệnh cũng như đây vậy).

Hướng chi với cõi Tây-Phương, nghìn Phật đồng khen. Nay lại nghi lời nghìn Phật, mà tin lời của một vị Tổ ! Ôi : Với lời Phật còn không đủ tin, huống nữa là lời của Tổ ư ! ? ?

Vậy ai là người minh trí, hãy vì người đời giải quyết giùm tâm nghi để cho họ phát khởi tâm chánh-tín. Nơi nơi chỗ chỗ tùy ở đến đâu cũng rộng ra khen ngợi khắp truyền tới đó; tức là thay thế cho các Đức Phật ra tương lười rộng dài. Tức là trả ơn sâu cho Phật. Bằng ai trái cãi lời Phật, cố làm lời ma thuyết, thời mắc tội ngay, đâu thể nói cho hết !!!

Nay dùng một lời dụ cho rõ : Như ở đây có người, mỗi ngày nói ra một vạn lời để chê bai một vạn vị Phật, như thế chứa đủ một nghìn năm người ấy tội nghiệp thiệt vô-lượng vô-biên, lại có người nói ra một lời ác bác rằng không cỗi Tịnh-Độ, cản trở người niệm Phật, người đây tội nghiệp quá hơn người trước gấp trăm gấp nghìn hàng vạn phần hơn, nhần đến không còn số tính. Vì sao thế ? Bởi vi-trần chư Phật đều tán-thán cỗi Tây-Phương, chỉ muốn cho mỗi người đều thành Phật ; Nay riêng một mình người ấy sanh tâm phỉ báng, tức là phỉ báng tất cả vi-trần các Đức Như-Lai. Hãm hại cho tất cả chúng-sanh, thường chìm trong bể khổ, chẳngặng thành Phật ; cho nên mắc tội mới nặng như thế, rất phải cẩn thận lời nói cho lắm !

SỞ : Xứng-Lý, thời tự-tánh khắp soi, là nghĩa 6 phương Phật đồng khen.

SAO : Ánh linh-thiênng tự sáng, xa tuyệt chính giữa và hai bên, Phật chiếu không riêng, nào phân đây đó, cho nên dặng một không ngại với nhiều, chủ bạn lẫn thành không ngại, thời ngàn sai tuy cách mà chẳng khác nhau, lẫn thành thời muốn pháp chẳng hện mà tự hợp-hội. Thế thời 6 phương chẳng lìa nơi gang tấc (tâm niệm). Các Đức Phật đều hiện trong đầu mày lông. Thế thời, nay kinh này đây sẽ ở chỗ nào ?

THÍCH KINH UNG TÁN (phân ra làm hai phần)

1.- *TRUNG DANH (gạn danh đề)*

2.- *THÍCH NGHĨA (giải thích nghĩa)*

TRUNG DANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Trong ý ông nghĩ sao ? Có gì tên là « kinh : Nhất-Thế Chư-Phật Sở-hộ Niệm » ?

SỐ : Có tên ắt có nghĩa. Nay tỏ bày nghĩa đó, mới đáng xưng làm, không chỗ nghi vậy.

SAO : Đề mục 16 chữ, nay chỉ gạn 8 chữ sau là do 4 chữ « Bất-khả-tư-nghi », Phật Thích-Ca Ngài khen, nghĩa kia đã rõ.

Phật phương khác khen, thêm 8 chữ này ; nên gạn nghĩa đó ; Thế nào là Phật hộ ? Và Phật niệm bằng cách nào ? Bởi vì văn trước dạy phải tin kinh này. Văn đây rằng : Với nghĩa đã rõ rồi vậy sau mới tin chắc được.

THÍCH NGHĨA (phân ra làm ba phần)

- 1.- **VĂN-TRÌ** (nghe rồi giữ)
- 2.- **LỢI-ÍCH** (được lợi ích)
- 3.- **MIỄN-TÍN** (gắng sức tin)

VĂN - TRÌ

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có thiện-nam-tử thiện-nữ-nhơn nào, nghe kinh này, và nghe danh hiệu các Đức Phật rồi, đều phải thụ-trì

SỐ : Nghe kinh này là : Lập lại văn trước nói y, chánh, tín, nguyện và trì-danh được vãng-sanh v.v... Người nghe thọ trì, tức văn trước nói pháp tam-huệ và pháp tam tư-lượng có vậy.

SAO : Nghe, tức Văn-Huệ ; Thọ, tức Tư-Huệ ; Trì tức Tu-Huệ ; Văn tức nghĩa Tín ; Thọ tức nghĩa Nguyện ; Trì tức nghĩa Hành. Rõ thấy văn trước đã giải.

SỐ : Nghe danh hiệu chư Phật tức là lập lại trên, nghe danh hiệu chư Phật ở 6 phương. Vì nghe kinh đã thọ trì thì nghe danh hiệu Phật cũng phải thọ trì.

SAO : Hỏi : Kinh này, nghe danh hiệu Phật A-Di-Đà làm cái nhơn vãng-sanh cũng đủ rồi, nào lại gồm nghe danh hiệu chư Phật làm chi nữa ?

Đáp : Công-dức của Phật A-Di-Đà, được hằng sa chư Phật đồng khen, thời nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật khen mới tin thọ kinh này càng thêm thân-thiết, cho nên đều nêu vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm quyền thứ 6 bài văn Hồi-hướng nói : Lại ở chỗ Phật, được nghe danh hiệu Phật, càng thêm gấp gở vô số chư Phật. Tức là ý nghe kinh này, và nghe danh hiệu của chư Phật vậy.

SỚ : Kinh Đại-Bồ-n nói : Có nhiều vị Bồ-tát, muốn nghe kinh này, mà không được nghe.

Lại trong kinh nói : Thà ở dưới Địa-ngục mà được nghe danh hiệu Phật. Thời biết nghe kinh này, và nghe danh hiệu chư Phật, rất chẳng phải là sự dễ.

SAO : Vị Bồ-tát muốn nghe mà chẳng được nghe, thời với bậc nhĩ-thừa kẻ phạm phu ta khá biết vậy.

Lời kệ kinh Đại-Bồ-n : Nếu đời trước chẳng tu Phước-Huệ, thời đối với chánh-pháp đây không đáng nghe. Đã từng vâng thờ các đức Như-Lai, nên mới có nhơn-duyên được nghe nghĩa kinh này.

Ở dưới Địa-ngục được nghe danh hiệu Phật là : Kinh Hoa-Nghiêm lời kệ nói : Thà chịu khổ trong Địa-ngục, mà được nghe danh hiệu chư Phật ; chớ chẳng muốn sanh trong cõi trời, mà chẳng đáng nghe danh hiệu Phật.

Nên biết kinh này, với danh hiệu Phật, chẳng dễ gì nghe vậy.

Nay được nghe đó, khá chẳng tin thọ hay sao ?

SỚ : Xứng-lý, thời tự-tánh tự giữ lấy kiêu-mẫu là nghĩa nghe kinh này. Tự-tánh tự-giác Bồ-n Phật, Thi-Phật là nghĩa nghe danh hiệu chư Phật.

SAO : Tự-tánh tự giữ gìn lấy qui-tắc của nó thời Đức Tôn-giả (Tu-Bồ-Đề) không thuyết-pháp. Ta (Đề Thích) cũng không nghe, thế thiết là lý Bát-Nhã. Tự-tánh tự-giác chiếu lấy

bồn thì của nó thời không danh không tự, không thể không tương thể gọi là Như-Lai. Vậy thời với pháp-mẫu khó tin giữa thể-gian đây dù không nghe mà được đánh-ranh tỏ rõ; với Hồng danh của hằng sa chư Phật, bất thính mà vẫn âm-âm bên tai. Nên nói với những kinh chưa nghe, tin đó không nghi. Vưng thờ chư Phật không bỏ qua vậy.

LỢI ÍCH

Các Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhơn này, đều được tất cả các đức Phật đồng hộ-niệm, đều đặng bực bất-thối-chuyển nơi quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề.

SỞ: Vì chư Phật hộ niệm, nên đặng bực Bất-thối-chuyển bồ-đề. Nghĩa Bất-thối đã thấy giải văn trước.

SAO: Văn trước gan hỏi: Thế nào là hộ niệm? Văn đây chỉ ra căn do ấy. Ý nghĩa là người nào thọ trì kinh này, và được nghe danh hiệu chư Phật, thời được chư Phật hộ niệm cho, khiến không thối tâm.

Lại bản kinh của nhà Đường dịch nói: Ất được 10 phương 10 số căn già hà sa các đức Phật đồng nhau thọ nhận, thời chẳng phải chẳng những 6 phương mà cũng chẳng những một số hằng sa mà thôi.

SỞ: Chữ A, dịch: Vô. Nậu-đa-la, dịch: Thượng. Tam-miệu, dịch: Chánh đẳng; Tam Bồ-đề, dịch: Chánh-giác. Tức là bực Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác; nghĩa là bực đã giác-ngộ chân chánh, bình-đẳng không còn bực nào hơn nữa.

SAO: Với quả vị cứu-cánh cực-điểm gọi là vô-thượng, vì đối với bực hạ nên nói không còn bực nào cao hơn nữa. Chính xét được chân-lý chắc thật, nên gọi là Chánh; vì đối với tà. Xem xét tục đế bằng tâm bình-đẳng, nên gọi là Đẳng, cũng gọi là Biến Mãn vì không thiên lệch không phân biệt giai cấp. Chữ giác là sáng tỏ trong tâm mình. Chánh-giác là: Gồm có hai nghĩa:

Vô-thượng và Chánh-đẳng. Nói chữ giác đây, là bực Chánh giác Vô-thượng Chánh-đẳng vậy.

Bởi loài xuẩn-động hàm-linh, đều có tánh Phật. Thời qua Bồ-đề đây, Phật cùng chúng-sanh, xưa nay không hai. Nhưng bị vô-minh là nghiệp chướng che phủ mới thành mê-vọng chấp-trước phân-biệt ngã, nhơn, đó là tà giác, chẳng kêu là Chánh. Tất cả lục phàm đều như thế. Hàng Thanh-Văn, Bích-Chi, chỉ phá được kiến-hoặc, tư-hoặc, tuy cũng đứng đạo quả Bồ-đề, nhưng Đạo kia chưa được trung-chánh, vì chỉ tự-giác, ấy là thiện-giác, không kêu là đẳng. Tất cả Bồ-tát đã hết trần-sa-hoặc, nhưng chưa hết vô-minh hoặc.

Tuy đứng bực chánh-đẳng Bồ-đề, nhưng đối với bực Phật còn kém xa, không gọi là Vô-thượng. Duy một mình Phật vọng hết Giác mãn như mặt trăng đêm rằm, không còn có bực Giác nào hơn nữa, nên gọi là bực Vô-thượng Chánh-đẳng-Giác vậy. Nay chỉ trì danh hiệu Phật, nhờ Phật hộ niệm, đối với bực Giác như thế, tức đứng Bất-thối-chuyển. Nghĩa là thẳng đến Đạo-tràng, trọn không còn đọa trong 3 cõi, và lưng chừng nơi hóa-thành, quyết-định thành Phật.

Kinh Đại-Bồ-nhĩ Ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Nghe danh hiệu Ta rồi, với quả A-nậu-đa-la-tam-miệu tam-bồ-đề, mà có thối chuyển ấy, thời Ta không thủ ngôi chánh-giác.

Lại nói : Do vì đối với pháp đây, không chịu nghe nên có một ức Bồ-tát, thối chuyển nơi quả A-nậu-đa-la-tam-miệu tam Bồ-đề.

SỞ : Văn trước nói : A-Bệ-Bạc-Tri. Chính là văn đây nói nghĩa Bất-thối Bồ-đề vậy. Nhưng trước khi vãng-sanh và sau vãng-sanh, ý có hơi sai khác.

SAO : A-Bệ-Bạc-Tri, mà gọi rằng : Bất-thối đó, chính là nói đối với quả Vô-thượng Bồ-đề, không thối-chuyển vậy.

Song văn trước nói : Người sanh nước kia, đều đứng bực bất-thối.

Văn đây nói : Nghe kinh này và nghe danh hiệu Phật, thế đều đứng bực bất-thối, thời chẳng đọa, sanh về nước kia,

mà trước khi chưa sanh về, tức đã đặng thành-tự, thiện-căn Bồ-đề, không thể hư hoại, hưởng lại sanh về kia rồi mà có thói chuyền hay sao !...

Lại có hai nghĩa : 1.- Hiện thời không thói, như trên đã nói. 2.- Dầu người kia ít tuổi thọ, nhiều nghiệp chướng, chẳng đặng vãng-sanh, nhưng nhờ sức chấp trì của mình đây, và sức Phật hộ niệm, ắt qua đời sau với thiện-căn Bồ-đề, cũng chẳng tan mất, rốt ráo đặng sanh về cõi Phật kia.

Người xưa nói : Đời nay đã gieo các hạt giống Bát-Nhã này, dầu nay chưa tỏ ngộ, nhưng qua đời sau vừa lộ đầu ra, mặc dầu ở trong tánh Bát - Nhã sẵn sàng thọ dụng, chính là nghĩa đây vậy.

SỐ : Xứng - lý, thời tự - tánh thường giác, là nghĩa Bát-thối Bồ-đề.

SAO : Tánh khôn thiêng riêng chiếu, rõ rõ thường tri, không giảm không tăng, không đắc, không thất, Bồ-đề tức ta, ta tức Bồ-đề tẩn còn không có làm gì có thói ?

MIỄN TÍN (phân ra làm ba phần)

- 1.- *Nhơn văn tín thọ (nhơn nghe tin chịu)*
- 2.- *Tùy nguyện đắc sanh (theo nguyện sanh về)*
- 3.- *Tổng kết tín nguyện (gồm kết nguyện tin)*

NHƠN VĂN TÍN THỌ

Thế cho nên, này Xá-Lợi-Phất ! Các ông đều phải tin chịu lời của Ta, và lời nói của chư Phật.

SỐ : Đều phải tin thọ, ấy là lời khuyên lần thứ ba. Có người phân cho đoạn văn đây thuộc về phần lưu-thông. Nhưng nay cũng đề thuộc về phần Chánh-Tôn, vì do nương-văn trên, chính khuyên người tín thọ, khiến đặng vãng-sanh. Hai văn trước, đều khuyên phát nguyện. Văn đây lại khuyên tín thọ.

SAO : Khuyên lần thứ ba là : Văn trên nói : Nghe lời nói Ta đây, chỉ phải tri-danh thời đặng sanh. Nhưng chưa rõ : Thối

hay là không thối. Văn đây nói : Chẳng dặng vãng-sanh, mà với quả Vô-thượng Bồ-đề ắt hẳn không thối chuyển.

Như thế thời nguyện càng thêm thiết, cho nên nói ba lần khuyên chưa thuộc phần lưu-thông là do Tín, Nguyện, vãng-sanh, là cang-yếu trong bộ kinh này. Văn sau trùng-trùng khuyến tín, khuyến nguyện, phần thuộc phần Chánh-Tôn, đối với nghĩa là đúng.

Các ông là : Chính chỉ ông Thân-Tử, nhần đến đại-chúng hiện tiền, và gồm tất cả các chúng-sanh đời vị lai, v.v...

Bởi vì với một vị Phật ngài nói đã tin chắc, hướng chỉ chư Phật đồng khen, lại còn nghi chi. Tín, Hạnh, Nguyện, ba món, không dặng thiếu một, cho nên văn trước khuyến nguyện, văn đây lại khuyến tín.

Lại khuyến là gì ? Văn trước, trong văn 6 phương Phật, đã khuyên phải tin kinh này.

Văn đây lại nói rành. Phải tin lời Ta. Bởi vì không nguyện, là do trong tâm không tin. Không tin thời không do đâu khởi hạnh tu ; cho nên đối với trong kinh này Phật Ngài trùng trùng khuyến tín.

Như kinh Đại-Bồn nói : Người không tin lời Phật nói chính người đó trong ác-đạo mới tiến hóa ra, tội thừa chưa hết, ngu si bất, tín, chưa dặng giải-thoát.

Lại ngài Pháp-Tạng nguyện rằng : Hết lòng tin mến, muốn được về cõi của Ta, 10 tiếng niệm Phật ắt được sanh về, duy trừ tội ngũ-nghịch và phỉ báng chánh-pháp. Báng chánh-pháp là nghĩa : Bất tín vậy.

Lại kinh Văn-Thù Bát-nhã, như văn trước đã dẫn. Rồi sau cũng nói rằng : Duy trừ người bất tín. Lại kinh Hoa-Nghiêm nói : Tín là gốc của Đạo, tin là mẹ sanh ra công-đức, mà Phật lại nói mãi không thôi, đâu lường vậy ư ?

Ngài Thanh-Lương Đại-Sư nói : Ông Cao-Tề Đại-Hạnh Hòa - thượng tôn sùng pháp niệm Phật, dùng 4 chữ dạy bảo, nghĩa là : Hai chữ tin nhớ, không lìa trong tâm : Hai chữ kính niệm, không lìa nơi miệng, sanh về Tịnh-Độ, cần yếu phải có

tâm tín. Nghìn người tin thời nghìn người được sanh về, muôn người tin thời muôn người được sanh về. Tin danh hiệu Phật, thời chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ niệm. Tâm thường nhờ Phật, miệng thường niệm Phật, Thân thường kính Phật, mới gọi là thâm tín, mặc ý sớm hay muộn gì quyết không có phép nào ở trong cõi Diêm-Phù-Đề này. Văn đây khuyên người đời phát tín tâm rất là thiết yếu.

SỚ : Tín là : Nghĩa không nghi, Thọ là nghĩa tin rồi lãnh nạp không quên. Tín mà không Thọ cũng như không Tín vậy.

SAO : Tín mà không thọ lãnh : Vì như có người đem cho vật báu rất tin không nghi, song mà cứ cự mãi không nhận lấy, dầu tin cũng chẳng ích gì ! Cho nên nói cũng như không tin vậy.

SỚ : Lại chữ Tín, tức là tâm thanh-tịnh, như trong bộ Duy-thức đã nói.

SAO : Trong thành Duy-thức luận nói : Đức Tín tánh cách nó là tâm tịnh. Nghĩa là đối với chỗ thật đức hay thâm nhẫn ưa muốn (bởi có trí-huệ tin hiểu thấy được lý chân-đế, nên gọi chỗ thật đức). Thế nào là tâm tịnh ? Vì tâm thù thắng vậy. Như ngọc Thủy-Thanh hay làm cho nước đục được trong.

Lại trong các món nhiễm, mỗi món đều có hình tướng, chỉ có tâm bất tín, tướng nó vẫn đục. Lại hay khuấy đục đến các tâm-vương, tâm sở. Tỷ như vật rất nhơ, vì nó đã làm nhơ mình lại nhơ lây người khác. Nếu tâm tín, chính là đổi được cái tướng nhơ kia, nên lấy tâm tịnh làm tướng.

Nay người tu Tịnh-Độ, chủ về tâm-tịnh, tâm tín là việc gấp cũng rõ lắm rồi.

SỚ : Xưng-ly, thời tự-tánh bản lai vẫn là Phật, là nghĩa tín thọ.

SAO : Kinh Hoa-Nghiêm nói : Bực Thập-tín, toàn dùng quả Phật làm tín tâm của mình (mỗi bực giữa 10 tín).

Bởi do Phật tức là tâm, cho nên trong tâm chúng-sanh, mỗi niệm mỗi niệm thường có tánh Phật thành ngôi chánh-giác. Nên người mà dấy lòng tin như vậy, thì đối với ý mẫu chốn kỳ-viên, lời nhiệm của nghìn vị Phật, chỉ một thời người ấy đã thu-trì tất cả.

TÙY NGUYỆN ĐẮC SANH

Này Xá-Lợi-Phất ! Nếu có người trước đã phát nguyện, nay đương phát nguyện, hoặc sau sẽ phát nguyện để muốn sanh về nước Phật A-Di-Đà kia, thì các người đó đều đáng bậc bất-thối-chuyển đối với quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam Bồ-đề nơi cõi nước kia, hoặc đã vãng-sanh, hoặc nay vãng-sanh, hoặc về sau sẽ vãng-sanh.

SỐ : Văn trước nói : Tín, Thọ. Văn đây nói : tin rồi phát nguyện vãng-sanh vậy. Đã nguyện, nay nguyện và sau nguyện, là phối với ba thời : Quá khứ, hiện tại và vị-lai.

Nói ba thời kỳ đó để rõ rằng : Hễ có nguyện, không một người nào mà chẳng vãng-sanh.

SAO : Đã phát nguyện, đã vãng-sanh là : Thì trước khi Phật nói kinh này, đã có người cầu nguyện sanh về nước kia đã được vãng-sanh rồi.

Nay nguyện, nay sanh là : Chánh thời kỳ Phật còn tại thế vậy.

Sau nguyện, sau sanh là : Nghe kinh này vừa rồi, mãi cho đến ngày nay, ngày sau và đời sau nữa...

Văn trước nói : Bất-thối Bồ-đề, Văn sau nói : Người đáng vãng sanh đó rõ ràng : Hễ người phát nguyện, thời ngay đương đời đây đã thuận theo đường Chánh-Giác rồi, hướng đã đáng vãng sanh ư ?

Không một người nào chẳng được sanh là : Rõ nói những người vãng sanh rất nhiều đến vô-lượng.

Hỏi : Người được sanh đã nhiều vô-lượng, nay sao tình cờ mới thấy có một người ?

Đáp : 10 phương thế-giới, đông như số vi-trần, những người vãng sanh kia nào ai biết được số hạn. Nay người chỉ thấy cõi Ta-Bà chứ không thấy nhiều cõi như số vi-trần trong 10 phương.

Lại hỏi : Người sanh đã nhiều vô-lượng ; cõi kia làm sao mà chứa cho hết ?

Đáp : Biển cả chứa trăm sông mà chẳng tràn, gương sáng trùm muôn tượng còn có dư, huống cõi Tịnh-Độ ư ? Tức tâm là tịnh-độ, tức độ là tâm vì lẽ, lấy tâm qui về tâm thì nào lại chẳng chứa hết ?

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó chẳng phải quá khứ, vị lai và hiện tại là nghĩa đã sanh, nay sanh và sau sanh.

SAO : Muôn năm thâm vào trong một niệm thì xưa nào mà chẳng phải nay ? — Một niệm suốt đến muôn năm thì nay nào chẳng phải xưa ? Thế thời mỗi niệm mỗi niệm đạo đi nước Cực-Lạc mỗi giờ mỗi giờ ra mắt Đức Từ-Tôn, đâu chẳng phải vãng sanh đấy ? Tâm quá khứ không thểặng, tâm hiện tại không thểặng, và tâm vị-lai cũng không thểặng. Đã không tâm ấy còn ai nữa mà vãng mà sanh, nhưng không sanh mà sanh, đó là cái nghĩa đã sanh, nay sanh và sau sanh.

TỔNG KẾT TÍN NGUYỆN

Thế nên này Xá-lợi-Phất ! Các gã thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn, nếu có người tin, cần phải phát nguyện, đề nguyện sanh về cõi nước kia.

SỞ : Văn trước nói : Có nguyện thời ắt có sanh thời như quả rõ-ràng, chỉ e người không tin cùng người tin mà không nguyện sanh : cho nên tổng-kết Tâm tín và nguyện. Nghĩa là nếu ai không tin thì thôi, còn nếu có người tin thì nên phát nguyện sanh về nước kia : đây là lần khuyên thứ tư.

SAO : Lần khuyên thứ tư là : Từ lần khuyên ban đầu đến lần khuyên thứ hai đều nói : Phát nguyện cần sanh, đến trong lần khuyên thứ ba lại nói rõ-ràng nguyện là từ tâm tín mà khởi : Như trên ba lần nói, chỉ là khuyên nói cần phải phát - nguyện, nhưng chưa nói rõ công đức phát nguyện.

Văn đây nói : Đời quá-khứ, đời vị-lai và đời hiện-tại, hễ có người nguyện, không một người nào mà chẳng được sanh, mới biết cái nguyện lực rộng lớn như thế, đâu đặng không tin, đâu đặng không nguyện ? Nên nói bốn lần khuyên và nói lời tổng-kết.

Ngài Trí-Giả nói : Ngục Hỏa-xa hiện tướng còn dặng vãng-sanh. Huống chi giới, định rỗng tu, công chẳng lường uổng, đây là lòng tin rất tốt vậy.

Ngài Vĩnh-Minh nói : Kiếp đá còn có thể mòn, chớ nguyện ta không bao giờ thay đổi ; đây là lời nguyện rất rộng vậy.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh. Như và trí thâm hiệp, ấy là nghĩa trí và nguyện đều thành.

SAO : Thuần nhiên chơn-thật mà không lường là nghĩa : tự-tánh chơn như vậy ; thế nên gọi là Tín. Xí nhiên trung-bình sanh ra mà không cùng tận ấy là nghĩa : Tự-tánh trí-huệ vậy ; thế gọi là nguyện.

Như hiệp với Trí ; Trí hiệp với Như, ngoài Trí không Như, ngoài Như không Trí, Văn-Thù là bậc Tín-Thủ sẵn đủ trong nhứt tâm. Phổ-Hiền là bậc nguyện-vương, cũng không rời trong nhứt niệm.



D.- HỒ CHƯƠNG NAN SỰ LINH THIẾT CẨM PHẬT

(Phân ra làm ba)

- 1.- **KỶ TÁN CHƯ-PHẬT**: (Thích-Ca khen Chư-Phật)
- 2.- **CHƯ-PHẬT TÁN KỶ**: (Chư-Phật khen Thích-Ca)
- 3.- **TỔNG KẾT NAN SỰ**: (Chung kết việc khó)

KỶ TÁN CHƯ PHẬT

Nầy Xá-Lợi-Phất! Như Ta nay đây, khâm khen công-đức Chư Phật bất-khả tư-nghì.

SỐ: Bốn kinh của đời nhà Đường dịch đã nói : Như ta đây rao bày khâm khen đức Vô-lượng-thọ Phật. Kinh này nói : Khâm khen các đức Phật. Như lời Cồ-Nhai nói : Do vì đức Phật Di-Đà với chư Phật đồng một pháp thân.

SAO : Đồng một pháp thân là : Như kinh Hoa-Nghiêm lời tụng nói : 10 phương các đức Phật Như-Lai, đồng chung một pháp-thân ; một thân một trí-buệ, Thập-lục, Tứ-vô-úy cũng thế.

Thời đức Phật Di-Đà tức là các Đức Phật, các đức Phật tức là Phật Di-Đà ; cho nên chẳng nói Đức Di-Đà, mà nói các Đức Phật ; số là gồm Đức Di-Đà ở trong các Đức Phật. Văn sau nói các Đức Phật, cũng là Đức Di-Đà cùng các Đức Phật đồng khâm khen Đức Thích-Ca vậy.

SỐ : Bản dịch Đời nhà Đường, do Đức Di-Đà gồm các Đức Phật ; nay kinh này : Do các Đức Phật gồm Đức Di-Đà. Nếu cả hai thuyết gồm nói đủ thời với văn đã thuận, mà nghĩa lại cũng cụ-túc.

SAO : Đủ hai thuyết là nói : Như ta nay đây, khâm khen Đức Phật A-Di-Đà, cùng với các Đức Phật đều có công-đức Bất-khả tư-nghì ; Thế thời văn kinh đã thuận, mà với nghĩa đồng một Pháp-thân, cũng ở trong đó, văn nghĩa đều tốt. Nên biết. Ngài La-thập vốn có ý đây, nhưng vì Ngài muốn bớt văn cho dễ

Ngài Huyền-Tráng dịch sau chỉ vì riêng nói, ấy là muốn cho người đối trong hai kinh khéo hiểu nói ý kia mà không chấp nơi văn tự vậy. Lại các Đức Phật với Phật Di-Đà đồng nhau, cũng là Bất-khả-tư-nghì.

CHƯ PHẬT TÁN KỶ (phân ra làm 2 phần)

1. **ĐẮC ĐẠO NAN** (chứng đạo là khó)

2. **THUYẾT PHÁP NAN** (nói pháp là khó)

ĐẮC ĐẠO NAN

Hết thấy các Đức Phật kia, cũng khâm khen công-đức của Ta, bất-khả-tư-nghì, mà nói lời như vậy : Thích-Ca-Mưu-Ni Phật hay làm những việc ít có rất khó, lại hay ở trong cõi nước Ta-Bà, nhằm đời dữ năm trước : Kiếp-trước, kiến-trước, phiền-não-trước, chúng-sanh-trước, và mạng-trước mà được chứng quả A-nậu đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề.

SỞ : Mỗi vị Phật khâm khen lẫn nhau, là vì đề tiên-biêu pháp-môn Tịnh-Độ này, quyết phải tín thọ.

SAO : Mỗi vị Phật lẫn nhau khen là : Vì với pháp-môn niệm Phật cầu sanh Tịnh-Độ đây, dầu một vị Phật riêng khen, cũng phải tín thọ không nghi, huống nay chẳng những một Đức Thích-Ca khen nơi hội Kỳ-Viên mà thôi, cho đến chư Phật ở 6 phương cũng vẫn đồng khen-ngợi. Lại Phật đây Phật kia lẫn nhau tán-thán, há chẳng phải pháp-môn tối-yếu siêu-sanh thoát-tử hay sao ? Thế nên nhắc đi nhắc lại bốn phen dặn dò, nhiều phương dạy bảo, ơn hơn mẹ đẻ, hơn quá trời cao, dầu cho có làm hạnh chi đến tan xương nát thịt đi nữa, cũng khó mà đền đáp cho vừa.

SỞ : Các Đức Phật kia tức là Phật Di-Đà cùng 6 phương chư Phật vậy. Thích-Ca, dịch : Năng-Nhơn ; Mưu-Ni, dịch : Tịch-Mặc.

SAO : Năng-Nhơn-Tịch-Mặc, đủ có hai nghĩa : 1.- Theo đối đãi mà nói thời chữ Năng là pháp phương-tiện quyền khéo

chịu theo cơ ưa hợp. Chữ Nhơn là trí, đức hồng ân khắp muôn loài ; là lòng đại-bi lợi vật. Chữ Tịch là lặng vậy bất-động, bất dứt muôn điều. Chữ Mặc là vắng vậy, quên lời, hằng lia sự hỷ-luận, ấy là cái đại-trí hiệp với chơn lý. 2.- Với Viên-dung mà nói : Do vì bi tức là trí, nên trọn ngày độ sanh mà không có tướng chúng-sanh nào khá độ, đấy là tức Động mà Tĩnh vậy.

Do vì Trí tức là Bi, nên chẳng khởi lên một mảy niệm mà thường độ chúng-sanh, đấy tức là Tĩnh mà Động vậy. Cho nên biết rằng chỉ nói hai chữ Bi, Trí nhấn đến một lời, thì toàn đức của Phật đều gồm được hết.

SỞ : Câu : Ít có rất khó : là lời nói chung cả hai việc khó ở dưới. Làm đủ hai việc khó đây, nên gọi công-đức Bất-tư-nghì.

SAO : Nói hai việc khó là : Ở trong đời ngũ-trược, mà tu chứng đặng quả Bồ-Đề, đó là một việc khó. Lại ở trong đời ngũ-trược mà nói ra pháp-môn Tịnh-Độ này, đó là việc khó thứ hai. Gồm cả hai việc đây thật là cái việc rất khó làm, mà duy có Phật làm được ; với việc ít có, khó thấy ấy, cũng chỉ một mình Phật có đó.

Lại việc khó làm mà làm được, cũng chưa phải là điều ít có. Nay việc rất khó làm mà được đó, đấy mới là tốt xưa suốt nay, siêu Hiền vượt Thánh, trên trời dưới trời đồ-sộ đặc-biệt riêng một mình, mà không ai so-sánh cho bằng bậc ấy nên nói là ít có.

SỞ : Chữ Ta-bà dịch là Kham-nhẫn, cũng dịch là : Nhẫn-giới. Tức là : cõi Đại-thiên Thế-giới của đức Phật Thích-Ca Thế-Tôn làm Pháp-chủ. Chữ Ngũ - trược là gì ? Do năm việc uế-trược nó đánh lẫn lộn nhau làm như đục chơn tánh của chúng-sanh, nên gọi là đời ác-trược. Thời kỳ nào không năm món trược đây thì gọi là đời Thiện-tịnh vậy.

SAO : Kham-nhẫn là do vì chúng-sanh ở đây, kham xiết đành chịu ba điều độc-hại phiền-não, xoay vần trong đường

sanh-tử, mà không nhàm lia. Nhẫn-giới là : Vì đức Như-Lai ở trong cõi này, riêng một mình Ngài chứng đặng bậc Tự-Thệ tam-muội (19).

Lại thời kỳ sơ kiếp có vị Phạm-Vương tên là Nhẫn (20) Ngũ-trực quấy lộn lẫn nhau là, Bản-tánh vốn vắng-lặng, do kiếp-trực v.v.

Cả năm trực xáo lẫn nổi lên cát bụi-bặm, cặn cẩu. Như kinh Lăng-Nghiêm nói : Vì như nước đang trong, lấy đất cát quăng vô, đất rả làm cho nước mất tánh trong sạch, vì lộn-lạo đục ngàu.

Chữ Thế là Nghĩa đời đời không ngừng. Thời đời trước đời này, và sau đời này, phải có một đời gọi là Thiện-Thế, vì bây giờ không ngũ-trực. Nay nói đời ác-thế (21) là : Căn-cứ vào thời kỳ Phật Thích-Ca đương hiện thế mà nói.

SỐ : Chữ kiếp đọc đủ tiếng Phạm là Kiếp-Ba, dịch là Thời-Phận. Chữ Kiếp-trực là nó không có cái thề riêng. Do có 4 trực, kia mà đặt cái tên cho nó (là kiếp trực) ; các điều trực cấu cặn lẫn với nhau tức là tướng hiện thật của nó (kiếp-trực).

SAO : Kiếp-trực là : trong một đại kiếp, có bốn trung kiếp là : Thành, trụ, hoại, và không ; mỗi một Trung-kiếp đều có 20 tiểu-kiếp, xây vòng tăng, giảm.

Thuở mà loài người tuổi sống tăng đến khi mỗi người sống được 8 muôn (80.000) tuổi là số tăng đã tột. Lại một trăm năm giảm xuống một tuổi, cứ giảm như vậy cho đến khi con người còn sống được 2 muôn (20.000) tuổi, tức là vào thời kỳ kiếp-trực rồi.

Không có cái thề riêng là : Do bốn trực sau đều ở trong kiếp trực đây, nhưn đó mà đặt tên là « Kiếp-trực », phần của kiếp đây, nội-dung hiện-tượng của nó là các trực đua nhóm lẫn nhau, tối bối xen lộn, cho nên nói là trực.

Trái lại đề thêm rõ trong nước Cực-Lạc, đương thời là Phật A-Di-Đà hiện tại thuyết-pháp; là vì thời-gian thanh-tĩnh không phải kiếp-trước... Ngày nay chúng ta vì sao đành ở trong đời kiếp-trước này, mà chẳng cầu sanh về nước kia ư? Bốn trước sau cũng nương theo đây.

Nên Ngài Trí-Giả nói: Cõi Tịnh-Độ kia, vì không có ba độc và năm trước, nên gọi là cõi ngũ-thanh, là ý đây vậy.

SỞ : Kiến-trước là lấy năm món Lợi-sử làm thề, chia ra thì thành 62 cái v.v... Các tà-kiến lừng-lấy, tức là tướng của nó (kiến-trước).

SAO : Năm món Lợi-sử là : 1.- Thân-kiến: Nghĩa là chấp ngã, và ngã sở, mà khởi ra tà-kiến chấp có thân ta. 2.- Biên-kiến: Nghĩa là chấp đoạn, chấp thường mất lý trung-đạo mà khởi ra tà kiến, chấp một bên. 3.- Giới-thủ: Nghĩa là chẳng phải chánh-nhơn mà chấp cho là nhơn, đề tu theo lối khổ hạnh của Tà-đạo, mà khởi ra Tà-kiến, chấp trước rằng ta hãy giữ giới (giới của tà-đạo). 4.- Kiến-thủ: Nghĩa là chấp quấy làm phải, như: Chuyện gánh gai bỏ vàng, mà khởi ra tà-kiến, tự-phụ chỗ sở-kiến của mình. 5.- Tà-kiến: Nghĩa là bác đi nói không có nhơn-quả, mắc về cái tội chấp không, trống rỗng (ngoan-không) gây ra cái thấy biết không chánh-đáng của bọn tà-ngoại.

Năm điều ấy, nó hay khiến chúng-sanh đi vào con đường sanh-tử cho nên gọi là « Sử ». Nhưng mà cái thề nó mấy mún nhậm lẹ làm hại chẳng phải nhỏ. Vì đối với năm Độn-sử đề nói, nên kêu là Lợi-sử, nghĩa là nó sai khiến rất nhanh chóng.

Chia ra thời thành 62 Sử là: Dùng hai cái chấp đoạn, và chấp thường làm gốc, mà sắc-ấm v.v... Năm ấm, mỗi ấm có đủ bốn câu, nhơn cho ba đời thành 60, thêm hai gốc Đoạn và Thường kia cộng thành 62 sử (sai khiến).

Các cái Tà-kiến đấy, cũng như rừng-rậm quấn-buộc quanh-co, người đời không thề ra khỏi, khuấy rối chơn-tánh; cho nên nói là trước.

Trái lại với trên là dễ rõ trong nước Cực-Lạc, mỗi người đều đủ sức chánh-kiến vì chẳng mắc cái kiến trực như chúng-sanh ở cõi này.

SỞ : Phiên-não-trực là : Lấy năm món Độn-sử làm thề, nơn rộng ra thì nhiều đến thành 10 món, 108 món, tám vạn bốn ngàn (84.000) món, và hằng-sa đằng món, v.v... dễ với mắc lấy tam-tai, tức là cái hiện-tượng của phiên-não-trực.

SAO : Năm món Độn-sử là : 1.- Tham : Nghĩa là gặp các cảnh thuận tình thì khởi ra tâm yêu đắm, vì không thể bỏ lia. 2.- Sân : Nghĩa là gặp những cảnh trái tình thì khởi tâm hờn giận, vì không thể dung nhẫn. 3.- Si : Nghĩa là đối với cảnh không phải trái, chẳng phải thuận thì khởi ra tâm ngu ám, vì không thể xét biết. 4.- Mạn : Nghĩa là : Đối với tất cả chúng-sanh, khởi tâm kiêu-ngạo trên lẫn dưới lướt, vì không hay kính nhường. 5.- Nghi : Nghĩa là đối với các pháp lành khởi ra tâm nghi nan, khi muốn tấn, lúc muốn thoái, vì chẳng hay tự quyết-định được.

Năm cái đây, cũng hay khiến người thẳng vào trong đường sanh-tử, cho nên gọi là « Sử » sánh với năm sử trước thì nặng nề chậm-chạp hơn, nên gọi nó là Độn-sử, nghĩa là cũng sai khiến mà chậm lụt lắm !

Nơn rộng ra, là đem năm Độn-sử hiệp cộng với năm Lợi-sử trước, làm thành 10 món phiên-não. Lại chia ra thời làm thành 98 món phiên-não, thêm món Thập-triền thời thành 108 món phiên-não. Lại chín chắn suy ra nữa, thời tới tám vạn bốn nghìn (84.000) phiên-não, nhần đến hằng-sa và đa-đa vô-lượng. Bởi nó làm nhọc nhần tâm ta, không dặng an-ôn, nóng-nảy tâm ta không dặng mát-mẻ !

Lại các món rộn-ràng, nó ép-ngặt tâm thần, làm cho tánh chơn minh chẳng xán lạn ; cho nên gọi nó là phiên-não.

Vời mắc Tam-tai là : Do lòng tham nên cảm chịu lấy tai cơ-cần, lòng sân cảm chịu lấy tai đao binh ; lòng si cảm

thụ ra tai tật-dịch ; nhần đến tai nước, tai lửa, tai gió các tai nan lớn, cũng đều do theo một loại, của phiền-não nó sai khiến, cho nên nói nó là trước vậy.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc, mỗi người đều trí - huệ trong sạch, vì chẳng phải phiền - não - trước như cõi này.

SỞ : Chúng-sanh trước là : Một chỗ nói : Lấy ba nghĩa của kinh A-Hàm đề làm thề. Lại chỗ thì nói trộn lẫn với năm-ấm : Ấm, kiến-thức, Mạn-khinh ; Quả báo đề làm thề, tên xấu tiếng như tức là tướng của nó vậy.

SAO : Ba nghĩa là Kinh A-Hàm nói : 1.- Ban đầu kiếp trụ do chúng-sanh cõi trời Quan-Âm bị đọa xuống ở mặt đất này. 2. Hòa-hợp với 5 ấm đề lẫn sanh ra. 3.- Tùy theo mỗi chỗ (6 đường) đề thụ - sanh theo mỗi trường - hợp ; cho nên nói Chúng-sanh-trước.

Năm ấm tức là sắc-ấm, thọ-ấm v.v... Chữ kiến là không thật có chủ-tể, mà chấp bướng rằng thân này thật có chủ-tể, thế là ngã-kiến, (chấp ta, tự-ái, bản-ngã : tự nhận thấy có làm chủ thân này, vật nọ).

Chữ Mạn là chấp cu-sanh chủ-tể (cu-sanh là cái chấp đời trước, còn thừa lại đều theo sanh ra với thân đời này) gọi là ngã-mạn (trọng mình khinh người).

Quả-báo là đời trước đã tạo nhơn, đời này phải chịu quả báo cũng là nghĩa thọ sanh như trên.

Tên xấu, tiếng như là : Đối với Phật, thì Chúng-sanh là cái tên tuổi tiếng tăm rất hèn-xạ xấu-xa, bởi luân-hồi trong sáu đường chịu đủ các việc thống-khổ cho nên nói là Trước.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc, người người toàn là bậc Thượng - thiện đồng hội - hợp một xứ, vì chẳng phải như chúng-sanh mang những danh xưng ác-trước như cõi này !

SỞ : Mạn-trước là : Lấy sắc và tâm chuyên luôn nói giữ làm thề, thâm thức năm, tuổi, giảm ngắn số thọ tức là tướng của nó vậy.

SAO : Chuyền luôn nối giữ là : Y theo nghiệp-lực nó dẫn dắt hột giống thức thứ tám ; ngoài sắc-thân, trong thời tâm-thức, liền thuộc lẫn nhau. Tức là do « hơi-thở », « chất-ấm », và « thần-thức » ba cái nó cùng giữ-gìn nhau, như hồ keo không cho tan-rã (sống trong một thời kỳ) đó gọi là Mạng-căn. Nếu rui-ro một cái không luôn giữ cho nhau, tức thì cái Mạng-căn liền đoạn, như chất keo hết dính (chết), nên lấy ba cái đây làm thể của Mạng-căn.

Thâu năm, giảm thọ là : Đương trong kiếp giảm đây, mạng căn con người sống không đến trăm năm, mà lại dường như bọt bóng như đèn giữa gió, trong giây-phút, chẳng dừng rất là ngắn-ngủi, cho nên nói là trước vậy.

Trái lại với trên là đề rõ trong nước Cực-Lạc. Nhơn-dân thọ mạng đồng với Phật vô-lượng. Vì chẳng phải mạng-căn ô-trước như cõi này.

SỞ : Với ngũ-trước mà giải nói như thế là căn cứ theo phần quả ; còn như Kinh Lăng-Nghiêm nói : Hoặc phối với tam-tế, lục-thô ; hoặc phối với ngũ ấm thì nghĩa nó cũng chẳng khác.

SAO : Phối với tam-tế lục-thô v.v... là : Lấy cái kiếp trước phối với nghiệp tương. Nghĩa là : Cái vô-minh khi ban đầu khởi ra, vì, tánh nó liền như trước vậy ; Kế lấy kiến-trước phối với chuyển-tương, và hiện-tương.

Kế lấy phiền-não trước phối với : Tri-tướng, tương-tục tướng, Chấp-thụ tướng ; kế Danh-tự tướng ; kế lấy chúng-sanh trước phối với Tạo-nghiệp tương ; kế lấy Mạng-trước phối với nghiệp hệ khổ tướng.

Phối với ngũ-ấm là : Lấy kiếp-trước phối với sắc-ấm, nghĩa là với điều không, điều thấy chẳng rành, cái thấy bậy vốn không, cả hai đều không thật-thể ; vì tánh nó vẫn trước vậy. Kế lấy Kiến-trước phối với Thụ-ấm ; kế lấy phiền-não trước, phối với Tướng-ấm ; kế lấy chúng-sanh trước phối với hành-ấm ; kế lấy mạng-trước phối với thức-ấm.

Nói không khác là : Một thuyết trước nói : Tâm không có cái tướng ban đầu, là vô minh thì vượt khỏi kiếp-trước, nhân đến không có cái tướng nghiệp hệ-khở, thì vượt khỏi mạng-trước, thế là đoạn được cái vô minh v.v... Nên gọi Phật Ngài ở cõi đời ngũ-trước mà chứng quả Bồ-Đề.

Một thuyết sau nói : Phá được sắc-ấm thì vượt khỏi kiếp-trước, nhân đến phá được thức ấm v.v... Nên gọi là Phật Ngài ở trong cõi đời ngũ-trước mà chứng đẳng quả Bồ-Đề. Vì hai thuyết nói có chút khác, nhưng nghĩa rất đồng nhau.

SỞ : Trong Quán-kinh nói : Tạo cái nhơn trước ác, bất thiện, nên bị cái quả năm món khổ ép ngặt. Nay ở đây không nói năm món khổ là văn bớt.

SAO : Năm món khổ là : Lời sở nói : Sự khổ giữa ngũ-đạo (năm loài) là hoặc cái khổ ngũ-thống, cái khổ ngũ-thiếu, cái khổ ngũ-ác, (23) v.v... Rõ đủ như trong kinh Đại-hồn, đây chẳng chép nhiều. Do trước ấy có khổ, nói trước thì gồm khổ, nên nói bớt văn.

SỞ : Ở trong cõi đời ngũ-trước đây, những người có thể tự-lập (làm nên mình) cũng đã ít lắm rồi ; huống đáng thành bậc chánh-giác, đâu chẳng khó ư ? — Thế là việc khó lần thứ nhất, thế là rõ công-đức tự-lợi thiết không thể nghĩ-bàn.

SAO : Tự-tập là : Cái thời kỳ đủ năm điều ác-trước, mà loài người sanh ra nhằm trong đời ấy với hoàn-cảnh ngoài, thời bị thời thế ép ngặt, với trong thân-tâm thì bị mê hoặc nghiệp chướng nó buộc ràng, hướng hồ cái thân-thể thuộc giữa bốn loài, mạng còn trong hơi thở, bởi thế nên muốn sạch mà nó cứ như, cầu lên mà lại rớt trở xuống. Thế mà có năng lực ở trong cõi này, khéo phân biệt điều thiện ác là tri-giới tu phước để lập được cái địa-vị chốn nhơn thiên. Kể mà được như thế cũng rất ít có lắm rồi ! Huống nữa hay ở trong cõi ngũ-trước này có một số người rất sợ cơn vô thường, biết tu pháp Tứ-Đế, pháp Thập-Nhị nhơn duyên để tự lập cái địa-vị các Thánh Thanh-Văn, Duyên-Giác, lại càng ít có hơn nữa. Phương chi cũng ở giữa cõi này mà đoạn hẳn màn Vô-Minh,

vượt cao ngoài ba cõi, để chứngặng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Bồ-Đề, thiết là chẳng khác nào đồng ở trong đám nhà cháy, mà riêng một mình được ngồi trên chiếc xe báu đi ra. Đồng chìm đắm trong sông mê mà riêng lên bờ giác. Thế đâu chẳng phải là kẻ nhận được những cái mà đại đa số người không thể nhận; làm được những cái mà đại đa số không thể làm ! Vậy mới gọi là khó, thế mới là công-đức tự lợi không thể nghĩ bàn.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh Thi-Giác hiệp với Bồn-Giác, là nghĩa ta khen chư Phật. — Bồn-Giác ngầm hợp với Thi-Giác là nghĩa chư Phật khen ta Tự-tánh tịch mà thương chiếu; chiếu mà thương tịch là nghĩa Thích-Ca Mưu-Ni. Tự-tánh không nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà không nhiễm, là nghĩa ở trong cõi ngũ-trược mà chứng quả Bồ-Đề.

SAO : Nhơn trùn biển quả, quả suốt nguồn nhơn, thời Thi Bồn chẳng hai; dụng chẳng lìa thề, thề chẳng lìa dụng, thời tịch và chiếu đồng thời không nhiễm mà nhiễm, khó đặng tỏ biết, là quả Bồ-đề chìm ngập trong cõi ngũ-trược. Nhiễm mà không nhiễm, khó đặng tỏ biết, là đồng ở trong cõi ngũ-trược mà riêng chứng quả Bồ-Đề.

Nên biết rằng Phật đây, Phật kia, cũng đồng qui về một cái tự-tâm tịch vẫn chiếu; phiền-não hay Bồ-Đề cũng chẳng ra ngoài một niệm Ngộ với Mê thế thì Bồn-Sur tức là ta, ta tức là Bồ-Đề và chứng đặng Bồ-Đề thiết không chỗ đặng.

THUYẾT PHÁP NAN

Vì các chúng-sanh mà ta nói ra pháp này, tất cả Thế-gian lấy làm khó tin.

SỞ : Văn trước là nói : Việc khó giữa loài người ; văn đây là nói việc khó nhất trong các việc khó vậy.

Bởi vì với pháp môn Tịnh-Độ, tất cả thế-gian đều khó tin. Phật ở giữa đời ác-trược mà chứng đặng đạo-quả, lại ngay trong đời ác-trược nói trắng ra pháp này

đề độ chúng-sanh, lại là việc khó rất tốt bậc trong các việc khó vậy. Thế là việc gặp hai lần khó đề rõ ràng công-đức lợi-tha của Ngài thật không thể nghĩ bàn.

SAO : Nói điều khó tin lược kể có mười nghĩa. Nay ở trong cõi uế ác đây, chúng-sanh an tâm chịu đã lâu đời rồi ; bỗng nghe nước kia trang-nghiêm thanh-tĩnh, tất là nghi không có sự thật đó, ấy là một điều khó tin vậy.

Dầu tin có nước kia, nhưng lại nghi rằng 10 phương cõi Phật đều có thể tùy ý muốn sanh về cõi nào cũng được, hà tất quyết-định sanh về Cực-Lạc ? Là hai điều khó tin vậy.

Dầu tin sẽ được sanh về, nhưng lại nghi rằng cõi Ta-Bà đây cách xa nước Cực-Lạc, đến 10 muôn ức cõi, thế làm sao rất xa mà đặng sanh về nước phước-đức kia, là ba điều khó tin vậy.

Dầu tin là không xa, nhưng lại nghi rằng tất-cả phạm-phu tội-chướng sáu nặng, làm sao mau đặng sanh về nước kia ? Là bốn điều khó tin vậy.

Dầu tin đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng sanh về cõi Tịnh-Độ đó quyết phải có tu pháp môn kỳ diệu gì, và nhiều món công-hạnh mới được ; làm sao chỉ tu trì danh hiệu Phật mà liền đặng sanh về ? Là năm điều khó tin vậy.

Dầu tin tu pháp trì-danh, nhưng lại nghi rằng tu trì-danh hiệu này, ắt phải cho nhiều năm nhiều kiếp mới đặng thành-tựu, làm gì chỉ niệm một ngày hoặc bảy ngày mà liền đặng sanh về nước kia ? Là sáu điều khó tin vậy.

Dầu tin bảy ngày đặng sanh về, nhưng lại nghi rằng trong bảy thứ thọ sanh, chẳng lia : Noãn, thai, thấp, hóa, làm sao sanh về, vì nước kia, đều là chỉ sanh bằng Hoa-sen hóa sanh ? Là bảy điều khó tin vậy.

Dầu tin gá nơi hoa sen đề hóa sanh, nhưng lại nghi rằng kẻ sơ tâm vào đạo gặp nhiều chướng-duyên phải thối lui, làm sao một phen sanh về nước kia, liền đặng bậc Bất-thối ? Là tám điều khó tin vậy.

Dầu tin không thối, nhưng lại nghi rằng : Pháp-môn đây là đề dẫn dắt những chúng-sanh tối đốt, chớ bậc thượng trí sáng-suốt, không cần sanh về nước kia ? Là chín điều khó tin vậy.

Dầu tin người sáng-suốt cũng sanh về, nhưng lại nghi rằng : Trong kinh khác hoặc nói có Phật ; hoặc nói không Phật, hoặc có cõi Tịnh-Độ, hoặc không cõi Tịnh-Độ, rồi trong tám hồ nghi chẳng quyết ; là mười điều khó tin vậy.

Cho nên nói pháp khó tin mà nói rằng : Tất cả thế-gian đó, là chẳng những chúng-sanh trong ba đường ác nó khó tin, mà là chúng-sanh cõi Nhơn-Thiên hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ ngu mê khó tin, mà bậc hiền trí hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ sơ-cơ khó tin, mà đến những bậc tu lâu hoặc còn nghi đó, chẳng những kẻ phàm-phu khó tin, mà đến hàng Nhị-Thừa hoặc còn nghi đó ; cho nên nói là cái pháp mà tất-cả thế-gian khó tin là vậy.

Nay ở trong đời ác-trược này, diễn nói ra pháp đây thiết là chẳng khác nào như vào trong nước lửa hình, mà trau bày việc oai nghi ; đối với người mù quáng mà chỉ cho màu mè đen, trắng, thế mới gọi là khó, thế mới gọi là công-đức lợi-tha không thể nghĩ bàn vậy.

SỞ : Lại kinh Pháp-Hoa, kinh Kim-Cang đều nói nghĩa khó tin đó cũng đồng với ý đây.

SAO : Kinh Pháp-hoa nói : Muốn cho chúng-sanh đều đặn nghe biết cái pháp mà tất-cả thế-gian khó tin.

Lại nói : Kinh này khó nghe, mà tin thọ cũng khó.

Kinh Kim-Cang Bát-Nhã nói : Nghe nói Kinh này tâm bèn cuồng loạn, hồ nghi không tin. Nay nói kẻ nghe rồi không kinh, không hãi, không sợ là ít có.

Không kinh sợ v.v... tức là tin đặn. Nay kinh này (Di-Đà) nói cái điều khó tin của kinh thời đồng với hai kinh (Kim-Cang, Pháp-Hoa) đâu nên kinh vậy. (Kinh này cũng như kinh Kim-Cang, kinh Pháp-Hoa là pháp tối thượng thừa chỉ

ngay tự tánh thành Phật. Chúng-sanh cõi này mê nhiều ngộ ít, khó nhận, nên gọi « nan tín ».

SỞ : Hỏi : Đã nói rằng khó, thời nói ra thêm rầy-rà, vậy nói làm chi ? Đáp : — Nhưng vì Phật nói cũng có người tin.

SAO : Nhơn Phật nói có người tin là cái pháp nhiệm-mầu đây, nếu đức Như-Lai chẳng từng nói ra, thời muôn đời hằng đồng như đêm tối, trọn không có một người niệm Phật cầu sanh. Cho nên Ngài than là pháp nan tín ! Đó là để cho hiểu rằng : Nếu như người thấy mà không tin là tại người tự bỏ, còn người nào có thể tin là người có duyên. Khiến cho tất cả chúng-sanh tự biết thương tủi e mất phần, mà hân hạnh được nghe. Cho nên nay những người tin Tịnh-Độ, đều là nhơn nhờ Phật nói mà phát khởi lòng tin vậy.

Mặc dầu nay không tin, nhưng một phen nghe lọt vào tai, hằng làm hột giống đạo muôn đời.

SỞ : Xưng-lý, thời với tự-tánh không thể đo lường, là nghĩa pháp khó tin.

SAO : Phải biết với Tự-tánh đây không thể lấy cái hữu tâm mà tìm, không thể lấy cái vô tâm màặng ; không thể lấy lời đề tạo ; và không thể lấy cái vắng-lặng mà thông, lia bốn câu dứt trăm lỗi trông hoa giữa hư-không, đập mặt trắng trong lẫn sóng ; không chỗ để cho nhà người đặt tay chùn ; cho nên trên hội Linh-Sơn bậc Thượng-Đức trọn thành cái hại-bại Bắc. Đất Hòn-Địa, kinh Kim-Cang, mới có cái tướng diệt Nam (24) hay tin pháp này, há chẳng khó ư ?

TỔNG KẾT NAN SỰ

Này Xá-Lợi-Phất ! Phải biết ta ở cõi đời ngũ-trược ác-thế, làm những việc khó đây, mới đặng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại vì tất cả thế-gian, nói pháp khó tin đây, thiệt là rất khó !...

SỞ : Nhắc lời của chư Phật lặp lại tỏ bày ra để cho chúng sanh nhìn thấy rõ hai việc khó đây đáng hiểu rằng : Phật xưa chẳng lường làm lời khen, Phật nay chẳng lăm chừa tiếng ngợi tốt, thật nói thật làm, cả hai đều phù-hợp với nhau, muốn đời chúng-sanh phải tin chắc mà chớ nghi, cảm ơn mãi không thôi. Ấy vậy khá gọi rằng cần kẻ dặn-dò, ba tâm rất thiết.

SAO : Đắc-Đạo là khó, cái khó kia có hai nghĩa.

Một là, Tu ở trong đời Thiện-Thế đắc-đạo, chưa đủ là khó vì hoàn-cảnh thuận tiện. Nay Phật tu ở trong đời ác thế đắc-đạo, mới thiết là khó, (vì cảnh trái ngược).

Hai là, ở trong đời ác-thế gắng tu đắc-đạo, mà đắc quả tiêu-thừa, cũng chưa lấy làm khó, bởi việc nhỏ dễ làm. Nay đắc đạo-quả vô-thượng Bồ-đề, thế mới thiết là khó (bởi là bực lớn khó thành mà thành được).

Thuyết-pháp là khó, cái khó này cũng có hai nghĩa :

Một là, ở trong khoản đời Thiện-thế thuyết-pháp, chưa đủ là khó ; vì người lành dễ dạy. Nay ở trong khoản đời ác-thế thuyết-pháp mới thiết là khó (vì phần ác nhờn rất khó cảm hóa).

Hai là, ở trong đời ác-thế thuyết-pháp, mà thuyết những pháp dễ tin ấy, cũng chưa lấy làm khó, vì chúng dễ hiểu ? Nay thuyết-pháp khó tin thế thiết là khó vậy (vì mặc dầu có Phật-quốc nhưng ở rất xa, bởi chưa từng nghe thấy).

Lược làm bốn lời dụ : Lời dụ thứ nhất :

Ví như có người thân đi vào trong biển lớn, lại ngồi trong chiếc thuyền bè, lại nhắm gió ngược, lại dùng sóng to, lại gặp quỷ dữ (La-sát), cá lớn, rồng độc, sự nguy còn chỉ trong giây phút, mà có thể ở trong đó an-đôn đáng qua thiết là khó, nhưng chẳng những qua một mình mình, mà lại còn đem nhiều người đều qua, đề trên bờ kia ; thế mới thiết là cái khó trong các cái khó,

Biển lớn, thuyền bễ, gió ngược, sóng to, và quỉ dữ, các điều ấy là dụ ở trong đời ngũ trược. Một mình qua khỏi, là dụ Đắc-đạo, cứu các người đều qua là dụ thuyết-pháp vậy.

Lời dụ thứ hai :

Ví như có người thân mang bệnh nặng, lại ở chỗ sương gió, lại thiếu đồ ăn uống, lại bị trặc chôn gậy giò, lại gặp thầy dở, cho uống lầm thuốc, sự nguy hiểm chỉ còn trong giây phút mà hay ở trong đó điều trị mạnh lành, thiết gọi là khó ; nhưng chẳng những mạnh khỏe một mình mà lại còn cứu luôn bệnh các người khác, đều được bình phục, thế mới thiết là cái khó trong các cái khó !

Lời dụ thứ ba :

Ví như có người thân ở trong tù-giam lại bị tra-tấn, lại gông-cùm, lại nhiễm bệnh dịch, lại bị cấm-cố, sắp đến kỳ giết, sự nguy chỉ còn trong giây-phút, mà hay ở trong đó, bỗng nhiên thoát khỏi, thiết gọi là khó ; nhưng chẳng những khỏi một mình, mà lại cứu luôn các người tội, đềuặng lìa khỏi, thế mới thiết là cái khó ở trong các cái khó !

Lời dụ thứ tư :

Ví như có người thân té xuống giếng, lại gặp rắn độc, lại bị chông gai, lại dầm nước lạnh, lại trúng kẻ ác-nhơn, quăng liệng đất đá, sự nguy còn trong giây phút, mà hay ở trong đó, vượt nhảy lên khỏi, thiết gọi là khó, nhưng chẳng những ra một mình mình, mà lại đem luôn các người đồng té, đều lên một lượt, thế mới thiết là khó trong các cái khó.

Các lời đây đều dụ trong đời ngũ trược, nghĩa đã nói đồng văn trên ; Trong bốn lời dụ đây lượt dụ Đức Thích-Ca với hai việc khó. Nói cạn dễ hiểu. Cho biết rằng : Đức Như-Lai chẳng sợ nhọc nhằn ; từng trải cực khổ, là vì bọn chúng ta, làm việc khó trong các việc khó làm, đến đổi như thế này ! Người nghe cái khó đây đều phải mừng thương khắp khỏi, cảm tốt kêu la, tiếng vang cả ba nghìn đại-thiên thế-giới, rồi chăm-hằm sẵn sàng, lo làm sao để trả ơn Phật.

Song muốn trả ơn cho Phật, chẳng ngoài hai việc : 1.- Lợi mình. 2.-Lợi người khác,

Lợi mình là : Ở trong đời ác thế này, gắng-sức tu pháp môn này, như được vãng-sanh, cũng đã gọi rằng khó.

Lợi cho người khác là : Ở trong đời ác-thế này, lại khuyên mọi người chung tu pháp-môn này, đồng được vãng-sanh, thế mới thiệt là khó trong các cái khó.

SỞ : Lại trong kinh Pháp-Hoa rất khen các kinh, cũng đồng ý đây.

SAO : Kinh Pháp-Hoa rất khen là : Nói hết các kinh... tay quăng hòn núi Tu-di, chưa đá sập cõi Đại-thiên đều chưa phải là khó, hay ở trong đời ác-thế này, nói kinh Pháp-Hoa thế mới thiệt là khó, nay nói kinh này (Di-Đà) sự khó nói lại cũng như vậy.

SỞ : Lại có hai nghĩa : Văn trước nói rất khó ấy đề rõ lại rằng : Bên nước Cực-Lạc tu đặc đạo rất dễ. Văn sau nói rất khó đó là đề cho chúng ta nghe được rõ lại rằng bên nước Cực-Lạc thuyết-pháp rất dễ.

SAO : Với điều đặc-đạo rất dễ là : Trong luận Bà-Sa nói : Niệm Phật được vãng-sanh, nhờ nguyện lực của Phật là các đạo rất dễ làm. Còn ở trong đời ngũ-trược ác-thế này, tu các pháp khó tấn vì là cái đạo rất khó làm cơ vậy.

Thuyết-pháp rất dễ là :

Trong nước kia chúng như toàn là người bậc Thượng-Thiện, huệ nhiều chương ít, chỉ ý hòa-dịu, tiếng gió, cây, chim đều giúp cho mình tỏ-ngộ. Vì chẳng phải như cõi này chúng cương-cường khó dạy ? Nói điều khó là đề rõ dễ, chính là đề chỉ rõ rằng với nước Cực-Lạc chúng ta quyết định phải cầu về đó.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó vừa lẫn với tâm vừa lẫn với cảnh, là nghĩa làm được hai việc khó đây.

SAO : Tâm niệm dù theo cảnh đề sanh nhưng tâm-thể nguyên thường vắng-lặng, thời tâm tánh nó là « vô-sở-đắc » thể đắc cái « vô-sở-đắc » đó gọi là đắc vô-thượng Bồ-Đề. Cảnh tùy tâm hiện. Tự-thể của cảnh vốn không, thời với cái mà

không pháp nào khá thuyết đó mới gọi là thuyết đó. Vì ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không có tâm. Thế mới gọi là Tự-giác, Giác-tha, Giác-hạnh viên-mãn.

LƯU THÔNG PHẦN (phân ra làm hai phần)

- 1.- TRÙNG CỬ THỈNH CHÚNG (Lặp lại chúng nghe)
- 2.- MINH TẮT PHỤNG HÀNH (Rõ rồi vưng tu)

TRÙNG CỬ THỈNH CHÚNG

Phật thuyết kinh này rồi, ông Xá-Lợi-Phất, và các bậc thầy theo tất cả thế-gian, các vị chư Thiên và chúng nham, Thần A-tu-la v.v... đồng nghe thọ lãnh.

SỚ : Pháp ắt phải lưu-thông, vì Phật thuyết-pháp để phổ-độ chúng-sanh. Lại kể bày chúng thỉnh-giả là : Đầu kinh nói số chúng nghe pháp, cuối kinh lại nói chúng thọ pháp.

Riêng nói một mình ông Thân-tử là : Vì ông đương cơ kinh này. Đây không nói Bồ-tát là : Vì gồm thân trong hàng Tỳ-kheo A-tu-la dịch : Phi thiên. Chử Đẳng : Gồm luôn cả Bát-bộ và chúng-sanh trong sáu đường.

SAO : Lưu-thông là : Kinh Quang-Minh lời số nói ; chữ Lưu cũng như nước chảy xuống, chữ Thông là nghĩa không ngăn trệ.

Lại Ngài Khuê-Phong nói : Pháp nếu không có người di tuyên truyền thì chẳng lưu-động. Lưu là không dừng, truyền mà gặp sự ngăn-ngại thì chẳng thông. Thông là không phải ngăn ; nghĩa là suốt thể lan rộng phổ-cập vậy.

Phổ-độ là gì ? Lưu-thông khắp cả 10 phương, nhần đến ba đời chẳng những chỉ vì chúng-sanh trong một xứ một thời mà thôi.

Đương cơ là chi ? Do pháp khó tin đây, duy người trí mới tin nổi không nghi, cho nên từ đầu chí cuối, đều gọi bảo nói ông Xá-Lợi-Phất vậy.

Nhiếp thuộc trong hàng Tỳ-kheo là : Các Bồ-Tát mặc dầu không thường theo Đức Như-Lai. Song vì cùng với các hàng Tỳ-kheo đồng làm bạn lữ giữa hiền thánh.

Lại các vị Bồ-Tát đều có lẫn giữa Chơn-đế và Tục-đế. Vì tùy loại ứng-cơ cũng có thể nói nhiếp thuộc trong cả Thế-gian cũng được.

Tất-cả trong thế-gian chỗ bao gồm thì đông (nhiều) mà nay đây riêng nói về 3 đường lành là Thiên-đạo, Nhơn-đạo, A-tu-la-đạo đó, là để cho rõ biết rằng đối với « pháp tri-danh niệm Phật » đây, tất-cả chúng-sanh trong sáu đường, so-sánh ra, thì phần nhiều hơn hết là chúng-sanh trong đường lành đều tu pháp niệm Phật. Phi-Thiên là : Cõi Thần A-tu-la sự giàu có vui sướng cũng đồng như cõi trời, nhưng vì cái đức hạnh không bằng trời ; rõ có bốn loài (25), đây chẳng kể nhiều.

Trong bài kể tên chúng hội trước kia không nói đến tên Tu-La là vì nhiếp thuộc trong hàng Thiên-nhơn và Đại-chúng...

Hỏi : Loại thần Tu-La rất là hung hăng, làm gì chấp tri Thánh hiệu là đề tu niệm Phật ?

Đáp : Loài quỷ, súc sanh còn biết qui-y, Thần Tu-La đâu không tin thọ ư ? Há chẳng nghe trong phẩm Thế-Chúa Diệu Nghiêm nói : các Thần Tu-La v.v... đều đặng pháp-môn giải-thoát hay sao ? Nay ở giữa loài người đây mấy kẻ ngơ lửng không biết tin niệm đó mới đáng trách la !!

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó cứu-cánh viên-mãn, là nghĩa Phật nói kinh rồi. Tự-tánh châu biến hàm dung, là nghĩa tất-cả Thế-gian.

SAO : Cứu-cánh : Thời trước sau viên chiếu, không thiếu không đủ. Châu biến : Thời phạm thánh bao gồm, nghìn đủ, muôn đủ ; Với bốn-kinh như thế thì, trước khi Phật chưa kêu ông Thần-Tử đã nói hết toàn văn, lại nào đợi Ngài Diệu-Thủ (Văn-Thù) bạch chùy, ông Song-Lam (Di-Lặc) phủ xích sau rồi mới bảo là thuyết-pháp hay sao ?

Cho nên nói : Khi thăng đường nhập thất, đại-chúng không thêm, lúc trống lừng chuông ngưng, các Nhơn-Thiên cùng chẳng giảm.

MINH TẮT PHỤNG HÀNH

Nghe Phật nói rồi hoan-hỉ tín-thọ, làm lễ mà lui.

SỚ : Hoan-hỉ là : Vì mừng chỗ được nghe. Tín-thọ là : Vì lãnh thọ chỗ đã được nghe. Làm lễ là : Vì trọng chỗ đã được nghe. Chữ Khử là : Nghe rồi thời lui về giữ tu vậy. Cũng là ba món tư-lương và ba-huệ, như văn trước đã nói.

SAO : Mừng chỗ được nghe là : Nhiều kiếp phiêu linh, là chính do chưa nghe pháp này. Nay biết pháp tri-danh được vãng sanh. Khá gọi như chứng bệnh mê-mạn nơi chiếu gối, bỗng gặp phương hay thần diệu. Ví như khách ngu lâu xứ lạ quê người, thoát nghe tin nhà hân-hạnh chi xiết, nên nói là mừng.

Lãnh chỗ đã được nghe là : Tin rồi không còn nghi. Thọ rồi chẳng dám sai như vâng lời của Quốc-hội, tuân mạng-lệnh của đấng gia-thân (cha lành) cho nên nói là lãnh vậy.

Trọng chỗ đã được nghe là : Trong lòng cảm kích, năm vóc kiêu-cần, như nhớ ơn rất tốt, lạy tạ không thôi, cho nên nói là trọng.

Giữ-tu là : người xưa nói : Tới mà nghe Đạo nơi Thầy, lui về làm Đạo nơi mình, chẳng phải như đời bây giờ, nghe vào lỗ tai, nói ra lỗ miệng (năng-thuyết bất năng-hành).

Ba món tư-lương là : Như văn trước nói : Nghe mà tin là Tín-tư lương ; Tin mà chịu là Nguyễn-tư-lương, chịu rồi đi là Hành tư lương.

Ba huệ là : Văn tức thuộc văn huệ. Hoan-hỉ tín thọ đó, tức thuộc Tư-huệ. Đi về giữ tu đó tức là thuộc tu huệ.

SỚ : Lại chữ Hoan-hỉ đây, cũng đủ ba nghĩa Thanh-Tịnh, như lời sớ trong Quán-kính nói.

SAO : Ba nghĩa là : Lời sớ trong Quán-kinh nói :
1.- Người năng-thuyết được thanh-tịnh. 2.- Pháp bị thuyết được thanh-tịnh. 3.- Ý theo pháp tu đạo quả, được Thanh-tịnh, đủ ba nghĩa đây, cho nên nói hoan-hỉ.

Nay nói pháp tri-danh được vãng-sanh, chính là đức Phật Ngài thuyết. Phật là người bậc Nhứt-Thế-Trí, chẳng phải như cái pháp của bốn hạng người kia thuyết vậy ; thế là người được thanh tịnh. Gặp người như vậy đâu chẳng hoan hỉ ?

Tri-danh được vãng-sanh, liền chứng pháp tam-muội, thế là thật giáo Đốn và Viên, chứ chẳng phải pháp quyền-thừa vậy ; thế là pháp được thanh-tịnh. Nay nghe pháp như vậy đâu chẳng hoan-hỉ.

Tri-danh được vãng-sanh, liền chứng đặng bậc Bất-thối-chuyển, thẳng đến thành Phật, chứ chẳng phải bậc tiểu-quả vậy ; thế là quả được thanh-tịnh ; chứng quả như vậy đâu chẳng hoan-hỉ.

SỚ : Lại chữ hoan-hỉ đây cũng gồm có cao có thấp, là mỗi mỗi đều tùy theo sở đắc của mỗi người tu.

SAO : Cao và thấp là : Như kinh Hoa-Nghiêm bậc sơ-địa, gọi là bậc Hoan-hỉ địa. Lại trong văn kinh nói : Đủ hai mươi món hoan-hỉ.

1.- Đời sau được 10 câu : Như chỗ nói : Vì niệm được danh các vị Phật, nên sanh tâm hoan-hỉ. Vì niệm được các pháp-môn nên sanh tâm hoan-hỉ v.v...

Nay người nghe được kinh này tự mừng rằng : Ta đời sau cũng được như Phật A-Di-Đà, ta đời sau cũng được các pháp-mầu như thế của Phật A-Di-Đà vậy.

2.- Hiện đời được 10 câu : Như chỗ nói : Đã xa lìa tất-cả cảnh-giới thế gian, nên sanh tâm hoan-hỉ. Vì được thân cận tất-cả vị Phật, nên sanh tâm hoan-hỉ v.v... Nay người nghe được kinh này, hiện đời được xa lìa cảnh-giới Ta-Bà ngũ-trược. Hiện đời được sanh về Tịnh-Độ cứu-liên được gần gũi Phật A-Di-Đà và chư Phật vậy.

Hai mươi hoan-hỉ đây, thuộc về trong địa vị (ngôi thập-địa). Cứ theo kinh Hoa-nghiêm thì, điều hoan-hỉ của kinh này thuộc về trong ngôi thập-địa Bồ-tát. Ngoài ra thì ngôi thập-hạnh, về sơ-hạnh cũng tên là hoan-hỉ ; trong văn Thập-trụ về ngôi sơ-trụ cũng nói : được vô-biên việc hoan-hỉ v.v... Cho nên nói cao có thấp. Nếu thấp lại còn thấp nữa, thời tùy theo phân lượng tu nhơn của mỗi người kia thì cũng được phần vui về pháp hỉ mà thôi.

SỞ : Lại kết-qui về chữ Tín-thọ là : Do vì từ ban đầu cho đến cuối sau đều dùng chữ Tín làm căn-bản.

SAO : Ban đầu, cuối sau là : Đầu kinh nêu hai chữ Như-thị, là lời Tín-Thuận. Nay cuối kinh lại nói Tín-Thọ thời biết nhơn Tín mới sanh ra nguyện, nhơn nguyện mới khởi ra hạnh. Từ đầu phát tâm, kể cuối được vãng sanh, rốt-ráo thành Phật, đều nhờ sức Tín, cho nên nói, từ đầu chỉ cuối lấy chữ Tín làm căn bản.

SỞ : Kinh Đại-Bồ-đề lời kết kinh có đủ các chúng-sanh đều được lợi-ích vị Long-Thiên Hộ-pháp xuống phước lành. Nay kinh này, không nói là bất văn vậy.

SAO : Kinh Đại-Bồ-đề nói : Phật nói kinh này rồi, có vô-lượng chúng-sanh phát tâm đề tu chứng bậc vô-thượng chánh-glác, một vạn hai nghìn số na-do-tha, người chứng pháp Nhãn-Tịnh ; 22 ức vị chư Thiên, kẻ Nhơn dân đắc quả A-Na-Hàm. 80 vạn tỷ-kheo đặng bậc Lưu-Tận-Ý-Giải ; 40 ức Bồ-tát đặng bậc Bất-thối-chuyển. Ba nghìn Đại-thiên thế-giới sáu món rừng động, hào-quang sáng lớn, tỏa chiếu khắp 10 phương các quốc độ, trăm nghìn tiếng âm-nhạc tự-nhiên nổi lên, vô-lượng thứ hoa màu, lãnh xăng rải xuống, nhả đến trời A-Ca-Ny-Tra, đều sắm đủ món vi-diệu cúng-dường.

Lại nói : có 25 ức chúng-sanh đặng bậc Bất-thối chuyển nhữn bốn vạn ức số na-do-tha chúng-sanh đối với quả Vô-thượng Bồ-Đề, chưa từng Phát tâm, nay mới bắt đầu phát khởi, trồng các thiện-căn, nguyện sanh về Cực-Lạc thế-giới, đồng sẽ sanh về, đều ở các phương khác, theo thứ lớp thành Phật, đồng một danh-hiệu là Diệu-Âm. Lại có 80 vạn ức số na-do-tha chúng-sanh được thọ-ký pháp nhữn.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồn có dặn-dò công-đức tri kinh. Nay tri kinh này cũng phải có công-đức như vậy.

SAO : Kinh Đại-Bồn Phật bảo Ngài Di-Lặc : Nay đem pháp môn này giao phó lại cho ông, ở trong đại-chúng, ông cũng khai thị cho chúng, phải dạy viết tả giữ-gìn đối trong kinh này sanh lòng tưởng như vị Đạo-Sư.

Lại nói có vô-lượng ức các vị Bồ-tát cũng đều cần pháp-môn vi diệu này. Các ông chớ trái lời Ta (Phật) mà bỏ qua, sẽ khiến cho các ông mê man trong đêm dài, chịu đủ muôn điều nguy khổ. Thế cho nên Ta nay nói lời đại chúc luy. Nay kinh này không nói, đều là bớt văn vậy.

SỞ : Lại kinh Đại-Bồn và kinh Pháp-Diệt đều nói : Đến ngày Pháp của Phật tiêu diệt, riêng còn đề lại kinh này. Cho nên biết kinh này có cái năng-lực tổng-trì cho đời mạt-pháp như trong Luận Hoa-Nghiêm nói.

SAO : Kinh Đại-Bồn nói : Qua đời Đương-lai (26) trong buổi khởi lửa, kinh điển và đạo-lý đều bị diệt hết. Ta do tâm từ-bi riêng đề lại kinh này một trăm năm Chúng-sanh, được gặp, không có một người nào mà chẳng đắc độ.

Nếu có chúng-sanh đối với quyền kinh này, viết tả cúng-dường thọ-trì đọc-tụng, vì người khác diễn nói, đến khi mạng chung Phật cùng các vị thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy trong giây lát liền sanh về cõi kia vậy.

Kinh Pháp-Diệt nói : Chừng đó kinh Thủ Lăng-Nghiêm diệt trước (27) kể đến các kinh, thấy đều diệt hết riêng còn kinh Vô-Lượng-Thọ độ các chúng-sanh (kinh này có tên là Vô-Lượng-Thọ).

Trong Hoa-Nghiêm luận nói đến cái thời chánh-pháp đã diệt (28) do nhờ sức tổng-trì (29) kinh này (Kinh-Hoa-Nghiêm) gìn-giữ các tông-pháp khác, làm cái nhơn cho giáo-lý được hoạt-động lưu-chuyển.

Nay đây nói các kinh đều lần lượt tiêu-diệt, riêng còn kinh A-Di-Đà tức kinh Vô-Lượng-Thọ này là một môn niệm

Phật, rộng độ chúng-sanh. Thời ra các kinh đã diệt, mà kinh Tiều-Bồn tức Đại-Bồn này không diệt, tức là còn để lại một món tri-danh niệm Phật này lưu-chuyển vô-tận, thế thì biết rằng : chính cái pháp tri-danh niệm Phật của kinh này nó cũng có cái sức tổng-trì như kinh Hoa-Nghiêm kia.

Tất cả chúng-sanh, phải nên tôn-trọng cung-kính, tín-thọ phụng-hành kinh này, vì kinh này ở chỗ nào cũng như Phật ở chỗ đó.

Hỏi : Câu riêng đề kinh này một trăm năm. Hai chữ kinh này số là chỉ cho kinh Đại-Bồn, này sao lại đem chỉ cho kinh Tiều-Bồn này.

Đáp : Văn trước đã chẳng nói rồi hay sao ? Văn có nhiều và ít, nhưng nghĩa không hơn kém, nghĩa là nói rộng thời là kinh Vô-Lượng-Thọ còn nói hẹp thời là kinh Tiều-bồn Di-Đà này chớ chẳng phải có hai vậy. Vì A-Di-Đà dịch là : « Vô-Lượng-Thọ » ; thế thì Vô-Lượng-Thọ kinh tức A-Di-Đà kinh.

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh không phiền-não, là nghĩa hoan-hỉ tín thọ, Tự-tánh không trụ trước, là nghĩa tác lễ nhi khứ.

SAO : Tâm phiền-não vốn vắng lặng tánh hoan-hỉ cũng không ; thời cõi khổ đau chẳng phải là cõi vui. Đến, thiết không biết từ đâu mà đến, đi cũng chẳng biết sẽ đi về đâu.

Thế thời vắng-sanh mà rốt ráo vô-sanh, dùng vô-sanh đây đề mà sanh về cõi kia, dùng ra chẳng phải sanh về cõi kia, mà thiết là sanh nơi tự-tâm của mình vậy.

Vậy sau không ai hỏi tự nói : Đức Thế-Tôn khởi phụ lời không đàm ; riêng lãnh đương cơ, ông Thân-Tử khởi phụ lời trọng thác (lời giao-phó). Đây thiết là hoan hỉ, đây thiết là tín-thọ, mới gọi là đúng phép làm lễ đức Như-Lai. Nếu ngoài cõi Cực-Lạc Cửu-Liên kia mà riêng nói là duy-tâm ; bỏ tên Di-Đà vạn đức, mà riêng tìm tự-tánh. Nên gọi rằng : Đang qua sông mà hỏi bến đò, đối trước đèn, mà đi tìm lửa đỏ vậy.

KẾT THÍCH CHỦ Ý :

(Kết giải ý nghĩa chú vãng-sanh)

Bài Thần-chú « đa-la-ni. Nhờ tất-cả cội gốc nghiệp chương, đặng sanh về cõi Tịnh-Độ ».

SỞ : Giải thích đại-ý của bài Thần-chú này : Do chú đề giúp với kinh, kinh có Thần-chú thời kinh càng rõ. Do kinh trước chú, chú có kinh văn thời chú càng linh, xen nhau mà dùng, nên cần phải kết giải. Chú này rõ thấy trong truyện Bất-tư-nghi thần-lực.

Người trì chú này, hết tội được vãng-sanh. Nên dùng danh nghĩa là Nhờ hết nghiệp-chương được sanh về Tịnh-Độ.

Chữ Đa-La-Ni dịch là Tổng-trì vậy.

SAO : Nghiệp-chương là : kẻ chương có ba nghĩa : 1.-Phiền-não-chương. 2.- Nghiệp-chương. 3.- Báo-chương.

Nay nói nghiệp chương là nói cái giữa thì đã gồm luôn cái trước và cái sau. Bởi sao ? — Vì phiền-não là cái Nhơn của nghiệp ; vì báo-chương là Quả của nghiệp. Nghiệp ắt có Nhơn ; nghiệp ắt chịu Quả ; nên nói nghiệp-chương thì đã gồm hai chương kia. Nay chúng ta muốn trừ chương, qui nhứt là trừ cội gốc của nó. Như gốc tuyết thời không đâm chồi ; chồi không nảy thời cành lá hoa trái đều không sống vậy.

Nay trì chú này, thời phiền-não không khởi, là nghĩa nhờ trừ gốc nghiệp-chương vậy.

Như trong truyện nói : Ngày đêm đều trì ba hoặc bảy hay là 21 biến diệt được tội ngũ-nghịch, tội bàng-pháp v.v... các tội ; phải vậy.

Đặng sanh về Tịnh-độ là : chúng-sanh luân-hồi trong cõi Ta-Bà, đều là do nghiệp-chương, nghiệp-chương đã không, thời hột giống cõi uế-độ liền diệt, tùy nguyện vãng-sanh, nên được sanh về cõi nước Cực-Lạc Phật A-Di-Đà.

Tổng-trì là : Tổng thống nhiếp trì lại không sót và mất ; tức là tên riêng của chú này,

Truyện tên « Bất tư nghi thần lực chủ ». Tức kinh này tên là : « Bất-tư-nghi công-đức kinh ».

Tri thần-chủ hay tri danh hiệu Phật, cũng đều được vãng-sanh một cách nên đồng tên là : Bất-tư-nghi.

Đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên-Gia (30) nước Thiên-trúc, Ngài Tam-Tạng tên Cầu-Na-Bạt-Đà-La dịch ra thần-chủ này.

SỐ : Chữ Tống là tên nước thuộc về đời Nam Bắc-triều (31), Nguyên-Gia là niên hiệu. Chữ Thiên-Trúc là nước Tây-Vức, Cầu-Na-Bạt-Đà-La dịch : Công-Đức-Hiền.

SAO : Đời Tống mà nói là đời Nam Bắc đây, là đương thời đời đó Nam Bắc phân chia làm vua. Vua nhà Tống ở miền Giang-Nam, thì gọi là Lưu-Tống (32).

Chữ Nguyên-Gia là : Vua Văn-đế niên hiệu Nguyên-Gia năm rớt vậy (453). Nước Thiên-Trúc có, chỗ khác nói : Nước Thán-Độc, Thiên-Trúc có năm nước đều chung gọi là cõi Tây-Vức.

Ngài Bạt-Đà là người rộng thông ba tạng, rất chuyên pháp Đại-thừa nên hiệu Ngài là : Ma-Ha-Điển. Nhưng cái thần dị ặc sắc của Ngài chẳng phải một, chép đủ trong bộ truyện ký ; đây sợ nhiều không dẫn. Có một bản dịch hai chữ : Đà-La, mà dưới chữ Đà không có chữ La. Hoặc có người nghi là Ngài : Cầu-Na-Bạt-Ma. Do vì hai Ngài đồng thời đó, chưa rõ thần chủ này là của Ngài nào dịch (mà đầu của Ngài nào dịch cũng đều đúng cả).

Tụng chú như đây :

Nam-mô A-Di-Đa Bà-Dạ, đa tha dà đa dạ đa diệt dạ tha,
a di rị đồ bà tỷ a di rị đa tất đam bà tỷ, A di rị đa tỷ ca lan đế,
a di rị đa tỷ ca lan đa, già di nị dà dạ na, chỉ đa ca lệ ta bà ha.

Nếu có Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhơn nào, hay tụng chú này thời Phật A-Di-Đa thường đứng trên đỉnh đầu người đó

ngày đêm ủng-hộ không cho kẻ oán thù làm hại, đương đời thường dặng an-ôn, đến khi mạng-chung, được tự-tại vãng-sanh.

SỐ : Các Bồn kia nghe phân câu cách có hơi khác ; nay y theo bản xưa, với thần chú không phiên dịch bất-tất gì cường-giải.

SAO : Các bồn chẳng đồng là : Như câu : Nam-mô A-Di-Đa bà-da, một bồn khác viết : Nam-mô a-di-đa-bà-da-đa lấy chữ Đa ở đầu câu kể, đem liên thuộc với dưới câu trên, cho nên nói là có hơi khác. Nay bất tất gì nhọc-nhân tìm xé phải quấy. Miễn y theo một bồn, chỉ tâm tụng trì tự thành lợi-ích.

Lại có chỗ nói : câu « Nam-mô a-di-đa bà-da, dịch : kính lạy đức Vô-Lượng-Thọ Phật ; câu » « đa-tha-dà đa-da » tức là câu « đa-đa-a-dà-độ » dịch Như-Lai. Câu « Đa-diệt dạ tha ». Bản tân dịch : « Tha đích giả thất » Bản cựu dịch. « Đát-diệt tha ».

Chữ diệt bộ mịch âm chữ Diệt bộ xước tức hai chữ : « Địa-dạ » nói nhập lại làm một tiếng dịch : Tức thuyết chủ viết. Từ đây sắp sau mới thiết là lời mật ngữ :

Song câu thần chú từ xưa dịch đề nguyên âm chữ không dịch nghĩa lược nói có năm ý :

1. - Như lời mật chỉ của vị quốc-chủ, chớ quấy rao truyền, vì chỉ phải kính vưng.
2. - Hoặc một danh-từ hàm có nhiều nghĩa, ví như chữ Tiên Đà-Bà (33).
3. - Hoặc phương này không có, ví như cây Diêm-phù-Đề (34).
4. - Hoặc thuận theo văn xưa, ví như chữ A-Nậu-Bồ-Đề.
5. - Hoặc tôn-trọng, chẳng phải tiếng nói của người Tàu đối chiếu dặng, ví như chữ « Bát-Nhã » (dịch « Trí-Huệ » cũng chưa hết nghĩa).

Có một chỗ nói : cũng có thể cường giải. Nhưng đã nói rằng cường chi bằng nin là hơn.

SỞ : Kinh và chú tương liên với nhau, chính là nghĩa Hiền và Mật viên-thông.

SAO : Rõ bày nước kia, y chánh trang-nghiêm, và môn Tín, Hạnh, Nguyện, như trong kinh đã giải rõ đó gọi là Hiền.

Tuân theo lời kín-nhiệm của Phật, chỉ tụng chú này, thời liềnặng vắng-sanh, đó gọi là Mật.

Hiền là bày rõ chỗ Mật ấy ra. Mật là giấu kín chỗ Hiền vậy. Gồm tụng cả hai, thời đều tốt cả. Riêng tụng tri chừng một cũng tóm thâu không sót, nên nói rằng Viên-thông.

SỞ : Tuy nói rằng tóm thâu không sót. Nhưng mà pháp chuyên tri danh hiệu, còn hơn tri-chú, cũng hơn thần chú khác và cũng hơn tất cả công-đức khác.

SAO : Riêng khen pháp tri-danh niệm Phật là :

1.- Hơn thần-chú vắng sanh này.

Vì lời giải của thần chú nói : tụng 30 vạn biến thời mới được thấy Phật A-Di-Đà. Mà pháp tri-danh niệm Phật này thời, chỉ một ngày được nhứt tâm liền có Phật hiện trước mặt.

Lại chú nói : Ngày đêm 6 thời, đều 3 hoặc 7 biến, hay là 21 biến diệt được tội ngũ-nghịch cùng các tội khác. Mà pháp tri-danh thời chỉ chỉ tâm niệm Phật một tiếng, liền diệt được 80 ức kiếp đường sanh-tử tội nặng.

2.- Hơn các thần chú khác là : Chuyên niệm danh hiệu Phật tức là : Chú Đại-thần, chú Đại-Minh, chú Vô-thượng và chú Vô-đẳng-đẳng.

Vì do 10 tiếng niệm Phật liềnặng vắng-sanh, một phen sanh liềnặng bất thối, oai linh chẳng lường, thế gọi là Đại-thần, còn mấy nghĩa khác so đó để biết vậy.

Hỏi : Công-đức của Chuẩn-Đề rất rộng rất lớn, mà thế nào chỉ niệm danh hiệu Phật lại đặng hơn kia ?

Đáp : Vì phẩm và lượng của Chuẩn-Đề là còn ở nơi Nhơn-Địa Bồ-Tát, còn Di-Đà là quả vị Như-Lai. Vậy nhơn đó để so mà biết được rằng :

Tri chú Chuẩn-Đề đã có thần lực rất rộng rất lớn như thế thì niệm Phật A-Di-Đà há chẳng linh-ứng nhiều hơn chú Chuẩn-Đề à?

Cho nên trong kinh nói : niệm 62 ức số hằng hà sa danh hiệu các vị Bồ-Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, phước kia bằng nhau.

Lại nói : Niệm vô-lượng vô số danh hiệu đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Nam-Mô Địa-Tạng Bồ-Tát, phước kia bằng nhau. Đó, niệm Bồ-Tát còn được như thế, huống chi là niệm Phật?!

3.- Cũng hơn các công đức khác là : Lục-Độ vạn hạnh, Pháp-môn vô-lượng. Nhưng chuyên niệm một danh hiệu A-Di-Đà thì gồm thâu được tất cả công-deù của mỗi mỗi pháp-môn khác. Do vì không ngoài một lý Nhất-tâm. Như trong văn trước đã nói rộng.

Vậy xin các bạn giữa « Tịnh-nghiệp Đệ-tử » nên chuyên một đức tin, chuyên một tâm niệm Phật mà thôi chớ đừng lưỡng-lự gì nữa.

Như trong kinh nói : Dầu có một pháp nào cao hơn cõi Niết-bàn đi nữa, cũng là chẳng đoái đến.

Trong Thiên-tông các vị Tri-thức có dạy người chỉ giữ một câu thoại đầu (một câu niệm Phật) không cần tu các pháp nào khác.

Nên biết rằng : Nguyên những người đã tu học các pháp môn khác, còn phải bỏ đi để tu theo pháp niệm thay! Huống chi những người vốn đã tu pháp-môn niệm Phật, lại đổi chỗ sở-thú của mình, mà chuộng về môn khác ư?

Thế là tâm muốn hàng hai, chi chẳng qui nhứt, làm sao đề đăng thành-tựu pháp Tam-muội?

Rủi tới cơn vô-thường, lương không đăng chi, chẳng xét nhớ lỗi mình, trở đem phao lời hủy báng than ôi! Lầm lầm!!

SỞ : Xứng-lý, thời tự-tánh nó không. Thì vẫn là không, là nghĩa nhờ trước hết nghiệp-chương.

Tự-tánh nó có, thì cũng vẫn có nó là nghĩa Đà-la-Ni. Tự tánh nó chẳng có chẳng không, là nghĩa sanh về Tịnh-Độ.

SAO : Tim tâm rốt không thể đặng, thời là nghĩa tất cả nghiệp chương ai làm cội gốc ? Tức là Tâm nó không chỗ nào mà chẳng đủ tất cả công - đức, không đức nào nó chẳng Tổng-tri !

Đương khi nó Tổng-tri mà chẳng dính một mảy trần, thì cái có đó là có bằng « tức không ».

Thế nó không có cội gốc, mà sanh ra cả muôn pháp, thì cái không đó là không bằng cái « tức có ».

Tức có thời chẳng phải thật không, tức không thời chẳng phải thật có ; Chẳng không chẳng có, chỉ là nhưt Tâm, chẳng vượt ngoài nhưt tâm, ấy gọi là Tịnh-Độ.

CHÚ - THÍCH

KINH A-DI-ĐÀ SỚ-SAO

QUYỀN THỨ TƯ

- (1) « **Tứ-chúng** » : 1.- Tỳ-Kheo (Bhikṣu) ; 2.- Tỳ-Kheo-Ni (Bhikṣuṇī) ; 3.- Ưu-Bà-Tắc (Upasaka) ; 4.- Ưu-Bà-Di (Upasikā).
- (2) « **Thời nhơn tự chẳng biết** » : Xưa nói : Di-Lặc thật Di-Lặc, hóa thân nghìn trăm ức, mỗi giờ hiện trước người, mà tự người không biết.
- (3) « **Hơi ấm** » : Cái thân của người ta lúc chết ; Chỉ có nơi trái tim là còn hơi ấm rất sau, vì cái thức A-lai-da nó còn ở tại đó ; đến chừng mà nơi đó lạnh là, thức ấy lìa khỏi xác, gọi bằng « khứ hậu lai tiền » lúc chết thì nó đi rất sau ; lúc đầu thai thời nó đến trước. (Trong luận Duy-Thức có nói rõ).
- (4) « **Ghét thương cha mẹ** » : Sau khi thờ hơi cuối cùng thần-thức nó bỏ cái thân tiền-ấm (tử-thi), lìa ra, nó hóa sanh làm cái thân trung-ấm ở giữa không-gian, bấy giờ, đối với nó, cả vũ-trụ toàn là đen tối, chỉ chỗ nào có nhơn-duyên với nó, là nó thấy ánh-sáng : Lửa dâm-dục của cha mẹ đương hành hành dâm, thì nó đến liền nhanh hơn chớp ; hoặc thương cha ghét mẹ, nếu nó sắp đầu thai để sanh làm con gái ; hoặc thương mẹ ghét cha, nếu nó sẽ là con trai ; vì tình thân ái khiến nó phải như thế ; gọi là « nhơn ái tình làm giống ». Kể đó, nó sanh tâm niệm vọng-tưởng : Chính nó hành dâm với giống đực, nếu nó là giống cái ; hoặc tưởng ái-ân với giống cái, nếu nó là giống đực ; Với vọng tưởng ấy, gọi là « tối sơ nhứt niệm điên-đảo », vì nó tưởng chính nó hành dâm, chứ không còn thấy có cha mẹ nữa, nên nói là điên-đảo ; bấy giờ nó đã đầu thai rồi gọi là « nạp tướng thành thai » (xem bài tựa thứ nhứt của bộ Duy-Thức Tam-tự-kinh thấy rõ).

- (5) « **Tiểu-thánh Sơ-tâm** » : 1.- Đối với Đại-thừa, thì 4 quả Thánh Thinh-Văn, gọi là Tiểu-Thánh ; 2.- Đối với Phật-thừa thì các Bồ-tát trong Đại-thừa, gọi là Tiểu-thánh. Vì chỗ chứng ngộ còn cạn thấp Sơ-tâm : Hoặc mới phát tâm cầu học đạo Bồ-đề ; hoặc mới phát tâm học đạo Đại-thừa Bồ-tát. Tiểu-thánh sơ-tâm đây cũng chưa biết được chỗ « sanh-lai từ-khứ » của mình, vì lòng vọng-hoặc còn nhiều, đương dứt hoặc, chứng chơn chưa được mấy, nên có chỗ bảo : Sanh bất tri tùng hà xứ lai, từ bất tri tùng hà xứ khứ, gọi là Bồ-tát cách ẩm hôn-mê : Cái thân ngũ-âm hiện nay cách biệt với thân ngũ-âm đời trước, nên nói là hôn-mê, không nhớ được quá-khứ, bởi còn vô-minh. (Trừ bực Đăng-giác Bồ-tát).
- (6) « **Chưa biết chỗ xuất nhập** » : Các Hiền-Thánh trong pháp xuất-thế-gian, cũng nhiều vị chưa tự biết sự luân-hồi của mình, nếu chưa chứng-ngộ pháp « thập nhị nhơn-duyên » và chưa chứng pháp túc-mạng-thông. Huống chi là các Hiền-Thánh trong thế-gian thì làm gì biết được ? Như các Ngài : Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Châu-Công, Khổng-Tử... đều được thiên-hạ từ xưa nay tôn-sùng là bực Thánh ; thế mà các Ngài cũng đều chưa tự biết kiếp trước là gì. Các Ngài : Trần-nhơn-Tôn, Trần-hưng-Đạo trở về già đều có đi tu cả, mà cũng chưa chứng « túc-mạng-thông ». Chỉ như đức Thánh-Tổ Hoàng-Đế là vua Khang-Hy đã từng than rằng : « Ngã bôn Tây thiên nhứt nợ tử, vân hà đọa lạc Đế-vương-gia » ? (Ta vốn là một nhà sư của đạo Phật, thế sao sa vào nhà Đế-vương ?) Cũng có hơi biết nhưng mập-mờ ! Vì chưa được tự sáng-suốt. Trừ các Ngài và những bực đã có chứng túc-mạng-thông và cả lục-thông, từ bực La-Hán sắp lên.
- (7) « **Nên gọi là điên-đảo** » : Khi trung-ấm đến đề đầu thai, với giữa cha mẹ nó, nó tư-tưởng là nó làm sự ái-ân, chớ nó không còn nhận thấy sẽ là cha mẹ của nó, đó là với cái thân ngày nay đây, gọi cái tương-tự làm ái-ân hồi đầu thai đó, là tối sơ nhứt niệm đảo-diễn (xem ở số 4 trên).
- (8) « **Bảy thú** » : Bảy chỗ đề đến (thú) đầu thai : 1.- Địa-ngục thú (narakagati) ; 2.- Ngạ-quỉ thú (preta) ; 3.- Súc-sanh thú (tiriyagyon) ; 4.- Nho thú (manusya) ; 5.- Thần-tiên thú (bhi) ;

6.- Thiên thú (deva) ; 7.- A-Tu-La thú (Asura). Kinh Lăng-nghiêm cuốn 9 nói : « các thú : Địa-ngục, Nga-quỉ, Súc-sanh, Nhơn-loại, Thần-tiên, Thiên-loại và Tu-la, xét ra các thú ấy đều bị khổ tối tăm trầm-nịch ! Về với các cái thân tướng hữu-vi, chúng vọng tưởng đề thụ-sanh, chúng vọng tưởng đề theo nghiệp ». Bảy thú ấy đều ở trong ba giới, đều chịu cái công-lệ luân-hồi sanh-tử mà không tự biết được cái kiếp đời sống thác của mình, gọi là túy sanh mộng-tử.

- (9) « **Ngài Tứ-Minh** » : Đời Tống, Ngài Trí-Lễ pháp-sư ở núi Tứ-Minh (núi này ở phía Nam Phủ Khánh-nguyên, Ninh-Ba tỉnh Chiết-giang) để chấn-hưng chánh-nghĩa của Tôn Thiên-Thai, nên gọi Tứ-minh Tôn-giả. Ngài Pháp-Trí Tôn-giả, húy Trí-Lễ, tự ước ngôn ; người đời sau hơn chỗ Ngài ở nên xưng là Tứ-Minh đại-sư. Ngài xuất-gia từ hồi 7 tuổi, 15 tuổi thụ Cụ-túc-giới, chuyên-tinh học bộ luật Thiên-Thai-Tôn, hậu học đa sùng tôn-trọng.
- (10) « **Trí-đức, đoạn-đức** » : Soi rõ được chơn-lý là Trí-đức, dứt hết phiền - não là Đoạn-đức. Tức là Bồ - Đề và Niết-bàn. Luận vãng-sanh lời chú giải rằng : « Luận về Trí thì không nghĩa nào không thông ; nói về đoạn thì bao tập-khí cũng không còn. Với Trí Đoạn đều đủ, mới có thể làm ích-lợi cho đời ».
- (11) « **Việt, Ngôn, Yên, Tần** » : Việt : Nước Việt, tức là giống U-Việt, nay là tỉnh Chiết-Giang. Nước Ngô, nay là địa-phận đất huyện Vô-Tích. Tỉnh Giang-Tô. Nước Yên, nay là đất các tỉnh : Phụng-Thiên, Trục-Lệ và Bắc-bộ của nước Triều-Tiên. Nước Tần nay là các tỉnh : Cam-Túc, Thiểm-Tây.
- (12) « **Dao giết trâu** » : Sách Luận-ngữ nói : Đức Khổng-Tử qua ấp Vũ-thành nghe tiếng : Cầm-sắc và Ca-xướng, Ngài chúm-chúm mỉm cười rằng : « Với việc cắt cõ-gà đầu lại dùng đến cái dao thọc cõ trâu ! » Lời chú Vũ-thành là cái ấp nhỏ. Hà tất dùng đến cái dao lớn ? « cắt kê » : Cắt cõ gà. Tỷ-dụ : Với cái tài-năng lớn lại đem sử-dụng vào việc nhỏ. Nên nói : « cắt-kê yên dụng ngư dao ».
- (13) « **Nước Ngô thành ao** » : Người xưa là ông Ngũ-Tử-Tư, Tồ-quần nước Sở, đời Xuân - thu. Ông nói : « Nước Việt nó sanh nở, sống chung chừng 10 năm, giáo dục huấn-luyện lối 10 năm, sau

20 năm đó, nó sẽ đánh nước Ngô thành ao vũng mà chớ ». Lời chú : Cả cung-thất thành-lũy của nước Ngô đều thành ao nước như đực !

- (14) « Sáu thù » : 24 thù là 1 lượng, 16 lượng là 1 cân. Phía nam nước Ấn-Độ, có hòn núi tên là Nguu-đầu, vì hình núi giống cái đầu-trâu. Núi ấy nó sản-xuất thứ cây Chiên-đàn đỏ có kết Tinh-huon quý giá ấy.
- (15) « Tổ pháp-thân » : « Pháp thân suông » : Chữ Tổ nghĩa là không tron. Như không thật sự làm việc, mà có ăn lương bổng gọi là « tổ-xan ». Không chức tước phẩm-vị gì cả mà giàu có, gọi là « tổ-phong ». Đời Tấn, ông Đỗ-Dự xưng tụng đức Không-Tử là « Tổ-Vương » : Do vì kẻ thất-phu mà làm thầy cả muôn đời, bởi không nương-cậy nơi uy-quyền mà thế lực cũng đồng bậc với Đế-Vương. Tổ-pháp-thân : Chỉ có cái hiện-thể của pháp-thân, mà chẳng đủ những công-đức của pháp-thân. Ngài Thiên-Thai bảo là « Lý tức-Phật », chính là cả chúng-sanh giữa 3 ác-đạo. Sách Tứ-giáo Nghi nói : « Nay dù rằng Tức-Phật ». Đây là « Phật bằng lý » cũng là « Tổ-pháp-thân », thì Phật ấy có quan-hệ gì với công-tu chứng đàu, vì chưa có phước-đức công-hạnh để trang nghiêm thân thể. Lời chú giải rằng : Không việc rõ công-đức trang-nghiêm, thể pháp-thân trống không, là chỗ bị Thiên-long Bát-bộ khinh hèn.
- (16) « Cây thụ vương » : Lớn nhất giữa các loại cây trên thế-giới nên gọi Thụ-vương : Cây chúa, Tự phẩm kinh Pháp-Hoa nói : « Cõi nước tự nhiên xinh đẹp lạ-lùng, như bông nở rộ của Cây-chúa trên trời ». Cây lớn nhất thế-giới đây tức là cây Ba-lợi-chất-da ở trên cung trời Đao-lợi ; mà trong kinh Khỉ-Thế cuốn thứ 6, và kinh Trường-A-Hàm cuốn 20 đều có nói.
- (17) « Nhứt-thế-nghĩa-Thành » : Gọi đủ là « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tự » tức « Tên », hồi còn làm Thái-Tử của Phật, mà dịch nghĩa bởi danh « Tất-Bà-Hạt-Thích-Ca-Tất-Đạt » (Đời Đường dịch Nhứt-thế-nghĩa thành-tự), cụu dịch Tất-Đạt là sai. Với nghĩa trên, thấy trong cuốn 7, bộ Tây-vực-ký. Kinh Hoa-Nghiêm cuốn 12 nói : « Với giữa 4 châu thiên hạ, đức Như-Lai hoặc là « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tự », hoặc tên là « Thích-Ca-Mưu-Ni ». Vì « Nhứt-thế-nghĩa-thành-tự » là : Trọn nên tất cả nghĩa ».

- (18) « **Dịch-Địa giai nhiên** » : *Đương thuở thái-bình, mà ông Vũ, ông Tắc đã 3 lần đi ngang qua cửa ngõ đều chẳng vào nhà mình, vì cần với bốn phận đương làm việc, nên được đức Khổng-Tử khen ngợi ; Đương thời loạn-lạc mà thầy Nhan-Uyên ở nơi xóm hẻm nhỏ, trong lều tranh chỉ có một đai com, một bầu nước mà thôi, theo người ta thì chẳng xiết nỗi âu-lo ; mà thầy Nhan vẫn không đổi chí vui ! Nên cũng được đức Khổng-Tử khen ngợi. Thầy Mạnh nói : Hạ-Vũ, Hậu-Tắc và Nhan-Uyên đồng một đạo thể. Lại nói : « Các Ngài : Vũ-Tắc, Nhan-Tử, dời địa vị thì đều thể ». Vì vẫn vui với bốn phận dù cảnh ngộ, trường hợp có khác chứ tâm địa vẫn đồng.*
- (19) « **Tự-thệ Tam-muội** » : *Như tiền-thân của Phật Thích-Ca là Ngài Đại-thần Bửu-Hải phát-nguyện tương-lai ở cõi kham nhẫn uế-độ thành Phật, để tế-độ chúng-sanh ; mà nay lời thệ nguyện đó Ngài đã chứng đặng rồi, nên nói : Riêng một mình Ngài chứng đặng tự-thệ tam-muội đủ thấy trong : « Như-Lai độc-chứng tự-thệ tam-muội kinh ».*
- (20) « **Phạm-vương tên Nhẫn** » : *Kiếp sơ là ban đầu « Kiếp thành nghĩa là bắt đầu mới thành cái thế-giới Kham-nhẫn này. Trước nhứt Trời Phạm-vương đọa xuống làm người, do lấy tên người đặt tên cho cõi, nên nói là Kham-nhẫn thế-giới. Vì người tên Nhẫn cõi phải tên Nhẫn, người, cõi Kham chịu với nhau, nên gọi Kham-Nhẫn. Sách Huyền-tán cuốn 2 nói : « Các khổ khổn ngặt, mà chúng-sanh vẫn kham chịu nhọc-nhẫn ; các Bồ-tát ra làm lợi-lạc cho, lại bị nhiều ganh-ghét, mà Bồ-tát cũng kham chịu được, nên chung lập thành tên cho cõi này là Kham-nhẫn ».*
- (21) « **Đời ác thế** » : *Là cái thời kỳ mà loài người làm việc ác rất thanh hơn hết. Sách Tán-thiện nghĩa gọi là ngũ-trược ác-thế. Trong kiếp « Trụ » từ cái thời-kỳ mà loài người mỗi người còn sống được 2 vạn tuổi (kiếp giảm) là bắt đầu sanh 5 điều ác trược ; « kiếp trược » là phần chung 4 trược kia là phần riêng, vì giữa kiếp trược nó có 4 trược ấy, bởi có 4 trược đó, nên gọi là kiếp trược. Trong kiếp trược, từ mỗi người sống còn được 2 muôn tuổi, thì cả thế-giới đã bắt đầu xây ra 5 trược, nhưng còn nhẹ ít ; dần dần theo thời đại biến giảm xuống, thì cái trình-độ 5 trược càng tăng kịch lên cao. Mà đức Thích-Ca ra đời nhằm cái*

thời mỗi người chỉ sống còn có trăm tuổi, thì trước nó lại quá ư kịch-liệt ! Huống nữa lại giảm xuống đến thời mà mỗi người chỉ còn 10 tuổi là kiếp giảm đã cực điểm, thì trước nó lại càng không thể tưởng-tượng được ! Hiện nay mỗi người còn sống được trong ngoài 70 tuổi, trước nó đã quá với thời Phật ở đời (100 tuổi), vậy từ nay bắt một kẻ đi... thì còn 9.000 năm nữa mới đến cái thời mà con người chỉ còn có 10 tuổi là một đời (hết tiêu kiếp thứ 9), thế thì giữa thời kỳ « chín ngàn năm » đở, ở thế-giới này, chúng-sanh làm gì có những : Đại-đồng ? Tự-do ? Hạnh-phúc ? Vì ngũ-trước còn kịch-liệt kia mà !

(22) « Ngũ-thanh » : Năm điều thanh-tịnh : 1.- Kiếp thanh là bên cõi nước Thanh-thái, chẳng có cái kiếp giảm xảy ra 4 trước như cõi uế-độ, nên gọi Kiếp-thanh ; 2.- Kiến-thanh : Nhận thấy không mê lầm như Thân-kiến, Biên-kiến, Tà-kiến của cõi này ; 3.- Ý-thanh : Ý-thức không tham, sân, si... phiền-não mê-tịn tu-làm luyện-sái như cõi này ; 4.- Mạng-thanh : Thọ-mạng vô-lượng, không tăng lên 8 vạn 4 nghìn tuổi, không giảm xuống còn chỉ 10 tuổi, mà phải chịu cái khổ thọ-mạng rút ngắn bằng sanh, lão, bệnh, tử ; 5.- Chúng-sanh thanh : Toàn chư Thiện-nhơn cu-hội nhưt xú đều là bậc Thánh ; chứ chẳng phải như nhơn gian này, cái thân quả-báo sút kém, cái tâm tối-dốt khiếp-nhược ; khổ nhiều phước-ít như chúng-sanh cõi này. Vì đều được kết-quả bởi đa thiện-căn phước-đức nhơn-duyên bằng cái tu-nhơn trì danh niệm Phật đã thanh-tịnh.

(23) « 5 thống, 5 thiếu, 5 ác » : Tạo-tác 5 điều ác là : Sát-sanh, trộm-đạo, tà-dâm, vọng-ngữ và ầm-tửu, đó, thì khi còn sống bị lấy pháp-luật của nước nhà làm hại. Lúc chết sa vào ác đạo gọi là 5 điều thống khổ làm cho thân-tâm bị đau khổ như lửa cháy, nên dụ là 5 điều thiếu đốt. Kinh Vô-lượng-thọ nói : « Ta nay làm Phật giữa thế-giới này ở trong 5 thống 5 thiếu rất là kịch-khổ, đề giáo-hóa chúng-sanh khiến chúng-sanh bỏ 5 ác, trừ 5 thống, lìa 5 thiếu. Thế mà chúng-sanh không bỏ, cứ say-sưa trong biển hồ sanh-tử, Phật rất đau lòng, khác nào người con bất-hiểu không nghe lời, cứ tạo nghiệp, cha mẹ lòng thương lo-lắng !

(24) « **Tưởng-diệt Nam** » : Trên hội Linh-sơn, Phật thuyết kinh Pháp-hoa, bấy giờ bực Thượng-đức, Thịnh-văn nghe chẳng nổi pháp nhứt-thừa thật tướng, đứng dậy lạy Phật rồi lui về, kè có 5.000 người, gọi bằng Ngũ-thiền thối tịch. Và trên hội Hoa-Nghiêm, những chúng chẳng thấy được cái thân tốt của Phật Xá-Na, cũng là đồng một hạng nghe pháp không hiểu nổi, đành chịu thua lui về, như quân-sĩ bại trận nên bảo là bại-bắc. Ngài Đức-sơn, hiệu là Châu-kim-Cang, chẳng tin cái thuyết đơn truyền trực-chỉ của Nam-Tôn, ngài chép ra bộ « Thanh-long-Sao », để làm tài liệu đem qua phương Nam, định đánh đổ Nam-tôn. Đến gần biên-cảnh, ghé vào quán nước, để dùng điềm-tâm. Mục quán hỏi : Ngài mang thứ chi đó ? Kim-Cang Thanh-long-Sao. Kinh Kim-Cang nói 3 tâm chẳng thể có, vậy Ngài điềm tâm nào ? Đức-sơn Ngài không trả lời được ! Sau đến nơi ngài Long-Đàm gạn hỏi đôi phen, bỗng động giác-ngộ, bèn than rằng : Lẽ mầu đã biện tột rồi, bộ Thanh-long-Sao như mây lông để giữa không ; cả lý do của thế-gian dường như một nhều nước thả xuống biển thẳm, có ăn nhập vào đâu ? Rồi Ngài đốt luôn bộ Kim-cang Thanh-long-Sao. Ba tâm : Quá-khứ tâm, Hiện-tại tâm và Vị-lai tâm.

(25) « **A-Tu-La có 4 loại** » : Kinh Pháp-Hoa, phẩm tự, kè 4 loại A-Tu-La : 1.- Ba trì A-Tu-La vương ; 2.- Khư-La-Khiêm-Đà A-Tu-La vương ; 3.- Tỳ-Ma-Chất-Đa-La vương ; 4.- La-Hầu A-Tu-La vương đều có hàng trăm hàng ngàn quyến thuộc, kinh Khi-Thế chép rằng : Giữa loài A-Tu-La có một nhóm rất liệt-nhược ở trong chốn núi sâu cõi nhơn-gian, tức giữa núi phương Tây có một cái hang đá rất sâu, ở đó có rất nhiều cung-điện, A-Tu-La, kinh Pháp-Hoa Văn-Cú cuốn năm nói : Thứ A-Tu-La thuộc về Quí-đạo thì ở bên Đại-hải, thứ A-Tu-La thuộc về Súc-sanh-đạo thì ở dưới đáy biển.

(26) « **Qua đời tương lai** » : Là nói về khoản : Cuối tiều-kiếp thứ 9 và đầu tiều kiếp thứ 10. Kinh La-hán Hộ-pháp chép rằng : Cuối thứ 9 này, lúc mà cả nhơn loại mỗi người chỉ sống còn có 10 tuổi là mãn đời đó, bấy giờ cả thế-giới đều nổi lên cái tai đao-binh, chỉ trong 7 ngày, toàn cả loài tàn-sát lẫn nhau lúc đó (hết tiều-kiếp thứ chín) giáo-pháp của đức Thích-Ca phải tiều diệt lần ; sau cái tai đao-binh 10 ngày, bắt đầu qua cái tiều-kiếp thứ 10 v.v...

- (27) « **Kinh thủ Lăng-Nghiêm diệt trước** » : Vì nghĩa-lý quá u sâu xa cao-thượng, mà tâm-trí của nhơn-loại bấy giờ lại cực-kỳ đơn-giản tối-tâm nên không tu-học nổi kinh pháp ấy ! Đã chẳng học nổi thì còn ai đâu hoằng-truyền pháp-thủ Lăng-nghiêm tam-muội nữa, thành thử nó phải tiêu-diệt trước là vậy.
- (28) « **Thời Chánh-pháp đã diệt** » : Kể từ ngày mà Phật nhập-diệt về sau đủ một ngàn năm, là cái thời-kỳ chánh-pháp : Trong đời chánh-pháp đó, hễ người xuất-gia thụ giới Tỳ-kheo đều học-tu thuộc lòng cả 3 tạng, nhứt là tạng-luật nên giới đức hoàn-toàn. Bởi vừa thuộc lòng 3 tạng, vừa trọn đủ giới-hạnh, để ấn-tâm truyền-khẩu với nhau về cái quan-diểm « giải-thoát kiên-cố », nên gọi là chánh-pháp. Nghĩa là chánh-thức giữ đúng pháp của Phật. Mà ở đây nói đời chánh-pháp đã diệt, là đã qua khỏi một ngàn năm nói trên rồi, tức là thuộc về đời tượng-pháp, nó tương tự chứ không được chánh-thức. Vì kẻ xuất-gia phần nhiều không thuộc lòng tam-tạng chẳng giữ trọn hạnh-giới, chỉ chuyên về văn-tự ngữ-ngôn hơn tu chứng.
- (29) « **Sức Tổng-trì** » : Đà-La-Ni (Dharani) Dịch là Tổng-trì gồm giữ nghĩa là : Với việc lành giữ không cho mất, với việc ác giữ chẳng cho gây : Thẻ nó là Niệm, Định và Huệ, là chỗ của Bồ-tát tu đủ công-đức. Tổng-trì có 4 : 1.- Pháp-tổng-trì cũng gọi là Văn-tổng-trì : Với Giáo-pháp của Phật, nghe nhớ giữ không quên. 2.- Nghĩa-tổng-trì : Với nghĩa lý của Pháp gồm giữ không cho mất. 3.- Chú tổng-trì : Bồ-tát y nơi tâm định rồi khỏi niệm đề trì-tụng thần-chú, trì chú đã được thần lực linh-nghiệm, trừ được tai nạn bệnh hoạn cho nhân-dân. 4.- Nhẫn tổng-trì : Trí chơn-thật của Bồ-tát, nhẫn chịu giữ được thật-tướng của Pháp mà không cho mất. Chơn-ngôn-tôn, Đà-La-Ni đây, tức là Chú-tổng-trì đây vậy.
- (A) « **Riêng đề kinh này một trăm năm** » : Tức là kinh Vô-lượng-Thọ cũng kinh A-Di-Đà : Về tiêu-kiếp thứ 10, trong thời-kỳ tăng : Bấy giờ từ 10 tuổi đó, tăng lên, đến chừng mà mỗi người sống được 8 vạn tuổi, thì kinh pháp của đức Thích-Ca đều diệt hết. chỉ còn lại kinh A-Di-Đà cũng như pháp « trì-danh niệm Phật » còn lại một trăm năm độ sanh, vì chỉ có 6 tiếng dễ học dễ tu với trình-độ của chúng-sanh trong thời-gian đó tăng đến mỗi người sống đủ 8 vạn 4 nghìn tuổi, là thời tăng đã mãn, trở lại giảm

xuống đến lúc mà mỗi người sống còn 8 vạn tuổi, bấy giờ đức Di-Lặc ra đời v.v...

- (30) « **Nguồn-gia** » : Niên hiệu của Văn-đế (duyên-lịch 424, trước Dân-quốc 1488 năm) đời Lưu-tổng miền Nam bên Tàu bấy giờ (theo duyên-lịch thì trong khoản : 420 — 476).
- (31) « **Nam Bắc triều** » : Từ đời Đông-Tấn, Nguyên-Đế (317) về sau, gọi là Nam Bắc triều : Chiếm-cứ về khu-vực phương Nam gọi là Nam-triều, có 4 triều là : Tống, Tề, Lương, Trần đều là Hán-tộc, chiếm-cứ về miền Bắc là Bắc-ngụy : Bắc-Tề, Bắc-châu. Cả Nam Bắc-triều ; khởi từ năm Canh-Thân (420) đến năm Ất-Dậu (589) là hết, vì Tùy-văn-Đế thống nhất nước Tàu, lên ngôi năm ấy ký-hiệu là Khai-hoàng Nguyên-niên.
- (32) « **Lưu-Tổng** » : Gọi riêng về Tống Nam-triều, bởi ông Lưu-Dũ làm vua, xưng Tống, nên gọi Lưu-tổng, để cho riêng biệt với triều Tống, là ông Triệu-khuôn-Dẫn làm vua sau này cũng xưng Tống.
- (33) « **Tiên-đà-bà** » : Với danh-từ « Tiên-đà-bà » đủ có bốn nghĩa là : 1.- Muối. 2.- Nước. 3.- Ngựa. 4.- Đồ vật dụng. Chỉ có một bề tôi đủ trí-thức, mới có thể hiểu được. Nghĩa là : Như lúc mà nhà vua dùng bữa, Ngài gọi rằng : Tiên-đà-bà ! Thì vị trí-thần hiểu ngay là vua cần dùng muối, lúc nhà vua tắm gội, gọi Tiên-đà-bà ! trí-thần biết liền là Hoàng-thượng cần dùng nước. Khi nhà vua làm công chuyện, bảo : Tiên-đà-bà ! Vị trí-thần ấy rõ ngay là Thánh-thượng Ngài cần dùng đồ-đạc gì đó. Lúc nhà vua, Ngài muốn ra dạo chơi, gọi rằng : Tiên-đà-bà ! Thì quan trí-thần ấy tức hiểu là Thiên-tử Ngài cần dùng ngựa.
- (34) « **Diêm-phù-đề** » : Đọc đủ là Diêm-phù-đề-bệ-ba (Jampudvipa) : Châu Diêm-phù, nghĩa là giữa trung tâm Châu này có rừng cây Diêm-phù, dùng tên cây, để đặt tên cho Châu này, lại ở về phía Nam núi Tu-Di, nên gọi là Nam Diêm-phù Đề-bệ-ba, tức là cái Châu mà loài người chúng ta ở đây. Luận-cu-Xá cuốn 11 chép rằng : Phía Bắc núi Đại-tuyết có núi Hương-túy, khoảng giữa 2 núi ấy, có cái ao nước lớn, tên là Vô-nhiệt. Bên ao ấy có rừng cây Thiệm-bộ tức Diêm-phù, hình cây rất cao lớn, trái rất ngon ngọt, nhưn danh rừng cây ấy, nên đặt tên cho Châu này là Thiệm-bộ-Châu cũng như Diêm-phù-Châu.

MỤC LỤC

- <i>Lời giới thiệu</i>	5
- <i>Lời nói đầu</i>	9
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ nhất</i>	11
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ nhất</i>	101
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ hai</i>	145
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ hai</i>	241
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ ba</i>	257
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ ba</i>	349
- PHẬT THÍCH CA NÓI KINH A-DI-ĐÀ NGÀI VÂN THÊ LÀM LỜI SỚ SAO <i>Quyển thứ tư</i>	359
- CHÚ THÍCH KINH A-DI-ĐÀ SỚ SAO <i>Quyển thứ tư</i>	452

KINH A DI ĐÀ SỞ SAO
Hòa thượng THÍCH HÀNH TRỤ





Nam mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát